BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN

Ngữ văn 12

TẬP MỘT

12

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN TRỌNG LUẬN (Tổng Chủ biên) - TRẦN ĐĂNG SUYỀN (Chủ biên phần Văn)
BÙI MINH TOÁN (Chủ biên phần Tiếng Việt) - LÊ A (Chủ biên phần Làm văn)
LÊ NGUYÊN CẨN - ĐẶNG ANH ĐÀO - NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
NGUYỄN THÁI HOÀ - ĐỖ KIM HỒI - NGUYỄN XUÂN NAM
ĐOÀN ĐỨC PHƯƠNG - NGUYỄN PHƯỢNG - VŨ DƯƠNG QUÝ

Ngữ văn 12

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

timdapan.com

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng cho các em học sinh lớp sau !

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01-2020/CXBIPH/622-869/GD Mã số : CH211T0

timdapan.com

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975.
- Thấy được những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam giai đoạn từ năm 1975, đặc biệt là từ năm 1986 đến hết thế kỉ XX.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại đã mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc ta. Từ đây, một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội được khai sinh.

Nền văn học mới đã phát triển qua hai giai đoạn : giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 và giai đoạn từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

I – KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975

1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá

Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 là nền văn học của chế độ mới, vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đường lối văn nghệ của Đảng là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên một nền văn học thống nhất về khuynh hướng tư tưởng, thống nhất về tổ chức và về quan niệm nhà văn kiểu mới : *nhà văn – chiến sĩ*.

Từ năm 1945 đến năm 1975, trên đất nước ta diễn ra nhiều sự kiện lớn lao : cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dài suốt ba mươi năm, công cuộc xây dựng cuộc sống mới, con người mới ở miền Bắc,... Những sự kiện

timdapan.com

đó đã tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của dân tộc, trong đó có văn học nghệ thuật. Điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài không thuận lợi, chỉ giới hạn trong một số nước. Trong hoàn cảnh ấy, văn học giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 vẫn phát triển và đạt được những thành tựu to lớn.

Trước trụ sở Hội Văn nghệ Việt Nam tại huyện Đại Từ, Thái Nguyên – 1949.
Từ trái qua phải : Ngô Tất Tố, Nguyễn Xuân Sanh, Tố Hữu, Xuân Diệu,
Thế Lữ, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân.

Ảnh : Trần Văn Lưu

2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu

a) *Chặng đường từ năm 1945 đến năm 1954*

Chủ đề bao trùm sáng tác văn học trong những ngày đầu đất nước giành được độc lập là ca ngợi Tổ quốc và quần chúng cách mạng, kêu gọi tinh thần đoàn kết toàn dân, cổ vũ phong trào Nam tiến, biểu dương những tấm gương vì nước quên mình. Hình ảnh cả dân tộc đang trỗi dậy, niềm tự hào đến mức say mê trước "cuộc tái sinh màu nhiệm" (Hoài Thanh) của dân tộc được biểu lộ qua nhiều tác phẩm : *Dân khí miền Trung* của Hoài Thanh, *Huế tháng Tám, Vui bất tuyệt* của Tố Hữu, *Ngọn quốc kì, Hội nghị non sông* của Xuân Diệu, *Tình sông núi* của Trần Mai Ninh,...

timdapan.com

Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đến với cách mạng và kháng chiến, nhiều văn nghệ sĩ đã thể hiện lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Nhưng những ngày đầu, họ chưa thể "rung động được cái rung động của quần chúng" (Nguyễn Đình Thi). Chính đường lối văn nghệ của Đảng với những chủ trương đúng đắn như "văn hoá hoá kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá", "cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt", đưa văn nghệ sĩ thâm nhập đời sống thực tế,... đã góp phần khơi nguồn cảm hứng sáng tạo của nhà văn và tạo nên những thành tựu đặc sắc của văn nghệ kháng chiến.

Văn học gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến ; hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân ; thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

Truyện ngắn và kí là những thể loại mở đầu cho văn xuôi kháng chiến chống thực dân Pháp. Kí sự *Một lần tới Thủ đô, Trận phố Ràng* của Trần Đăng, truyện ngắn *Đôi mắt* và nhật kí *Ở rừng* của Nam Cao, truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, *Thư nhà* của Hồ Phương,... là những tác phẩm tiêu biểu.

Từ năm 1950, đã bắt đầu xuất hiện những tập truyện, kí khá dày dặn. Đáng chú ý là các tác phẩm được tặng giải thưởng truyện – kí của Hội Văn nghệ Việt Nam năm 1951 – 1952 : *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Kí sự Cao Lạng* của Nguyễn Huy Tưởng và các tác phẩm được tặng giải Nhất trong giải thưởng truyện – kí năm 1954 – 1955 : *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc, *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài.

Thơ những năm kháng chiến chống Pháp đạt được nhiều thành tựu xuất sắc. Tình yêu quê hương, đất nước, lòng căm thù giặc, ca ngợi cuộc kháng chiến và con người kháng chiến là những cảm hứng chính. Hình ảnh quê hương và những con người kháng chiến, từ anh vệ quốc quân, bà mẹ chiến sĩ, chị phụ nữ nông thôn đến em bé liên lạc, được thể hiện chân thực, gợi cảm. Một số nhà thơ có ý thức đổi mới thơ ca với những xu hướng khác nhau. Tố Hữu được xem là lá cờ đầu của nền thơ, đại diện cho xu hướng đại chúng hoá, hướng về dân tộc, khai thác những thể thơ truyền thống. Bên cạnh đó, Nguyễn Đình Thi tiêu biểu cho hướng tìm tòi, cách tân thơ ca, đưa ra một kiểu thơ hướng nội, tự do, không vần hoặc rất ít vần. Còn thơ Quang Dũng lại tiêu biểu cho hướng khai thác cảm hứng lãng mạn anh hùng. Những tác phẩm xuất sắc của thơ kháng chiến là *Cảnh khuya, Rằm tháng giêng* (Nguyên tiêu) của Hồ Chí Minh, *Đèo Cả* của Hữu Loan, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm,

timdapan.com

Tây Tiến của Quang Dũng, *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Bao giờ trở lại* của Hoàng Trung Thông, *Đồng chí* của Chính Hữu và đặc biệt là tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu,...

Một số vở kịch ra đời phản ánh hiện thực cách mạng và kháng chiến. *Bắc Sơn, Những người ở lại* của Nguyễn Huy Tưởng, *Chị Hoà* của Học Phi là những vở được chú ý trong chặng đường này.

Lí luận, nghiên cứu, phê bình văn học từ năm 1945 đến năm 1954 chưa phát triển nhưng đã có một số sự kiện và tác phẩm có ý nghĩa quan trọng. Bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam* (1948) của Trường Chinh, Hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc (1949) có ý nghĩa định hướng cho văn học nghệ thuật. Bài tiểu luận *Nhận đường* và tập *Mấy vấn đề nghệ thuật* của Nguyễn Đình Thi, tập phê bình, tiểu luận *Nói chuyện thơ ca kháng chiến* và *Quyền sống con người trong "Truyện Kiều"* của Hoài Thanh, *Giảng văn "Chinh phụ ngâm"* của Đặng Thai Mai,... là những tác phẩm tiêu biểu.

b) *Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964*

Đây là chặng đường văn học trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Văn học tập trung thể hiện hình ảnh người lao động, ngợi ca những đổi thay của đất nước và con người trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội với cảm hứng lãng mạn, tràn đầy niềm vui và niềm lạc quan tin tưởng. Nhiều tác phẩm văn học đã thể hiện tình cảm sâu nặng với miền Nam ruột thịt, nói lên nỗi đau chia cắt và thể hiện ý chí thống nhất đất nước.

Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề và phạm vi của hiện thực đời sống. Nhiều tác phẩm viết về sự *đổi đời* của con người, miêu tả sự biến đổi số phận và tính cách nhân vật trong môi trường xã hội mới. Không ít tác phẩm đi theo hướng này đã thể hiện được khát vọng hạnh phúc của con người, có ý nghĩa nhân văn khá sâu sắc như *Đi bước nữa* của Nguyễn Thế Phương, *Mùa lạc* của Nguyễn Khải, *Anh Keng* của Nguyễn Kiên,... Một số tác phẩm tập trung khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp, không chỉ ngợi ca chủ nghĩa anh hùng, tinh thần bất khuất mà còn phản ánh được phần nào những hi sinh gian khổ, những tổn thất và số phận của con người trong chiến tranh như tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Cao điểm cuối cùng* của Hữu Mai, *Trước giờ nổ súng* của Lê Khâm,...

Ngoài ra còn có những truyện ngắn, tiểu thuyết viết về hiện thực đời sống trước Cách mạng với cái nhìn, khả năng phân tích và sức khái quát mới :

timdapan.com

Vợ nhặt của Kim Lân, *Tranh tối tranh sáng* của Nguyễn Công Hoan, *Mười năm* của Tô Hoài, *Phất* của Bùi Huy Phồn. Những bộ tiểu thuyết : *Vỡ bờ* (hai tập) của Nguyễn Đình Thi, *Cửa biển* (bốn tập) của Nguyên Hồng đã dựng lên được khá rõ bức tranh hoành tráng của lịch sử cách mạng Việt Nam, phản ánh hiện thực đau thương và anh dũng của dân tộc từ thời kì Mặt trận Dân chủ đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều cây bút. Nhiều chuyến đi thực tế được tổ chức tạo điều kiện cho các nhà văn thâm nhập cuộc sống mới. *Sông Đà* của Nguyễn Tuân, *Bốn năm sau* của Nguyễn Huy Tưởng, *Mùa lạc* của Nguyễn Khải, *Cái sân gạch* của Đào Vũ,... bước đầu khẳng định thành tựu của văn xuôi viết về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. Tuy nhiên, ở chặng đường này, vẫn còn nhiều tác phẩm thể hiện con người và cuộc sống một cách đơn giản, phẩm chất nghệ thuật còn non yếu.

Thơ từ năm 1955 đến năm 1964 phát triển mạnh mẽ. Sự hồi sinh của đất nước sau những năm tháng kháng chiến chống Pháp đầy hi sinh gian khổ, thành tựu bước đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự hoà hợp giữa cái riêng với cái chung, nỗi đau chia cắt hai miền Nam – Bắc,... là những nguồn cảm hứng lớn của thơ ca. Nhiều tác phẩm thơ xuất sắc đã kết hợp hài hoà yếu tố hiện thực và yếu tố lãng mạn cách mạng. Thơ ca đã có được một mùa gặt bội thu với các tập *Gió lộng* của Tố Hữu, *Ánh sáng và phù sa* của Chế Lan Viên, *Riêng chung* của Xuân Diệu, *Đất nở hoa*, *Bài thơ cuộc đời* của Huy Cận, *Gửi miền Bắc*, *Tiếng sóng* của Tế Hanh, *Bài thơ Hắc Hải* của Nguyễn Đình Thi, *Những cánh buồm* của Hoàng Trung Thông,... Nỗi đau chia cắt đất nước, nỗi nhớ quê hương và khát vọng giải phóng miền Nam là nguồn cảm hứng của nhiều bài thơ đặc sắc của Tố Hữu, Tế Hanh, Nguyễn Bính. Ngay trên tuyến đầu chống Mĩ, đã sớm xuất hiện những bài thơ hay, xúc động về miền Nam yêu thương và anh dũng như *Mồ anh hoa nở* của Thanh Hải và *Quê hương* của Giang Nam.

Kịch nói cũng có một số tác phẩm được dư luận chú ý như *Một đảng viên* của Học Phi, *Ngọn lửa* của Nguyễn Vũ, *Quẫn* của Lộng Chương, *Chị Nhàn* và *Nổi gió* của Đào Hồng Cẩm,...

c) *Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975*

Văn học chặng đường này tập trung viết về cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Chủ đề bao trùm là ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

timdapan.com

Văn xuôi chặng đường này phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, đã khắc hoạ khá thành công hình ảnh con người Việt Nam anh dũng, kiên cường, bất khuất. Từ tiền tuyến lớn, những tác phẩm truyện, kí viết trong máu lửa của chiến tranh đã phản ánh nhanh nhạy và kịp thời cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam anh dũng. *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi, *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Giấc mơ ông lão vườn chim, Hòn Đất* của Anh Đức, *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, *Rừng U Minh* của Trần Hiếu Minh, *Mẫn và tôi* của Phan Tứ,... đã tạo được sự hấp dẫn người đọc trong những năm chống Mĩ. Ở miền Bắc, truyện, kí cũng phát triển mạnh. Tiêu biểu là kí chống Mĩ của Nguyễn Tuân ; truyện ngắn của Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Vũ Thị Thường, Đỗ Chu ; tiểu thuyết *Vùng trời* (ba tập) của Hữu Mai, *Cửa sông* và *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu, *Chiến sĩ* của Nguyễn Khải, *Bão biển* (hai tập) của Chu Văn,...

Thơ những năm chống Mĩ cứu nước đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, đánh dấu một bước tiến mới của nền thơ Việt Nam hiện đại. Thơ ca tập trung thể hiện cuộc ra quân vĩ đại của toàn dân tộc, khám phá sức mạnh của con người Việt Nam, nhận thức và đề cao sứ mệnh lịch sử, tầm vóc và ý nghĩa nhân loại của cuộc kháng chiến chống Mĩ. Thơ chặng đường này thể hiện rất rõ khuynh hướng mở rộng và đào sâu chất liệu hiện thực ; đồng thời tăng cường sức khái quát, chất suy tưởng, chính luận. Nhiều tập thơ có tiếng vang, tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như *Ra trận, Máu và hoa* của Tố Hữu, *Hoa ngày thường – Chim báo bão* và *Những bài thơ đánh giặc* của Chế Lan Viên, *Hai đợt sóng, Tôi giàu đôi mắt* của Xuân Diệu, *Dòng sông trong xanh* của Nguyễn Đình Thi, *Đầu súng trăng treo* của Chính Hữu, *Cửa mở* của Việt Phương, *Vầng trăng quầng lửa* và *Thơ một chặng đường* của Phạm Tiến Duật, *Đất ngoại ô* và *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, *Gió Lào cát trắng* của Xuân Quỳnh, *Hương cây – Bếp lửa* của Lưu Quang Vũ và Bằng Việt, *Cát trắng* của Nguyễn Duy, *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa,... Lịch sử thơ ca chặng đường này đặc biệt ghi nhận sự xuất hiện và những đóng góp của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước. Những tác giả đó phần lớn là những người trực tiếp cầm súng, vừa đánh giặc vừa làm thơ. Thơ của họ giàu những chi tiết chân thực của đời sống chiến trường, phản ánh được một phần cái ác liệt, những hi sinh, tổn thất trong chiến tranh, đặc biệt là đã dựng nên bức chân dung tinh thần của cả một thế hệ trẻ cầm súng "Cả thế hệ dàn hàng gánh đất nước trên vai" (Bằng Việt). Họ đã đem đến cho nền thơ Việt Nam hiện đại một tiếng thơ mới mẻ : trẻ trung, sôi nổi mà vẫn thấm đượm chất suy tư, triết luận. Đó là Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Anh Xuân, Lưu Quang Vũ,

timdapan.com

Bằng Việt, Nguyễn Mỹ, Xuân Quỳnh, Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Duy, Hoàng Nhuận Cầm, Trần Đăng Khoa,...

Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận. *Quê hương Việt Nam* và *Thời tiết ngày mai* của Xuân Trình, *Đại đội trưởng của tôi* của Đào Hồng Cẩm, *Đôi mắt* của Vũ Dũng Minh,... là những vở tạo được tiếng vang lúc bấy giờ.

Chặng đường này, nhiều công trình nghiên cứu, lí luận, phê bình xuất hiện. Có giá trị hơn cả là những công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lê Đình Ky,...

*

* *

Nói đến văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 cũng cần phải lưu ý tới văn học vùng địch tạm chiếm, tức là văn học dưới chế độ thực dân (cũ hoặc mới). Cùng với cuộc đấu tranh cách mạng ở các vùng giải phóng, ở miền Nam, từ năm 1954 đến năm 1975, trong vùng địch chiếm đóng luôn luôn có phong trào đấu tranh của nhân dân dưới hình thức hợp pháp hoặc bất hợp pháp, theo khuynh hướng dân tộc, dân chủ. Đó là cơ sở xã hội để hình thành và phân hoá các xu hướng văn học khác nhau trong vùng địch tạm chiếm mà chủ yếu là ở đô thị miền Nam từ năm 1946 đến năm 1975.

Dưới chế độ Mĩ và chính quyền Sài Gòn, nhiều xu hướng văn học tiêu cực, phản động tồn tại đan xen nhau : xu hướng "chống cộng", xu hướng đồi truỵ,... Nhưng bên cạnh đó vẫn có xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng. Xu hướng văn học này tuy bị đàn áp nhưng vẫn tồn tại, có lúc phải tạm thời lắng xuống, tìm cách thể hiện nội dung tư tưởng một cách kín đáo, khi có điều kiện thuận lợi lại bùng lên mạnh mẽ với những tác phẩm chiến đấu trực diện với kẻ thù. Hình thức thể loại của những sáng tác này thường gọn nhẹ : thơ, truyện ngắn, phóng sự, bút kí. Nội dung tư tưởng nói chung đều nhằm phủ định chế độ bất công và tàn bạo ; lên án bọn cướp nước và bán nước ; thức tỉnh lòng yêu nước và ý thức dân tộc ; kêu gọi, cổ vũ các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, tập hợp lực lượng xuống đường đấu tranh.

Mùa hè năm 1965, khi hơn nửa triệu quân viễn chinh Mĩ đổ vào miền Nam trực tiếp tiến hành chiến tranh cục bộ, thì tinh thần dân tộc của tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ được khơi dậy mạnh mẽ. Nhiều tổ chức văn hoá, xã hội được thành lập ở các thành phố, trong đó có Lực lượng bảo vệ văn hoá dân tộc ở Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn càng đàn áp thì xu hướng văn học tiến bộ,

timdapan.com

yêu nước càng phát triển. Đội ngũ các nhà văn được bổ sung nhiều cây bút trẻ, phần lớn là học sinh, sinh viên, chưa có kinh nghiệm nghề nghiệp nhưng đầy nhiệt tình yêu nước và có trình độ văn hoá cao.

Ngoài ra, cần kể đến một số sáng tác có nội dung lành mạnh và giá trị nghệ thuật khá cao viết về hiện thực xã hội, về đời sống văn hoá, phong tục, về thiên nhiên đất nước, về vẻ đẹp của con người lao động. Có giá trị hơn cả là *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam, *Thương nhớ mười hai* của Vũ Bằng,...

Nhìn chung, các xu hướng văn học cách mạng, tiến bộ và lành mạnh ở vùng địch tạm chiếm từ năm 1946 đến năm 1975, vì nhiều lí do, không có điều kiện đạt được thành tựu lớn nếu đánh giá đầy đủ về cả hai mặt tư tưởng và nghệ thuật. Những sáng tác tiêu biểu cho các xu hướng văn học nói trên là một số tác phẩm của Vũ Hạnh, Trần Quang Long, Đông Trình, Vũ Bằng, Lý Chánh Trung, Lý Văn Sâm, Viễn Phương, Lê Vĩnh Hoà, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Sơn Nam, Võ Hồng,...

3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975

a) *Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước*

Đáp ứng yêu cầu lịch sử, vì mục tiêu chung của toàn dân tộc, văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 chủ yếu vận động theo hướng *cách mạng hoá*, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.

Nền văn học mới được khai sinh cùng với sự ra đời của nhà nước nhân dân còn non trẻ, lại trải qua ba mươi năm chiến tranh ác liệt chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, vận nước có lúc ngàn cân treo sợi tóc nên sớm được kiến tạo theo mô hình "Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận" (Hồ Chí Minh) cùng với kiểu nhà văn mới : nhà văn – chiến sĩ. Khuynh hướng tư tưởng chủ đạo của nền văn học mới là tư tưởng cách mạng, văn học trước hết phải là một thứ vũ khí phục vụ sự nghiệp cách mạng. Ý thức, trách nhiệm công dân của người nghệ sĩ được đề cao. Gắn bó với dân tộc, với nhân dân và đất nước, dùng ngòi bút để phục vụ kháng chiến, cổ vũ chiến đấu là đòi hỏi, yêu cầu của thời đại, đồng thời cũng là tình cảm, ý thức tự giác của nhà văn. Và chính hiện thực đời sống cách mạng và kháng chiến đã đem đến nguồn cảm hứng lớn, những phẩm chất mới cho văn học : "Văn nghệ phụng sự kháng chiến, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta" (Nguyễn Đình Thi, *Nhận đường*).

timdapan.com

Gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước nên quá trình vận động, phát triển của nền văn học mới ăn nhịp với từng chặng đường lịch sử của dân tộc, theo sát từng nhiệm vụ chính trị của đất nước. Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 tập trung vào đề tài Tổ quốc : bảo vệ đất nước, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Toàn bộ nền văn học, từ thơ ca, truyện, kí đến nghệ thuật sân khấu, đều tập trung khai thác mâu thuẫn xung đột giữa ta và địch ; đặt lợi ích của Tổ quốc, của toàn dân tộc lên trên hết. Nhân vật trung tâm của văn học là người chiến sĩ trên mặt trận vũ trang và những lực lượng trực tiếp phục vụ chiến trường như dân quân du kích, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến,... Tổ quốc trở thành nguồn cảm hứng lớn, một đề tài chủ yếu xuyên suốt trong những bài thơ của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Giang Nam, Thanh Hải, Thu Bồn, Lê Anh Xuân, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm,... ; trong những truyện ngắn của Nguyễn Thi, Anh Đức, Nguyên Ngọc, Nguyễn Quang Sáng và trong tiểu thuyết của Anh Đức, Phan Tứ, Nguyễn Minh Châu,...

Cùng với đề tài Tổ quốc, chủ nghĩa xã hội cũng là một đề tài lớn của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975. Miền Bắc được giải phóng, sau mấy năm hàn gắn vết thương chiến tranh đã bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Chủ nghĩa xã hội là mơ ước, là cái đích hướng tới của toàn dân tộc, là khát vọng vươn tới những tầm cao mới của cuộc sống. Trung tâm chú ý của các nhà văn là hình ảnh con người mới, là mối quan hệ mới giữa những người lao động, là sự hoà hợp giữa cái riêng với cái chung, giữa cá nhân và tập thể. Văn học giai đoạn này đề cao lao động, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người lao động. Lao động cũng là một biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng trên mặt trận sản xuất và xây dựng đất nước. Những tiểu thuyết của Nguyễn Khải, Đào Vũ, Chu Văn, những bài thơ của Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Hoàng Trung Thông,... là những sáng tác tiêu biểu.

Như vậy, có thể coi văn học như một tấm gương phản chiếu những vấn đề lớn lao, trọng đại nhất của đất nước và cách mạng từ năm 1945 đến năm 1975 : đấu tranh thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tế thì hai đề tài lớn này không có sự tách bạch hoàn toàn mà gắn bó mật thiết với nhau trong sáng tác của từng tác giả, thậm chí có sự hoà quyện trong cùng một tác phẩm. Giai đoạn này cũng có một số sáng tác viết về các đề tài khác, nhưng đó không phải là những tác phẩm thuộc dòng chủ lưu. Nhìn chung, Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là đề tài bao quát toàn bộ nền văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975, làm nên diện mạo riêng của văn học giai đoạn này.

timdapan.com

b) *Nền văn học hướng về đại chúng*

Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và đối tượng phục vụ, vừa là nguồn cung cấp, bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học. Cách mạng và kháng chiến đã làm thay đổi hẳn cách nhìn nhân dân của nhiều nhà văn ; đồng thời, hình thành ở họ một quan niệm mới về đất nước : đất nước của nhân dân. Chính nhân dân đã xây dựng, gìn giữ và bảo vệ đất nước bằng mồ hôi, nước mắt và máu xương của mình qua hàng nghìn năm lịch sử. Đó là cảm hứng chủ đạo, là chủ đề của nhiều tác phẩm viết về đất nước trong văn học giai đoạn này.

Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 quan tâm tới đời sống của nhân dân lao động, nói lên nỗi bất hạnh của những người lao động nghèo khổ bị áp bức, bóc lột trong xã hội cũ cũng như niềm vui, niềm tự hào của họ về cuộc đời mới. Nhiều tác phẩm đã thể hiện con đường tất yếu đến với cách mạng của những người dân lao động bị dồn đẩy đến bước đường cùng, phát hiện ở họ khả năng cách mạng và phẩm chất anh hùng. Nền văn học mới cũng tập trung xây dựng hình tượng quần chúng cách mạng, miêu tả hình tượng người nông dân, người mẹ, chị phụ nữ, em bé,..., diễn tả vẻ đẹp tâm hồn của nhân dân lao động. Có thể nói, đó là một nền văn học có tính nhân dân sâu sắc và nội dung nhân đạo mới.

Hướng về đại chúng, văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 phần lớn là những tác phẩm ngắn gọn, nội dung dễ hiểu, chủ đề rõ ràng. Văn học cũng thường tìm đến những hình thức nghệ thuật quen thuộc với nhân dân ở ngay trong kho tàng văn hoá dân gian và văn học truyền thống. Ngôn ngữ nghệ thuật bình dị, trong sáng, dễ hiểu đối với nhân dân.

c) *Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn*

Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt kéo dài suốt 30 năm, vấn đề dân tộc nổi lên hàng đầu ; văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 không thể là tiếng nói riêng của mỗi cá nhân mà tất yếu phải đề cập tới số phận chung của cả cộng đồng, của toàn dân tộc. Văn học mang đậm chất sử thi, tập trung phản ánh những vấn đề cơ bản nhất, có ý nghĩa sống còn của đất nước : Tổ quốc còn hay mất, độc lập tự do hay nô lệ. Đây là văn học của những vấn đề, những sự kiện có ý nghĩa lịch sử, của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng. Nhân vật chính thường tiêu biểu cho lí tưởng chung của dân tộc, gắn bó số phận mình với số phận đất nước, thể hiện và kết tinh những phẩm chất cao đẹp của cả cộng đồng. Con người chủ yếu được khám phá ở bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, ý thức chính trị, ở lẽ sống lớn và tình cảm lớn.

timdapan.com

Cái riêng tư, đời thường nếu được nói đến thì chủ yếu cũng là để nhấn mạnh thêm trách nhiệm và tình cảm của cá nhân đối với cộng đồng. Lời văn sử thi cũng thường mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp một cách tráng lệ, hào hùng.

Khuynh hướng sử thi đòi hỏi người cầm bút nhìn con người và cuộc đời không chỉ bằng con mắt của cá nhân mình mà chủ yếu là bằng con mắt có tầm bao quát của lịch sử, dân tộc và thời đại. Tố Hữu gọi đó là con mắt "nhìn bốn hướng – Trông lại nghìn xưa, trông tới mai sau – Trông Bắc trông Nam, trông cả địa cầu !" ; còn Chế Lan Viên gọi là "con mắt Bạch Đằng – con mắt Đống Đa". Với cái nhìn sử thi, nhiều nhà văn, nhà thơ đã dồn tâm huyết để viết về những con người đại diện cho tinh hoa và khí phách, phẩm chất và ý chí của toàn dân tộc. Đó là những con người có khả năng đáp ứng được những đòi hỏi của dân tộc và thời đại, nhân danh cộng đồng mà chiến đấu vì sự sống còn của Tổ quốc. Với ý nghĩa đó, chị Út Tịch trong sáng tác của Nguyễn Thi, chị Trần Thị Lý trong thơ Tố Hữu không phải chỉ là những cá nhân mà còn là biểu tượng của *Người mẹ cầm súng*, là hình ảnh tiêu biểu của *Người con gái Việt Nam* mang "trái tim vĩ đại – Còn một giọt máu tươi còn đập mãi – Không phải cho em. Cho Lẽ phải trên đời – Cho quê hương em. Cho Tổ quốc, loài người !". Núp, Tnú trong tác phẩm của Nguyên Ngọc là hình ảnh anh hùng của *Đất nước đứng lên*, là biểu tượng của khí phách hiên ngang, tinh thần bất khuất của *Rừng xà nu*, của đồng bào Tây Nguyên. Ông Tám Xẻo Đước trong truyện ngắn của Anh Đức là biểu tượng cho sự vùng dậy quyết liệt của *Đất* ; bà mẹ đào hầm chở che cho bộ đội trong thơ Dương Hương Ly là hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng "rộng vô cùng" của nhân dân, của *Đất quê ta mênh mông*. Anh giải phóng quân ngã xuống trên đường băng Tân Sơn Nhất vẫn trong tư thế đàng hoàng nổ súng tiến công trong thơ Lê Anh Xuân trở thành hình ảnh tượng trưng của "Dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỉ" v.v...

Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 vừa mang đậm tính sử thi vừa tràn đầy cảm hứng lãng mạn. Đó cũng là nét tâm lí chung của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh, dù có chồng chất khó khăn và hi sinh nhưng lòng vẫn tràn đầy mơ ước hướng tới tương lai. Cảm hứng lãng mạn chủ yếu được thể hiện trong việc khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới và vẻ đẹp của con người mới, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người Việt Nam có thể vượt lên mọi thử thách, trong máu lửa chiến tranh đã hướng tới ngày chiến thắng, trong

timdapan.com

gian khổ cơ cực đã nghĩ tới ngày ấm no, hạnh phúc. Cho nên, những cuộc chia li cũng "chói ngời sắc đỏ" (Nguyễn Mỹ) ; ra trận, đi vào nơi mưa bom bão đạn mà vui như trẩy hội : "Xẻ dọc Trường Sơn, đi cứu nước – Mà lòng phơi phới dậy tương lai !" (Tố Hữu),... Cảm hứng lãng mạn trở thành cảm hứng chủ đạo không chỉ trong thơ mà còn trong nhiều thể loại văn học khác như truyện ngắn, tiểu thuyết, bút kí, kịch bản sân khấu,...

Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 không phải không có những tác phẩm vượt ra ngoài khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, nhưng những tác phẩm đó chỉ thuộc về dòng phụ lưu của nền văn học. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn đã làm cho văn học giai đoạn này thấm nhuần tinh thần lạc quan, đồng thời đáp ứng được yêu cầu phản ánh hiện thực đời sống trong quá trình vận động và phát triển cách mạng. Từ tiểu thuyết, truyện ngắn đến bút kí, tuỳ bút cho đến kịch bản sân khấu và cả thơ trữ tình đều thống nhất với nhau trong phương hướng miêu tả đời sống. Hướng vận động của cốt truyện, xung đột nghệ thuật, số phận, tính cách nhân vật, của cái tôi trữ tình và dòng cảm nghĩ của tác giả nói chung đều từ hiện tại vươn tới tương lai, từ bóng tối ra ánh sáng, từ gian khổ hi sinh đến niềm vui chiến thắng, từ nô lệ xiềng xích đến độc lập, tự do,... Tất cả những yếu tố nói trên hoà hợp với nhau, tạo nên đặc điểm cơ bản về khuynh hướng thẩm mĩ của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975.

II – VÀI NÉT KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

1. Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại chống đế quốc Mĩ đã kết thúc thắng lợi. Lịch sử dân tộc lại mở ra một thời kì mới – thời kì độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Tuy nhiên, từ năm 1975 đến năm 1985, đất nước ta lại gặp những thử thách, khó khăn mới, nhất là khó khăn về kinh tế chủ yếu do hậu quả nặng nề của chiến tranh tàn khốc kéo dài suốt ba mươi năm. Tình hình đó đòi hỏi đất nước phải đổi mới. Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) đã chỉ rõ đổi mới là "nhu cầu bức thiết", là "vấn đề có ý nghĩa sống còn" của toàn dân tộc. Từ năm 1986, với công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản đề xướng và lãnh đạo, kinh tế nước ta từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hoá cũng có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với văn hoá

timdapan.com

nhiều nước trên thế giới. Văn học dịch, báo chí và các phương tiện truyền thông khác phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển của văn học. Đất nước bước vào công cuộc đổi mới thúc đẩy nền văn học cũng phải đổi mới phù hợp với nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của nền văn học.

2. Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu

Từ sau năm 1975, thơ không tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như ở giai đoạn trước. Tuy nhiên, vẫn có những tác phẩm ít nhiều tạo được sự chú ý của người đọc.

Chế Lan Viên từ lâu vẫn âm thầm đổi mới thơ ca, điều đó được thể hiện qua các tập *Di cảo thơ*. Những cây bút thuộc thế hệ chống Mĩ vẫn tiếp tục sáng tác, sung sức hơn cả là Xuân Quỳnh, Nguyễn Duy, Hữu Thỉnh, Thanh Thảo, Nguyễn Đức Mậu,... Hiện tượng nở rộ trường ca sau năm 1975 đã tạo được tiếng vang trên thi đàn, có thể xem là một trong những thành tựu nổi bật của thơ ca giai đoạn này. Khuynh hướng chung của những bản trường ca này là muốn tổng kết, khái quát về chiến tranh thông qua sự trải nghiệm riêng của mỗi nhà thơ trong suốt những năm trực tiếp cầm súng. Đó là trường ca *Những người đi tới biển* của Thanh Thảo, *Đường tới thành phố* của Hữu Thỉnh, *Trường ca sư đoàn* của Nguyễn Đức Mậu,... Sau hiện tượng nở rộ trường ca, nhiều tập thơ liên tiếp xuất hiện, nhưng nhìn chung, các nhà thơ vẫn viết theo tư duy cũ. Những tác phẩm được dư luận chú ý không nhiều. Đáng chú ý hơn cả là *Tự hát* của Xuân Quỳnh, *Người đàn bà ngồi đan* của Ý Nhi, *Thư mùa đông* của Hữu Thỉnh, *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, *Xúc xắc mùa thu* của Hoàng Nhuận Cầm, *Nhà thơ và hoa cỏ* của Trần Nhuận Minh, *Gọi nhau qua vách núi* của Thi Hoàng,... Những cây bút làm thơ thuộc thế hệ các nhà thơ sau năm 1975 xuất hiện ngày càng nhiều, đã và đang từng bước khẳng định vị trí của mình, tiêu biểu là Y Phương với tập *Tiếng hát tháng giêng*, Nguyễn Quang Thiều với tập *Sự mất ngủ của lửa*,...

Từ sau năm 1975, văn xuôi có nhiều khởi sắc hơn thơ ca. Nhạy cảm với những vấn đề của đời sống, một số cây bút đã bộc lộ ý thức muốn đổi mới cách viết về chiến tranh, cách tiếp cận hiện thực đời sống như Nguyễn Trọng Oánh với *Đất trắng*, Thái Bá Lợi với *Hai người trở lại trung đoàn*. Từ đầu những năm 80, tình hình văn đàn trở nên sôi nổi hơn với những tiểu thuyết như *Đứng trước biển* và *Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn, *Cha và con*,

timdapan.com

và..., Gặp gỡ cuối năm của Nguyễn Khải, *Mưa mùa hạ* và *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng, *Thời xa vắng* của Lê Lựu ; những tập truyện ngắn *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* và *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu,...

Từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, văn học chính thức bước vào chặng đường đổi mới. Do vấn đề đổi mới tư duy, phương châm nhìn thẳng vào hiện thực được coi trọng nên phóng sự điều tra có điều kiện phát triển mạnh mẽ, lúc đầu thu hút được sự chú ý của người đọc, tiêu biểu là phóng sự của Phùng Gia Lộc, Trần Huy Quang, Hoàng Hữu Các, Trần Khắc, Hoàng Minh Tường,... Văn xuôi thực sự khởi sắc với những tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao như các tập truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa, Cỏ lau* của Nguyễn Minh Châu, *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp ; tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Bến không chồng* của Dương Hướng, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh. Kí cũng phát triển, có được thành tựu mới như bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, hồi kí *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* của Tô Hoài,...

Kịch nói từ sau năm 1975 phát triển khá mạnh mẽ. Một số tác phẩm đã gây được tiếng vang là *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ, *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình,...

Lí luận, nghiên cứu, phê bình văn học cũng có sự đổi mới. Về đội ngũ, ngoài những cây bút có tên tuổi từ trước, đã xuất hiện một số người viết trẻ có triển vọng. Do được tiếp cận với nhiều nguồn thông tin mới, nhiều tiêu chí đánh giá văn học, hệ thống các khái niệm được vận dụng trong nghiên cứu, phê bình đã được điều chỉnh và bổ sung. Nhiều nhà nghiên cứu, lí luận, phê bình đã có ý thức tự giác cao hơn trong việc đổi mới phương pháp tiếp cận đối tượng. Giá trị nhân văn, ý nghĩa nhân bản và chức năng thẩm mĩ của văn học được đặc biệt chú ý.

Như vậy, từ năm 1975 và nhất là từ năm 1986, văn học Việt Nam từng bước chuyển sang giai đoạn mới. Có thể xem từ năm 1975 đến năm 1985 là chặng đường văn học chuyển tiếp, trăn trở, tìm kiếm con đường đổi mới. Còn từ năm 1986 trở đi là chặng đường văn học đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc và khá toàn diện. Nhìn chung, văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX đã vận động theo khuynh hướng *dân chủ hoá*, mang tính *nhân bản, nhân văn* sâu sắc. Văn học phát triển đa dạng hơn về đề tài, chủ đề ; phong phú và mới mẻ hơn về thủ pháp nghệ thuật. Văn học giai đoạn này đã đề cao cá tính sáng tạo

timdapan.com

của nhà văn, đổi mới cách nhìn nhận, cách tiếp cận con người và hiện thực đời sống, đã khám phá con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp, thể hiện con người ở nhiều phương diện của đời sống, kể cả đời sống tâm linh. Cái mới của văn học giai đoạn này là tính chất hướng nội, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường.

Kinh tế thị trường đã có tác dụng tích cực đối với văn học : kích thích các tài năng sáng tác đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi nhiều mặt của người đọc. Nhưng mặt trái của kinh tế thị trường lại có tác động tiêu cực đối với một bộ phận của giới viết văn, làm báo, nhất là những cây bút chạy theo thị hiếu tầm thường của một bộ phận công chúng, biến sáng tác trở thành một thứ hàng hoá để câu khách. Vì thế, văn học từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX, bên cạnh những mặt tích cực và những tìm tòi đúng hướng, cũng nảy sinh một vài xu hướng tiêu cực, những lúng túng, bất cập, những biểu hiện quá đà, thiếu lành mạnh.

Nói tới văn học Việt Nam giai đoạn này, cũng cần chú ý đến một số sáng tác có giá trị của những cây bút người Việt sống ở nước ngoài.

III – KẾT LUẬN

Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ những truyền thống tư tưởng lớn của văn học dân tộc : chủ nghĩa nhân đạo, đặc biệt là chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng. Văn học giai đoạn này cũng đạt được nhiều thành tựu về nghệ thuật ở nhiều thể loại, đặc sắc hơn cả là thơ trữ tình và truyện ngắn.

Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 phát triển trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn, vì thế, bên cạnh những thành tựu to lớn cũng còn một số hạn chế. Nội dung tư tưởng của nhiều tác phẩm chưa thật sâu sắc, cách nhìn con người và cuộc sống còn đơn giản, xuôi chiều, phiến diện. Văn học chưa có điều kiện khai thác sâu sắc những khó khăn, phức tạp của đời sống, những tổn thất, hi sinh, mất mát to lớn trong chiến tranh. Chất lượng nghệ thuật của khá nhiều tác phẩm còn non kém, cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật của nhà văn còn mờ nhạt,... Tuy vậy, thành tựu của văn học giai đoạn này là cơ bản và to lớn. Hướng vào đời sống xã hội rộng lớn với nhiều biến cố, sự kiện trọng đại, văn học đã phản ánh được hiện thực của đất nước trong một thời kì lịch sử đầy gian khổ, hi sinh nhưng cũng hết sức vẻ vang của dân tộc ta, thực sự là tấm gương phản chiếu những phương diện cơ bản nhất của tâm hồn dân tộc. Với hai cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại, văn học thể hiện

timdapan.com

được lẽ sống, khát vọng lớn "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của toàn dân tộc, đã sáng tạo được những hình tượng cao đẹp về đất nước, về nhân dân, về các tầng lớp, thế hệ con người Việt Nam vừa giàu phẩm chất truyền thống, vừa mang đậm những nét mới của thời đại. Văn học đã nuôi dưỡng và phát huy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, góp phần quan trọng vào việc động viên, cổ vũ chiến đấu, có tác dụng to lớn trong việc xây dựng tư tưởng, bồi đắp tâm hồn, hoàn thiện và phát triển nhân cách cao đẹp của con người Việt Nam không chỉ ở thời đại ấy mà còn có ý nghĩa lâu dài cho những thế hệ mai sau. Đúng như nhận định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng lần thứ IV : Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 "xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay".

Từ năm 1975, nhất là từ năm 1986, cùng với đất nước, văn học Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới. Văn học vận động theo khuynh hướng dân chủ hoá, đổi mới quan niệm về nhà văn, về văn học và quan niệm nghệ thuật về con người, phát huy cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật của nhà văn với những tìm tòi, thể nghiệm mới. Trong hoàn cảnh lịch sử có nhiều thuận lợi, sự giao lưu văn hoá với các nước trên thế giới được mở rộng, với truyền thống văn học của một dân tộc có hàng nghìn năm văn hiến, nhất định chúng ta sẽ xây dựng thành công một nền văn học tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu những nét chính về tình hình lịch sử, xã hội, văn hoá có ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975.
2. Văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 phát triển qua mấy chặng ? Nêu những thành tựu chủ yếu của mỗi chặng.
3. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 ?
4. Căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá, hãy giải thích vì sao văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX phải đổi mới.
5. Hãy nêu những thành tựu ban đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

timdapan.com

GHI NHỚ

- Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 hình thành và phát triển trong một hoàn cảnh đặc biệt (cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dài suốt ba mươi năm) ; chia làm ba chặng (1945 – 1954, 1955 – 1964, 1965 – 1975), mỗi chặng có những thành tựu riêng. Văn học giai đoạn này có ba đặc điểm cơ bản : vận động chủ yếu theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước ; hướng về đại chúng ; chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.
- Từ sau năm 1975, nhất là từ năm 1986, cùng với đất nước, văn học Việt Nam bước vào thời kì đổi mới. Văn học vận động theo hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc ; có tính chất hướng nội, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường ; có nhiều tìm tòi đổi mới về nghệ thuật.

LUYỆN TẬP

Trong bài *Nhận đường*, Nguyễn Đình Thi viết : "Văn nghệ phụng sự kháng chiến, nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta".

Hãy bày tỏ suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

timdapan.com

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được cách viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.
- Có ý thức tiếp thu những quan niệm đúng đắn và phê phán những quan niệm sai lầm.

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý

Đề bài

Anh (chị) hãy trả lời câu hỏi sau của nhà thơ Tố Hữu :

Ôi ! Sống đẹp là thế nào, hỡi bạn ?

(*Một khúc ca*)

Gợi ý thảo luận

a) *Tìm hiểu đề*

– Câu thơ trên của Tố Hữu nêu lên vấn đề gì ?

– Với thanh niên, học sinh ngày nay, sống thế nào được coi là sống đẹp ? Để sống đẹp, con người cần rèn luyện những phẩm chất nào ?

– Với đề bài trên, cần vận dụng những thao tác lập luận nào ?

– Bài viết này cần sử dụng các tư liệu thuộc lĩnh vực nào trong cuộc sống để làm dẫn chứng ? Có thể nêu các dẫn chứng trong văn học được không ? Vì sao ?

b) *Lập dàn ý*

Mở bài :

– Giới thiệu vấn đề theo cách nào ? (Theo cách diễn dịch, quy nạp hay phản đề,...)

– Sau khi giới thiệu vấn đề, cần nêu luận đề ra sao ? (Dẫn nguyên văn câu thơ của Tố Hữu hay tóm tắt nội dung chính của bài viết ?)

Thân bài :

– Giải thích thế nào là "sống đẹp".

timdapan.com

– Phân tích các khía cạnh biểu hiện lối sống đẹp và giới thiệu một số tấm gương sống đẹp trong đời sống và trong văn học.

– Phê phán những quan niệm và lối sống không đẹp trong đời sống.

– Xác định phương hướng và biện pháp phấn đấu để có thể sống đẹp.

Kết bài : Khẳng định ý nghĩa của cách sống đẹp. (*Gợi ý* : Sống đẹp là một chuẩn mực cao nhất trong nhân cách con người. Câu thơ của Tố Hữu có tác dụng gợi mở, nhắc nhở chung cho mọi người, nhất là thế hệ trẻ ngày nay.)

2. Từ kết quả thảo luận trên, anh (chị) hãy phát biểu nhận thức của mình về cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

GHI NHỚ

- Bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí thường có một số nội dung sau :
  - Giới thiệu, giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.
  - Phân tích những mặt đúng, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề bàn luận.
  - Nêu ý nghĩa, rút ra bài học nhận thức và hành động về tư tưởng, đạo lí.
- Diễn đạt cần chuẩn xác, mạch lạc ; có thể sử dụng một số phép tu từ và yếu tố biểu cảm nhưng phải phù hợp và có chừng mực.

LUYỆN TẬP

1. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

[...] *Văn hoá – đó có phải là sự phát triển nội tại bên trong một con người hay không ? Tất nhiên rồi. Đó có phải là cách ứng xử của anh ta với người khác không ? Nhất định là phải. Đó có phải là khả năng hiểu người khác không ? Tôi cho là thế. Đó có phải là khả năng làm cho người khác hiểu mình không ? Tôi cho là như vậy. Văn hoá nghĩa là tất cả những cái đó. Một người không thể hiểu được quan điểm của người khác tức là trong chừng mực nào đó anh ta có hạn chế về trí tuệ và văn hoá.*

[...] *Một trí tuệ có văn hoá, có cội nguồn từ chính nó, cần phải có những cánh cửa mở rộng. Nó cần có khả năng hiểu được đầy đủ quan điểm của người khác, mặc dù không phải bao giờ cũng đồng ý với quan điểm đó. Vấn đề đồng ý chỉ nảy sinh khi anh đã hiểu được sự việc. Nếu không, đó chỉ là sự cự tuyệt mù quáng, quyết không thể là cách tiếp cận có văn hoá đối với bất cứ vấn đề gì.*

timdapan.com

Đến đây, tôi sẽ để các bạn quyết định lấy văn hoá và sự khôn ngoan thật sự là gì. Chúng ta tiến bộ nhờ học tập, nhờ kiến thức và kinh nghiệm. Đến lúc tích luỹ được một lượng khổng lồ các thứ đó, chúng ta lại trở nên không tài nào biết được mình đang ở đâu ! Chúng ta bị tràn ngập bởi mọi thứ và không hiểu sao, chúng ta lại có cảm giác rằng tất cả mọi thứ đó cộng lại chưa hẳn đã nhất thiết đại diện cho sự phát triển của trí khôn con người... Trong tương lai sắp tới, liệu chúng ta có thể kết hợp được tất cả sự phát triển của khoa học, của tri thức và những tiến bộ của con người với sự khôn ngoan thật sự hay không ? Tôi không biết. Đó là một cuộc chạy đua giữa các lực lượng khác nhau. Tôi nhớ đến một người rất thông thái – một nhà thơ Hi Lạp nổi tiếng, đã nói :

"Sự khôn ngoan là gì,
Chính là sự cố gắng của con người,
Vượt lên sợ hãi,
Vượt lên hận thù,
Sống tự do,
Thở hít khí trời và biết chờ đợi,
Dành trọn tình yêu cho những gì tươi đẹp".

(Gi. Nê-ru, theo *Nhân dân chủ nhật*, tháng 12 – 1997)

a) Vấn đề mà Gi. Nê-ru đưa ra nghị luận là gì ? Căn cứ vào nội dung cơ bản của vấn đề ấy, hãy đặt tên cho văn bản.

b) Để nghị luận, tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào ? Nêu ví dụ.

c) Cách diễn đạt trong văn bản trên có gì đặc sắc ?

2. Nhà văn Nga L. Tôn-xtôi nói : "Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống". Anh (chị) hãy nêu suy nghĩ về vai trò của lí tưởng trong cuộc sống con người.

Gợi ý :

– Giải thích các khái niệm "lí tưởng", "cuộc sống" và ý nghĩa câu nói của nhà văn Nga L. Tôn-xtôi.

– Vai trò quan trọng của lí tưởng trong cuộc sống con người.

– Nêu suy nghĩ của bản thân đối với ý kiến của nhà văn (lựa chọn lí tưởng và con đường phấn đấu cho lí tưởng).

timdapan.com

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP — HỒ CHÍ MINH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh.
- Thấy được ý nghĩa to lớn và giá trị nhiều mặt của bản *Tuyên ngôn Độc lập* cùng vẻ đẹp của tư tưởng và tâm hồn tác giả.

PHẦN MỘT : TÁC GIẢ

I – VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh sinh ngày 19 – 5 – 1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước, quê ở làng Kim Liên (làng Sen), nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thân phụ của Người là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Thời trẻ, Người học chữ Hán ở nhà, sau đó học tại Trường Quốc học Huế, và có một thời gian ngắn dạy học ở Trường Dục Thanh – một trường học của tổ chức yêu nước ở Phan Thiết (thuộc tỉnh Bình Thuận). Năm 1911, Người ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Năm 1919, Người gửi tới Hội nghị hoà bình ở Véc-xay (Pháp) bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, kí tên Nguyễn Ái Quốc. Năm 1920, Người dự Đại hội Tua và trở thành một trong những thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Từ năm 1923 đến năm 1941, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan. Người đã tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng như Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925), Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông (1925) và chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước tại Hương Cảng (Hồng Kông),

timdapan.com

thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 3 – 2 – 1930). Tháng 2 – 1941, Người về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Ngày 13 – 8 – 1942, Người lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế. Khi vừa tới Túc Vinh (một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây), Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ và giam cầm trong 13 tháng, trải qua gần 18 nhà tù của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây. Sau khi ra tù, Người về nước, tiếp tục lãnh đạo cách mạng, tiến tới giành thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Ngày 2 – 9 – 1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình. Trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội (1946), Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đã giữ chức vụ đó cho tới khi từ trần (ngày 2 – 9 – 1969).

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc, đồng thời là một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào Quốc tế cộng sản. Cùng với sự nghiệp cách mạng vĩ đại, Người còn để lại một sự nghiệp văn học to lớn.

II – SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

1. Quan điểm sáng tác

Hồ Chí Minh đã sáng tác nhiều tác phẩm văn học có giá trị thuộc nhiều thể loại. Người am hiểu quy luật và đặc trưng của hoạt động văn nghệ. Điều đó trước hết được thể hiện trực tiếp trong hệ thống quan điểm văn học nghệ thuật của Người.

a) Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận :

Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

(*Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"*, Nam Trân *dịch*)

Chất "thép" ở đây chính là tính chiến đấu của thơ ca và văn học nghệ thuật. Về sau, trong *Thư gửi các hoạ sĩ nhân dịp triển lãm hội hoạ 1951*, Người lại khẳng định : "Văn hoá nghệ thuật cũng là *một mặt trận*. Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy"[1].

b) Hồ Chí Minh luôn chú trọng *tính chân thật* và *tính dân tộc* của văn học. Trong buổi khai mạc phòng triển lãm văn hoá, Người nhận xét một số tác phẩm

(1) Báo *Nhân dân*, ngày 10 – 1 – 1951.

timdapan.com

hội hoạ "chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít"[1]. Người căn dặn nhà văn phải "Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn"[2] hiện thực phong phú của đời sống, và phải "giữ tình cảm chân thật"[3] ; "Nên chú ý phát huy cốt cách dân tộc"[4] và phải có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Hồ Chí Minh đề cao sự sáng tạo của người nghệ sĩ ; Người nhắc nhở "chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo..."[5].

c) Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. Người luôn tự đặt câu hỏi : "Viết cho ai ?" (đối tượng), "Viết để làm gì ?" (mục đích), sau đó mới quyết định "Viết cái gì ?" (nội dung) và "Viết thế nào ?" (hình thức)[6]. Và tuỳ từng trường hợp cụ thể, Người đã vận dụng phương châm đó theo những cách khác nhau. Vì thế, những tác phẩm của Người chẳng những có tư tưởng sâu sắc, nội dung thiết thực mà còn có hình thức nghệ thuật sinh động, đa dạng.

2. Di sản văn học

Văn chương không phải là sự nghiệp chính của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bên cạnh sự nghiệp cách mạng vĩ đại, Người còn để lại một di sản văn học lớn lao về tầm vóc tư tưởng, phong phú về thể loại và đa dạng về phong cách nghệ thuật.

a) *Văn chính luận*

Từ những thập niên đầu thế kỉ XX, các bài văn chính luận mang bút danh Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp đăng trên các tờ báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống thợ thuyền* đã thể hiện tính chiến đấu hết sức mạnh mẽ. Các tác phẩm này lên án những chính sách tàn bạo của chế độ thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa, kêu gọi những người nô lệ bị áp bức liên hiệp lại, đoàn kết đấu tranh. Tiêu biểu nhất cho văn chính luận của Người ở giai đoạn này là *Bản án chế độ thực dân Pháp*, xuất bản lần đầu ở Pa-ri năm 1925. Bản án đã tố cáo một cách đanh thép tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân các nước thuộc địa : ép buộc hàng vạn dân bản xứ đổ máu vì "mẫu quốc" trong

---

(1) Báo *Cứu quốc*, ngày 8 – 10 – 1945.

(2) *Thi đua yêu nước*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1970.

(3), (4), (5) Báo *Nhân dân*, ngày 25 – 10 – 1962.

(6) Xem *Cách viết* – ghi theo lời Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17 – 8 – 1952, trong *Văn Hồ Chủ tịch*, NXB Giáo dục, 1971.

timdapan.com

Chiến tranh thế giới thứ nhất ; bóc lột và đầu độc họ bằng sưu thuế, rượu và thuốc phiện ; tổ chức một bộ máy cai trị bất chấp công lí và nhân quyền,... Tác phẩm lôi cuốn người đọc không chỉ bằng những sự việc chân thực, cứ liệu phong phú, chính xác mà còn ở thái độ, tình cảm sâu sắc, mãnh liệt của tác giả và nghệ thuật châm biếm, đả kích sắc sảo, giàu chất trí tuệ.

Nói đến văn chính luận của Hồ Chí Minh không thể không nhắc đến bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Văn kiện chính trị này không chỉ mang ý nghĩa lịch sử trọng đại mà còn là một áng văn chính luận tiêu biểu, mẫu mực. Tiếp sau *Tuyên ngôn Độc lập* là những áng văn chính luận nổi tiếng như *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946), *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* (1966). Những văn kiện quan trọng này được viết trong những giờ phút thử thách đặc biệt của dân tộc, văn phong vừa hào sảng vừa tha thiết làm rung động trái tim hàng triệu người Việt Nam yêu nước. Những áng văn chính luận tiêu biểu của Hồ Chí Minh được viết không chỉ bằng lí trí sáng suốt, trí tuệ sắc sảo mà còn bằng cả tấm lòng yêu, ghét nồng nàn, sâu sắc của một trái tim vĩ đại được biểu đạt bằng những lời văn chặt chẽ, súc tích.

b) *Truyện và kí*

Trong thời gian hoạt động ở Pháp, ngoài những tác phẩm chính luận, Nguyễn Ái Quốc còn sáng tác một số truyện ngắn, kí, tiểu phẩm ; sau này được tập hợp lại trong tập *Truyện và kí*. Đó là những truyện viết bằng tiếng Pháp, đăng báo ở Pa-ri như *Pa-ri* (1922), *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922), *Con người biết mùi hun khói* (1922), *Đồng tâm nhất trí* (1922), "*Vi hành*" (1923), *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (1925),... Những truyện này, nói chung, đều nhằm tố cáo tội ác dã man, bản chất tàn bạo, xảo trá của bọn thực dân và phong kiến tay sai đối với nhân dân lao động các nước thuộc địa, đồng thời đề cao những tấm gương yêu nước và cách mạng. Bằng một bút pháp hiện đại và nghệ thuật trần thuật linh hoạt, Nguyễn Ái Quốc đã tạo nên được những tình huống truyện độc đáo, hình tượng sinh động, sắc sảo. Qua những thiên truyện này, người đọc có thể nhận ra một cây bút văn xuôi tài năng với trí tưởng tượng phong phú, một vốn văn hoá sâu rộng, một trí tuệ sắc sảo và một trái tim tràn đầy nhiệt tình yêu nước và cách mạng. Ngoài tập *Truyện và kí* nói trên, Người còn viết một số tác phẩm khác như *Nhật kí chìm tàu* (1931), *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (1963),...

c) *Thơ ca*

Tên tuổi của nhà thơ Hồ Chí Minh gắn liền với tập thơ chữ Hán *Ngục trung nhật kí* (Nhật kí trong tù) – một tập nhật kí bằng thơ được viết trong thời gian

timdapan.com

Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam cầm từ mùa thu năm 1942 đến mùa thu năm 1943. Tác giả đã ghi chép những điều mắt thấy tai nghe trong nhà tù và trên đường đi đày từ nhà lao này đến nhà lao khác tại Quảng Tây, Trung Quốc. Tập thơ đã tái hiện một cách chân thật, chi tiết bộ mặt tàn bạo của chế độ nhà tù Quốc dân đảng và một phần hình ảnh xã hội Trung Quốc những năm 1942 – 1943 với ý nghĩa phê phán sâu sắc.

Tuy nhiên, *Nhật kí trong tù* chủ yếu ghi lại tâm trạng, cảm xúc và suy nghĩ của tác giả, phản ánh tâm hồn và nhân cách cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh thử thách nặng nề của chốn lao tù. Nhờ vậy, qua tập thơ, ta có thể nhận ra bức chân dung tự hoạ của Hồ Chí Minh. Đó là một con người có nghị lực phi thường ; tâm hồn luôn khao khát tự do, hướng về Tổ quốc ; vừa nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, dễ động lòng trắc ẩn trước nỗi đau khổ của con người vừa có con mắt sắc sảo nhìn thấy những nghịch lí của một chế độ xã hội thối nát để tạo ra những tiếng cười đầy trí tuệ. Nói như Đặng Thai Mai, đọc *Nhật kí trong tù* "thực sự cảm thấy đứng trước một thi sĩ và một con người cao cả vĩ đại". Nhà văn Viên Ưng (Trung Quốc) khẳng định đã tìm thấy ở tập thơ "một tâm hồn vĩ đại của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng".

Nhật kí trong tù là một tập thơ đặc sắc, đa dạng và linh hoạt về bút pháp, kết tinh giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của Hồ Chí Minh.

Ngoài *Nhật kí trong tù,* còn phải kể đến một số chùm thơ Người làm ở Việt Bắc từ năm 1941 đến năm 1945 và trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Bên cạnh những bài được viết nhằm mục đích tuyên truyền như *Dân cày, Công nhân, Ca binh lính, Ca sợi chỉ,...* là những bài thơ nghệ thuật vừa có màu sắc cổ điển vừa mang tinh thần hiện đại như *Pác Bó hùng vĩ, Tức cảnh Pác Bó* (viết trước Cách mạng) ; *Thướng sơn* (Lên núi), *Đối nguyệt* (Với trăng), *Nguyên tiêu* (Rằm tháng giêng), *Thu dạ* (Đêm thu), *Báo tiệp* (Tin thắng trận), *Cảnh khuya,...* (viết trong kháng chiến chống Pháp). Nổi bật trong thơ Người là hình ảnh nhân vật trữ tình mang nặng "nỗi nước nhà" mà phong thái vẫn ung dung, tâm hồn luôn hoà hợp với thiên nhiên, thể hiện bản lĩnh của một nhà cách mạng vĩ đại luôn luôn làm chủ tình thế, tin vào tương lai tất thắng của cách mạng, tuy trước mắt còn biết bao gian nan, thử thách.

3. Phong cách nghệ thuật

Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh độc đáo, đa dạng.

Nhìn chung, ở mỗi thể loại văn học, từ văn chính luận, truyện, kí đến thơ ca, Hồ Chí Minh đều tạo được những nét phong cách riêng, độc đáo và hấp dẫn.

timdapan.com

Văn chính luận của Người thường ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng đầy thuyết phục, giàu tính luận chiến và đa dạng về bút pháp. Văn chính luận mà vẫn thấm đượm tình cảm, giàu hình ảnh. Giọng văn chính luận cũng đa dạng : khi ôn tồn, thấu tình, đạt lí ; khi đanh thép, mạnh mẽ, hùng hồn.

Những tác phẩm truyện và kí của Người rất hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén. Tiếng cười trào phúng của Nguyễn Ái Quốc tuy nhẹ nhàng, hóm hỉnh nhưng thâm thuý, sâu cay. Phạm Huy Thông nhận xét : "Văn tiếng Pháp của Nguyễn Ái Quốc có đặc điểm nổi bật là dí dỏm, là hài hước. Điều đó không ngăn Người đã viết nên những lời thấm thiết trữ tình khi xúc động"[1].

Thơ ca thể hiện sâu sắc và tinh tế vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh. Thơ của Người có thể chia làm hai loại, mỗi loại lại có những nét phong cách riêng. Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền cách mạng thường được viết bằng hình thức bài ca, lời lẽ giản dị, mộc mạc, dễ nhớ, mang màu sắc dân gian hiện đại. Những bài thơ nghệ thuật viết theo cảm hứng thẩm mĩ hầu hết là thơ tứ tuyệt cổ điển, bằng chữ Hán, mang đặc điểm của thơ cổ phương Đông với sự kết hợp hài hoà giữa màu sắc cổ điển với bút pháp hiện đại. Nhà phê bình người Pháp Rô-giê Đơ-nuy nhận xét : "Thơ Người nói ít mà gợi nhiều, là loại thơ có màu sắc thanh đạm, có âm thanh trầm lặng, không phô diễn mà như cố khép lại trong đường nét để cho người đọc tự thưởng thức lấy cái phần ý ở ngoài lời".

Nhìn chung, trong văn chính luận, truyện, kí hay thơ ca, phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh đều hết sức phong phú, đa dạng mà thống nhất. Đó là cách viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị, sử dụng linh hoạt các thủ pháp và bút pháp nghệ thuật khác nhau nhằm thể hiện một cách nhuần nhị và sâu sắc nhất tư tưởng và tình cảm của người cầm bút.

III – KẾT LUẬN

Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản tinh thần vô giá, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Văn thơ của Người có tác dụng to lớn đối với quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam, đồng thời có vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử văn học và đời sống tinh thần của dân tộc. Những tác phẩm văn học xuất sắc của Hồ Chí Minh đã thể hiện chân thật và

---

(1) *Nghệ thuật viết văn của Hồ Chủ tịch qua truyện và kí, Tạp chí Văn học*, số 3/1974.

timdapan.com

sâu sắc tư tưởng, tình cảm và tâm hồn cao cả của Người. Tìm hiểu văn thơ của Hồ Chí Minh, người đọc thuộc nhiều thế hệ sẽ tìm thấy những bài học cao quý.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu những nét chính về quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh. Quan điểm đó đã giúp anh (chị) hiểu sâu sắc thêm văn thơ của Người như thế nào ?
2. Hãy nêu những nét khái quát về sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh.
3. Những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh ?

GHI NHỚ

- Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản vô giá, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Hồ Chí Minh quan niệm văn học là vũ khí sắc bén phục vụ sự nghiệp cách mạng. Mỗi khi viết, Người luôn tự hỏi : "Viết cho ai ?", "Viết để làm gì ?", sau đó mới quyết định : "Viết cái gì ?" và "Viết thế nào ?".
- Phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh độc đáo, đa dạng. Văn chính luận của Người thường ngắn gọn, súc tích, lập luận sắc sảo, chặt chẽ, bằng chứng giàu sức thuyết phục và đa dạng về bút pháp. Truyện và kí của Người rất hiện đại, có tính chiến đấu mạnh mẽ và nghệ thuật trào phúng sắc bén. Thơ nghệ thuật của Hồ Chí Minh có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại ; giữa chất trữ tình và chất "thép" ; giữa sự trong sáng, giản dị và sự hàm súc, sâu sắc.

LUYỆN TẬP

1. Phân tích bài thơ *Chiều tối* (Mộ) trong tập *Nhật kí trong tù* để làm rõ sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại của thơ Hồ Chí Minh.
2. Những bài học thấm thía và sâu sắc mà anh (chị) tiếp thu được khi học và đọc những bài thơ trong tập *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh ?

timdapan.com

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một số phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.
- Có ý thức, thói quen giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt khi sử dụng ; luôn nâng cao hiểu biết về tiếng Việt và rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.

I – SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

Như nhiều ngôn ngữ trên thế giới, trải qua hàng ngàn năm tồn tại và phát triển, tiếng Việt đã đạt được phẩm chất trong sáng, nhưng yêu cầu giữ gìn sự trong sáng vẫn luôn luôn cần đặt ra.

Sự trong sáng của tiếng Việt được biểu hiện qua một số phương diện cơ bản sau :

1. Tiếng Việt có hệ thống chuẩn mực, quy tắc chung về phát âm, chữ viết, về dùng từ, đặt câu, về cấu tạo lời nói, bài văn,... Những chuẩn mực, quy tắc đó là cơ sở cho việc thể hiện rõ ràng, mạch lạc nội dung tư tưởng, tình cảm của mỗi người và cho việc lĩnh hội được đầy đủ, chính xác những nội dung truyền đạt của người khác. Hệ thống chuẩn mực, quy tắc đó có tính đặc thù của tiếng Việt, mang bản sắc và tinh hoa của tiếng Việt. *Sự trong sáng của tiếng Việt trước hết bộc lộ ở chính hệ thống các chuẩn mực và quy tắc chung, ở sự tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó.* Nói hoặc viết đúng chuẩn mực, đúng quy tắc của tiếng Việt sẽ đảm bảo được sự trong sáng của lời nói. Ngược lại, nói hoặc viết sai quy tắc, sai chuẩn mực là không trong sáng.

Ví dụ, so sánh ba câu sau đây :

a) *Tình cảm của tác giả đối với non sông đất nước, đồng bào trong nước, kiều bào ở nước ngoài tuy xa nhưng vẫn nhớ về Tổ quốc.*

timdapan.com

b) *Đó là tình cảm của tác giả đối với non sông đất nước, với đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài – những người tuy ở xa nhưng vẫn nhớ về Tổ quốc.*

c) *Tình cảm của tác giả đối với non sông đất nước, với đồng bào trong nước và kiều bào ở nước ngoài – những người tuy ở xa nhưng vẫn nhớ về Tổ quốc – thật là sâu nặng.*

Ta thấy :

Câu (a) diễn đạt không rõ nội dung : vừa thiếu ý (tình cảm của tác giả như thế nào ?), vừa không mạch lạc (bộ phận "tuy xa nhưng vẫn nhớ về Tổ quốc" được chắp nối vào cuối câu mà không xác định rõ quan hệ với các bộ phận ở trước). Do đó câu (a) là một câu không trong sáng. Còn hai câu (b) và (c) diễn đạt rõ nội dung ; quan hệ giữa các bộ phận trong câu mạch lạc. Vì thế, hai câu (b) và (c) là những câu trong sáng.

Có thể nói, qua hàng ngàn năm phát triển, tiếng Việt đã xác lập được một hệ thống chuẩn mực và quy tắc thuộc các phương diện khác nhau. Hệ thống đó làm nên phẩm chất trong sáng của tiếng Việt và là cơ sở cho mọi hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

Mặt khác, chuẩn mực không phủ nhận những sự chuyển đổi linh hoạt và sáng tạo, không phủ nhận cái mới, miễn là cái sáng tạo, cái mới phù hợp với quy tắc chung. Chẳng hạn, Nguyễn Duy đã sáng tạo rất nhiều khi viết về cây tre :

__Lưng__ trần phơi nắng phơi sương
Có manh __áo__ cộc tre nhường cho __con__.

(*Tre Việt Nam*)

Nhưng những sáng tạo trong việc sử dụng các từ *lưng, áo, con,...* không nằm ngoài quy tắc chuyển nghĩa của từ theo phép ẩn dụ nên vẫn diễn tả được ý tình của tác giả và làm cho người đọc, người nghe lĩnh hội, rung động với những ý tưởng, cảm xúc đó. Hoặc trong câu văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh :

Chúng __tắm__ các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

(*Tuyên ngôn Độc lập*)

từ *tắm* đã được sử dụng với một nghĩa mới và những đặc điểm ngữ pháp mới so với ý nghĩa và đặc điểm vốn có của nó. Song người đọc vẫn lĩnh hội được rõ ràng nội dung tư tưởng và tình cảm biểu hiện trong câu văn bởi sự sử dụng

timdapan.com

sáng tạo đó phù hợp với quy tắc chuyển hoá của từ về ý nghĩa và đặc điểm ngữ pháp. Đồng thời, chính những sự sáng tạo, những phép tu từ như thế làm cho lời nói chẳng những sáng rõ về ý mà còn "trong trẻo" về lời. Như vậy, những sự chuyển đổi, sáng tạo trong việc sử dụng tiếng Việt vẫn đảm bảo sự trong sáng khi chúng được thực hiện theo những quy tắc chung của tiếng Việt.

2. Sự trong sáng không dung nạp tạp chất. Do đó, sự trong sáng của tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, nghĩa là không cho phép sử dụng tuỳ tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác. Tuy nhiên, nếu trong tiếng Việt không có yếu tố nào đó để biểu hiện thì có thể vay mượn từ tiếng nước ngoài. Sự vay mượn như thế thường diễn ra ở mọi ngôn ngữ và là cần thiết vì nó làm phong phú cho từng ngôn ngữ.

Ví dụ, tiếng Việt đã mượn nhiều thuật ngữ chính trị và khoa học từ tiếng Hán, tiếng Pháp, hoặc ngôn ngữ khác như : *chính trị, cách mạng, dân chủ, độc lập, nhân đạo, ôxi, cacbon, elip, von,...*

Nhưng, trên sách báo tiếng Việt hiện nay, có nhiều trường hợp lạm dụng tiếng nước ngoài trong khi tiếng Việt có từ ngữ tương xứng. Có những người thích dùng các từ : *computer* (máy vi tính), *producer* (nhà sản xuất), *manager* (người quản lí), *paparazzi* (thợ săn ảnh), *mobile phone* (điện thoại di động), *superstar* (siêu sao), *card* (thẻ), *classic* (cổ điển),... thay vì dùng từ ngữ tiếng Việt (trong ngoặc đơn). Ví dụ :

Các superstar thích dùng mobile phone loại xịn.

Việc lạm dụng tiếng nước ngoài như thế làm tổn hại sự trong sáng của tiếng Việt.

Ngay từ năm 1947, trong cuốn *Sửa đổi lối làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "Tiếng ta còn thiếu, nên nhiều lúc phải mượn tiếng nước khác, nhất là tiếng Trung Quốc. Nhưng phải có chừng có mực. Tiếng nào ta sẵn có thì dùng tiếng ta".

Như vậy, sự trong sáng của tiếng Việt không chấp nhận những yếu tố lai căng, pha tạp trong khi vẫn dung hợp những yếu tố tích cực đối với tiếng Việt.

3. Sự trong sáng của tiếng Việt còn được biểu hiện ở *tính văn hoá, lịch sự của lời nói*. Nói năng thô tục, thiếu văn hoá, bất lịch sự tức là làm cho tiếng Việt mất đi vẻ trong sáng vốn có của nó.

timdapan.com

Người xưa đã có câu "Người thanh tiếng nói cũng thanh". Sự trong sáng trong lời nói chính là thể hiện vẻ thanh lịch, nét văn hoá của con người.

Ví dụ, trong đoạn hội thoại sau, hai nhân vật tuy sống thiếu thốn, vất vả,... nhưng qua lời nói, mỗi người vẫn thể hiện một sự ứng xử văn hoá, lịch sự :

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc ; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sung sướng.

– Vâng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo :

– Thế là được, chứ gì ? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác...

– Việc gì còn phải chờ khi khác ?... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây ! Tôi làm nhanh lắm...

– Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

(Nam Cao, *Lão Hạc*)

GHI NHỚ

Sự trong sáng là một phẩm chất của tiếng Việt. Phẩm chất đó được biểu hiện ở những phương diện chủ yếu như : tính chuẩn mực, có quy tắc của tiếng Việt ; sự không lai căng, pha tạp và tính lịch sự, văn hoá trong lời nói,...

LUYỆN TẬP

1. Phân tích tính chuẩn xác trong việc sử dụng từ ngữ của Hoài Thanh và Nguyễn Du khi chỉ ra nét tiêu biểu về diện mạo hoặc tính cách các nhân vật trong *Truyện Kiều*.

[...] *Nhưng trong* ***Truyện Kiều*** *còn có bao nhiêu người khác. Có chàng Kim, con người rất mực chung tình, có Thuý Vân, cô em gái ngoan, có Hoạn Thư,*

timdapan.com

người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt, có Thúc Sinh, anh chàng sợ vợ, có Từ Hải chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao lạ, mỗi người một cá tính khó quên. Đối với bọn nhà chứa, ngòi bút Nguyễn Du không tò mò, Nguyễn Du ngại bới ra những gì quá dơ dáy, Nguyễn Du chỉ ghi vội vài nét. Nhưng chỉ vài nét cũng đủ khiến cả cái xã hội ghê tởm đó sống nhơ nhúc dưới ngòi bút Nguyễn Du với cái màu da "nhờn nhợt" của Tú Bà, cái bộ mặt "mày râu nhẵn nhụi" của Mã Giám Sinh, cái vẻ "chải chuốt", "dịu dàng" của Sở Khanh, cái miệng thề "xoen xoét" của Bạc Bà, Bạc Hạnh.

(Theo *Hoài Thanh toàn tập*, tập 2, NXB Văn học, Hà Nội,1999)

2. Đoạn văn sau của Chế Lan Viên đã bị lược bỏ các dấu câu. Hãy đặt các dấu câu cần thiết vào vị trí thích hợp để đảm bảo sự trong sáng của đoạn văn.

Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông dòng sông vừa trôi chảy vừa phải tiếp nhận dọc đường đi của mình những dòng nước khác dòng ngôn ngữ cũng vậy một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc nhưng nó không được phép gạt bỏ từ chối những gì mà thời đại đem lại.

3. Nhận xét về việc dùng từ nước ngoài trong trường hợp sau. Hãy thay những từ ngữ mà anh (chị) cho là lạm dụng bằng từ ngữ tiếng Việt tương xứng.

Chỉ vài ngày sau khi Microsoft vá lỗi nghiêm trọng trong phần mềm xử lí file đồ hoạ, một hacker xưng là "cocoruder" đã công bố chi tiết về hai vấn đề tương tự trong hệ điều hành.

timdapan.com

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 1 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Viết được bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí, trước hết là của tuổi trẻ học đường ngày nay.
- Nâng cao ý thức rèn luyện tư tưởng, đạo đức để không ngừng tự hoàn thiện nhân cách của mình.

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Ôn lại các kiến thức và kĩ năng cơ bản làm một bài nghị luận. Chú ý các thao tác lập luận : giải thích, chứng minh, phân tích, bác bỏ, bình luận,... Đặc biệt, xem lại bài *Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí* ở tuần 1.

2. Xem lại những bài làm văn ở lớp 11, nhất là các bài nghị luận xã hội. Chú ý những ưu điểm, nhược điểm để rút kinh nghiệm.

II – GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ BÀI

1. Tình thương là hạnh phúc của con người.

2. "Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động".

Ý kiến trên của M. Xi-xê-rông (nhà triết học La Mã cổ đại) gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân ?

3. Hãy phát biểu ý kiến của mình về mục đích học tập do UNESCO đề xướng : "Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình".

III – GỢI Ý CÁCH LÀM BÀI

1. Xác định nội dung bài viết

– Ba đề trên đều tập trung vào vấn đề tư tưởng, đạo lí, đặc biệt là đối với thanh niên, học sinh trong giai đoạn hiện nay của nước ta.

timdapan.com

– Mỗi đề có yêu cầu cụ thể. Anh (chị) cần đọc kĩ đề bài để xác định đúng vấn đề cần bàn bạc và xác định các luận điểm. Ví dụ :

Đề 1. Cần nêu khái niệm "tình thương", tiếp đó trình bày những biểu hiện, ý nghĩa và tác dụng lớn lao của tình thương trong cuộc sống. (3 ý lớn)

Đề 2. Vấn đề trung tâm của bài viết là mối quan hệ giữa "đức hạnh" (phẩm chất đạo đức, trí tuệ, tâm hồn) và "hành động" của mỗi người. "Đức hạnh" là cội nguồn tạo ra "hành động" và "hành động" là biểu hiện cụ thể của "đức hạnh". Tiếp đó, đề xuất bài học tu dưỡng bản thân. (3 ý lớn)

Đề 3. Nên bàn về từng nội dung trong đề xướng của UNESCO, tức là từng mục đích học tập của học sinh, sinh viên thời nay. Sau đó, xác định tính chất của các nội dung theo hai khía cạnh : "Học để biết" là yêu cầu tiếp thu kiến thức ; "học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình" là yêu cầu thực hành, vận dụng kiến thức, từng bước hoàn thiện nhân cách,... (2 ý lớn)

2. Xác định cách thức làm bài

– Thao tác lập luận : Phối hợp các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ, bình luận,...

– Lựa chọn dẫn chứng : Chủ yếu dùng dẫn chứng thực tế trong cuộc sống. Có thể dẫn một số thơ văn để bài viết thêm sinh động, nhưng cần vừa mức, tránh lan man, lạc sang nghị luận văn học.

– Diễn đạt cần chuẩn xác, mạch lạc ; có thể sử dụng một số yếu tố biểu cảm, nhất là ở phần liên hệ thực tế và trình bày những suy nghĩ riêng của bản thân.

ĐỌC THÊM

CON ĐƯỜNG TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐẠO ĐỨC CỦA THANH NIÊN

[...] Tình thương là cơ sở quan trọng nhất tạo nên cái đẹp của xã hội xã hội chủ nghĩa. Tình thương là hạnh phúc của con người, là tình cảm cao đẹp thuộc bản chất của người lao động.

[...] Dân tộc Việt Nam ta xây dựng đất nước trên tình thương và đấu tranh : thương nước, thương nhà, thương người, thương mình ; đồng thời đấu tranh kiên cường bất khuất chống cường quyền, chống xâm lược. Dân tộc ta có tinh thần yêu nước rất cao, đồng thời là một dân tộc giàu lòng nhân ái. Ngày nay, trong chế độ mới, chúng ta cần nêu cao giá trị tinh thần đó. Đặc biệt, thanh

timdapan.com

niên cần phải xây dựng tình thương sâu sắc đối với nhân dân lao động và vì tình thương đó mà căm ghét bóc lột, ăn bám và tội ác. Tình cảm ấy, ý thức ấy phải biểu hiện trong nếp sống, trong sự tiếp xúc hằng ngày với nhân dân.

Đối với ông già, bà già, thanh niên phải có thái độ kính nhường và hết lòng giúp đỡ, bởi vì một lẽ dễ hiểu là có ông già, bà già thì mới có chúng ta. Trên đường đi, thanh niên phải nhường bước cho người cao tuổi, phải đỡ gánh nặng cho cụ già, phải dìu bà lão qua cầu, qua suối. Những việc như thế, thanh niên không thể làm ngơ, và cũng không là việc khó nếu thanh niên thực sự có lòng kính yêu ông già, bà già.

Khi đi tàu, đi xe, thanh niên không được chen lấn phụ nữ. Trong trường hợp phụ nữ, nhất là phụ nữ có thai, chưa có chỗ ngồi, thanh niên phải nhường chỗ của mình cho họ. Như vậy là biết khiêm nhường và tôn trọng phụ nữ. Sỗ sàng, thô bạo đối với phụ nữ là những hành vi xấu xa, đáng chê trách.

Trong xã hội ta, nhiều thanh niên biết tỏ lòng thương yêu quý mến nhân dân bằng những hành động dũng cảm và hào hiệp ; lúc chiến tranh xông pha lửa đạn để bảo vệ tính mạng và tài sản của đồng bào ; lúc bình thường cứu giúp trẻ em bị tai nạn, đỡ đần người đi đường bị ốm đau,... Những việc làm mang nội dung đạo đức tốt đẹp của người thanh niên mới như thế rất đáng biểu dương, khuyến khích.

Thanh niên phải có tinh thần xung phong, gương mẫu ; bất cứ việc gì tập thể cần thì thanh niên phải làm với tinh thần trách nhiệm cao nhất ; song phải luôn luôn khiêm tốn, thật thà, không được phô trương, dối trá. Đó cũng là một thái độ đúng đắn của thanh niên đối với nhân dân, của cá nhân đối với tập thể.

Thanh niên cũng phải dành thì giờ nhất định để giúp đỡ cha mẹ, săn sóc các em, chăm lo một phần công việc gia đình. Người thanh niên nào không biết tí gì đến việc nhà, không kính yêu cha mẹ, không thương mến người thân trong gia đình thì ngoài xã hội làm sao có lòng yêu mến nhân dân thực sự được ? Thanh niên cần phải biết tổ chức tốt cuộc sống gia đình hợp với những tiêu chuẩn của đạo đức mới nhằm tạo điều kiện cho mọi người trong gia đình làm tròn nghĩa vụ công dân, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Tóm lại, thanh niên phải có lòng thương yêu, kính trọng nhân dân như thương yêu, kính trọng cha mẹ và người thân của mình thì mới có quan hệ tốt với nhân dân được.

(Lê Duẩn, *Con đường tu dưỡng rèn luyện đạo đức của thanh niên*, trong *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1966)

timdapan.com

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP — HỒ CHÍ MINH

(Tiếp theo)

PHẦN HAI : TÁC PHẨM

TIỂU DẪN

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Phát xít Nhật, kẻ đang chiếm đóng nước ta lúc bấy giờ, đã đầu hàng Đồng minh[1]. Trên toàn quốc, nhân dân ta vùng dậy giành chính quyền. Ngày 26 – 8 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu cách mạng Việt Bắc về tới Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, trước hàng vạn đồng bào, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam mới.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn : là lời tuyên bố xoá bỏ chế độ thực dân, phong kiến, là sự khẳng định quyền tự chủ và vị thế bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới, là mốc son lịch sử mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do trên đất nước ta.

Văn kiện lịch sử này không chỉ được đọc trước quốc dân đồng bào mà còn để công bố với thế giới, đặc biệt là với những lực lượng thù địch và cơ hội quốc tế đang mang dã tâm một lần nữa nô dịch đất nước ta. Cũng vào thời gian đó, nhà cầm quyền Pháp tuyên bố : Đông Dương là thuộc địa của Pháp, bị quân Nhật xâm chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên phải thuộc quyền "bảo hộ"[2] của người Pháp. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã cương quyết bác bỏ luận điệu này.

Tuyên ngôn Độc lập là một tác phẩm chính luận đặc sắc. Sức mạnh và tính thuyết phục của tác phẩm được thể hiện chủ yếu ở cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác thực, ngôn ngữ hùng hồn, đầy cảm xúc,...

Tuyên ngôn Độc lập còn là một áng văn tâm huyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hội tụ vẻ đẹp tư tưởng và tình cảm của Người, đồng thời kết tinh khát vọng cháy bỏng về độc lập, tự do của dân tộc ta.

---

(1) *Đồng minh* : phe chống lại trục phát xít Đức, Ý, Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai, gồm nhiều nước liên minh với nhau, trụ cột là Liên Xô, Mĩ, Anh.

(2) *Bảo hộ* : giữ gìn, che chở. Thực dân Pháp dùng từ này như một chiêu bài nhằm che đậy hành động xâm lược cùng nhiều tội ác của chúng trong hơn 80 năm xâm lược nước ta.

timdapan.com

VĂN BẢN

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói :

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi ; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

timdapan.com

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích : Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay[1], từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp[2]. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thuỳ, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị[3]. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

---

(1) *Cuối năm ngoái sang đầu năm nay* : cuối năm 1944, đầu năm 1945.

(2) *Nhật tước khí giới của quân đội Pháp* : Năm 1940, thực dân Pháp buộc phải mở cửa Đông Dương cho phát xít Nhật kéo vào. Từ đó, hai tên đế quốc cùng thống trị nước ta. Nhưng ngày 9 – 3 – 1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính, lật đổ chính quyền Pháp, độc chiếm Đông Dương.

(3) *Thoái vị* : từ bỏ ngôi vua.

timdapan.com

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Tê-hê-răng[1] và Cựu Kim Sơn[2], quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng :

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(*Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 4,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu bố cục của bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

2. Việc trích dẫn bản *Tuyên ngôn Độc lập* (1776) của nước Mĩ và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* (1791) của Cách mạng Pháp trong phần mở đầu bản *Tuyên ngôn Độc lập* của tác giả có ý nghĩa gì ? (Đọc kĩ phần *Tiểu dẫn*,

---

(1) *Hội nghị Tê-hê-răng* : hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô, Mĩ, Anh họp từ ngày 28 – 11 đến ngày 1– 12 – 1943 tại Tê-hê-răng, thủ đô nước I-ran. Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1– 5 – 1944 và thông qua nghị quyết đảm bảo nền hoà bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh v.v... Nhưng sau đó, các giới cầm quyền ở hai nước Mĩ và Anh không thi hành triệt để những điều khoản đã kí kết trong hội nghị này.

(2) *Hội nghị Cựu Kim Sơn* : hội nghị của đại diện 50 nước họp tại Cựu Kim Sơn (Xan Phran-xi-xcô, Mĩ) từ ngày 25 – 4 đến ngày 26 – 6 – 1945 để thành lập một tổ chức quốc tế gọi là Liên hợp quốc.

timdapan.com

chú ý đối tượng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng tới để xác định cách trả lời.)

3. Trong phần thứ hai của bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tác giả đã lập luận như thế nào để khẳng định quyền độc lập, tự do của nước Việt Nam ta ?

4. Tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập* thể hiện phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh trong văn chính luận : lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ hùng hồn. Hãy làm sáng tỏ điều đó.

GHI NHỚ

- *Tuyên ngôn Độc lập* là văn kiện lịch sử tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về việc chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta, đánh dấu kỉ nguyên độc lập, tự do của nước Việt Nam mới.
- Tác phẩm là một áng văn chính luận mẫu mực : lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, ngôn ngữ hùng hồn, vừa tố cáo mạnh mẽ tội ác của thực dân Pháp, ngăn chặn âm mưu tái chiếm nước ta của các thế lực thù địch và các phe nhóm cơ hội quốc tế, vừa bộc lộ tình cảm yêu nước, thương dân và khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của tác giả và toàn dân tộc.

LUYỆN TẬP

Lí giải vì sao bản *Tuyên ngôn Độc lập* từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người Việt Nam.

timdapan.com

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

(Tiếp theo)

II – TRÁCH NHIỆM GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là trách nhiệm của mỗi người Việt Nam, trong đó có tầng lớp học sinh, sinh viên – những người thường xuyên sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp xã hội, trong học tập, nghiên cứu và trong các hoạt động nghề nghiệp sau này. Công cuộc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt đòi hỏi mọi người phải có những nỗ lực về các phương diện : tình cảm, nhận thức, hành động.

1. Việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trước hết đòi hỏi phải có tình cảm yêu mến và ý thức quý trọng tiếng Việt. Mỗi người cần thấm nhuần sâu sắc nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp".

Mỗi âm thanh, mỗi từ ngữ, mỗi quy tắc trong tiếng Việt,... đều là di sản quý báu mà bao đời cha ông ta đã để lại. Di sản đó giúp cho mỗi người chúng ta có hiểu biết, có nhân cách, đồng thời nuôi dưỡng cho cả dân tộc trường tồn và phát triển. Cho nên muốn giữ gìn được phẩm chất trong sáng của di sản quý báu đó, cần có một tình yêu sâu sắc, lớn lao đối với di sản.

2. Việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt cũng đòi hỏi mỗi người cần có những hiểu biết cần thiết về tiếng Việt. Đó là những hiểu biết về chuẩn mực và quy tắc của tiếng Việt ở các phương diện phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu, tạo lập văn bản, tiến hành giao tiếp,... Các chuẩn mực và quy tắc đó, như đã biết, thể hiện sự trong sáng của tiếng Việt và là cơ sở để xác định phẩm chất trong sáng của lời nói.

Muốn có hiểu biết, cần tích luỹ kinh nghiệm từ thực tế giao tiếp, từ sự trau dồi vốn ngôn ngữ qua sách báo hoặc qua việc học tập ở nhà trường. Câu châm ngôn "Học ăn, học nói, học gói, học mở" cho thấy tầm quan trọng của việc "học nói". Có thể tìm hiểu và học hỏi tiếng Việt ở mọi nơi, mọi lúc mà

timdapan.com

tiếng Việt được sử dụng. Trước một cách nói mới như "bệnh viện máy tính" (chỉ nơi xem xét và sửa chữa máy vi tính), có thể nhận thấy từ "bệnh viện" đã có một nghĩa mới do sự chuyển nghĩa theo quy tắc chung là ẩn dụ. Cách nói đó vừa mới, vừa thú vị mà vẫn trong sáng do tuân thủ quy tắc sử dụng trong tiếng Việt.

3. Công cuộc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt đòi hỏi trách nhiệm cao của mỗi người trong chính hoạt động sử dụng tiếng Việt khi giao tiếp (nói hoặc viết). Hoạt động sử dụng tiếng Việt yêu cầu tuân thủ đúng các chuẩn mực và quy tắc ngôn ngữ (tiếng Việt). Nói, viết đúng chuẩn mực, quy tắc là điều đầu tiên đảm bảo cho sự trong sáng. Những cách nói "hơi bị đẹp" hoặc viết "vá 9" (thể hiện cách vá săm xe có dùng lửa : vá chín),... trong giao tiếp hiện nay chỉ là những cách nói vui nhộn hoặc viết tắt không đúng chuẩn mực và không thể coi là trong sáng. Chỉ có những sự sử dụng mới, sáng tạo riêng nhưng tuân theo quy tắc chung mới đảm bảo yêu cầu trong sáng (như từ "bệnh viện" trong "bệnh viện máy tính" đã dẫn ở trên).

Sự trong sáng của ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng, như đã nói, không cho phép pha tạp, lai căng, tuy vẫn cần tiếp nhận những yếu tố tích cực của tiếng nước ngoài. Đồng thời cũng cần tránh những cách nói thô tục, kệch cỡm, để cho lời nói đạt mức độ "lời hay, ý đẹp" và có văn hoá.

GHI NHỚ

Muốn đạt được sự trong sáng khi sử dụng tiếng Việt, mỗi cá nhân cần có tình cảm quý trọng, có hiểu biết về tiếng Việt, có ý thức và thói quen sử dụng tiếng Việt theo các chuẩn mực, các quy tắc chung, sao cho lời nói vừa đúng, vừa hay, vừa có văn hoá.

LUYỆN TẬP

1. Chọn câu văn trong sáng trong những câu văn sau và phân tích sự trong sáng đó.

a) *Muốn xoá bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, đòi hỏi chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể.*

b) *Muốn xoá bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể.*

timdapan.com

c) *Việc xoá bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn đòi hỏi chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể.*

d) *Chúng ta phải có những kế hoạch cụ thể để xoá bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn.*

2. Hãy đọc lời quảng cáo sau đây và cho biết từ nước ngoài nào không cần thiết sử dụng vì đã có từ tiếng Việt có ý nghĩa và sắc thái biểu cảm thích hợp với nội dung cần biểu đạt.

Bạn chờ đợi gì trong ngày lễ Tình nhân – một ngày hạnh phúc của những đôi lứa yêu nhau và luôn mong muốn mang đến cho nhau những gì ngọt ngào nhất ?

Ca sĩ V tiết lộ : "Tôi là con người dễ thương và lãng mạn, hiện tại tôi cũng yêu như thế". Vậy lãng mạn trong ngày Valentine của chàng hoàng tử này sẽ như thế nào ?

Còn nữ ca sĩ T vẫn luôn mơ về một chàng "bạch mã hoàng tử", vậy nàng mong chờ chàng hoàng tử của mình sẽ ra sao trong ngày Tình yêu ?

ĐỌC THÊM

PHẢI GIỮ GÌN, QUÝ TRỌNG TIẾNG NÓI DÂN TỘC (trích)

Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. [...]

Muốn tiến bộ, muốn viết hay, thì phải cố gắng học hỏi, ra công rèn luyện. Kinh nghiệm của tôi là thế này : Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi :

Viết cho ai xem ?

Viết để làm gì ?

Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc ?

Khi viết xong, thì nhờ anh em xem và sửa giùm.

(Hồ Chí Minh, trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1980)

timdapan.com

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT (trích)

"Trong" có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục ; "sáng" là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ những điều chúng ta muốn nói. [...]

Phải làm gì để giữ gìn sự trong sáng của tiếng ta, giữ gìn hai đức tính rất quý của nó là giàu và đẹp, hơn thế nữa, làm sao cho nó càng thêm giàu và đẹp. Và phải chủ động, tích cực, nhạy cảm, đồng thời phải kiên trì, phấn đấu lâu dài, một cách có tổ chức, có kế hoạch, vững chắc.

Ở đây phải chú ý ba khâu :

Một là giữ gìn và phát triển vốn chữ của tiếng ta (tôi không muốn dùng chữ "từ vựng").

Hai là nói và viết đúng phép tắc của tiếng ta (tôi muốn thay chữ "ngữ pháp").

Ba là giữ gìn bản sắc, tinh hoa, phong cách của tiếng ta trong mọi thể văn (văn nghệ, chính trị, khoa học, kĩ thuật,...).

(Phạm Văn Đồng, trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Sđd)

SÁNG NGHĨA, TRONG LỜI

Sự trong sáng của ngôn ngữ là kết quả của một cuộc phấn đấu. *Trong* và *sáng* dính liền nhau. Tuy nhiên, cũng có thể phân tích ra để cho được rõ nghĩa hơn nữa. Theo tôi nghĩ, *sáng* là sáng sủa, dễ hiểu, khái niệm được rõ ràng ; thường thường khái niệm, nhận thức, suy nghĩ được rõ ràng, thì lời diễn đạt ra cũng được minh bạch. Tuy nhiên, nhất là trong thơ, có rất nhiều trường hợp ý nghĩa *sáng* rồi, dễ hiểu rồi, nhưng lời diễn đạt còn thô, chưa được *trong*, chưa được gọn, chưa được chuốt. Do đó, tôi muốn hiểu chữ *sáng* là nặng về nói nội dung, nói tư duy, và chữ *trong* là nặng nói về hình thức, nói diễn đạt (và cố nhiên là nội dung và hình thức gắn liền). Cho nên phải phấn đấu cho được *sáng* nghĩa, đồng thời lại phải phấn đấu cho được *trong* lời, đặng cho câu thơ, câu văn *trong sáng*...

(Xuân Diệu, trong *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, Sđd)

timdapan.com

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC

PHẠM VĂN ĐỒNG

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được những ý kiến sâu sắc, có lí có tình của Phạm Văn Đồng về thân thế và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu.
- Từ đó, hiểu đúng đắn, sâu sắc hơn những giá trị lớn lao của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu đối với thời đại bấy giờ và đối với ngày nay, để càng thêm yêu quý con người và tác phẩm của nhà thơ lớn đó.

TIỂU DẪN

PHẠM VĂN ĐỒNG

Phạm Văn Đồng (1906 – 2000), một nhà cách mạng lớn của nước ta trong thế kỉ XX, quê ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Là người tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng từ khi chưa đầy hai mươi tuổi, ông đã từng bị thực dân Pháp bắt, kết án tù và đày ra Côn Đảo từ năm 1929 đến năm 1936. Đầu những năm 40 của thế kỉ XX, ông cùng một số đồng chí khác được giao nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa cách mạng ở vùng biên giới Việt – Trung. Tại Quốc dân Đại hội ở Tân Trào, ông được bầu vào Uỷ ban Dân tộc giải phóng.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Phạm Văn Đồng có nhiều cống hiến to lớn trong việc xây dựng và quản lí nhà nước Việt Nam. Ông là Trưởng phái đoàn Chính phủ Việt Nam dự các hội nghị có ý nghĩa lịch sử như Hội nghị Phông-te-nơ-blô (1946), Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954). Ông từng đảm nhiệm các cương vị: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Phó Thủ tướng, rồi Thủ tướng (1955 – 1981), Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (1981 – 1987). Ông là Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam (1951 – 1986).

Phạm Văn Đồng còn là một nhà giáo dục tâm huyết và một nhà lí luận văn hoá văn nghệ lớn. Trong vai trò của một người lãnh đạo Đảng và Nhà nước, ông luôn dành mối quan tâm đặc biệt đến mặt trận văn hoá văn nghệ ở nước ta. Không chỉ đưa ra những ý kiến có ý nghĩa chỉ đạo

timdapan.com

đường lối phát triển của nền văn học nghệ thuật mới, Phạm Văn Đồng còn có nhiều bài nói, bài viết sâu sắc, mới mẻ, đầy hào hứng về tiếng Việt và về các danh nhân văn hoá Việt Nam như Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh,...

Bài *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* của ông được viết nhân kỉ niệm 75 năm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (3 – 7 – 1888).

VĂN BẢN

Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này.

Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy. Có người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của *Lục Vân Tiên*, và hiểu *Lục Vân Tiên* khá thiên lệch về nội dung và về văn, còn rất ít biết thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, khúc ca hùng tráng của phong trào yêu nước chống bọn xâm lược Pháp lúc chúng đến bờ cõi nước ta cách đây một trăm năm !

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ yêu nước mà tác phẩm là những trang bất hủ ca ngợi cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay buổi đầu lúc chúng đặt chân lên đất nước chúng ta.

Nguyễn Đình Chiểu vốn là một nhà nho, nhưng sinh trưởng ở đất Đồng Nai hào phóng, lại sống giữa lúc nước nhà lâm nguy, vua nhà Nguyễn cam tâm bán nước để giữ ngai vàng, nhưng khắp nơi, nhân dân và sĩ phu anh dũng đứng lên đánh giặc cứu nước. Vì mù cả hai mắt, hoạt động của người chiến sĩ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu là thơ văn. Và những tác phẩm đó, ngoài những giá trị văn nghệ, còn quý giá ở chỗ nó soi sáng tâm hồn trong sáng và cao quý lạ thường của tác giả, và ghi lại lịch sử của một thời khổ nhục nhưng vĩ đại !

"Kiến nghĩa bất vi vô dõng dã !"[1]. Đời sống và hoạt động của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương anh dũng. Cảnh đất nước cũng như cảnh riêng càng long đong, đen tối, thì khí tiết của người chí sĩ yêu nước càng cao cả, rạng rỡ :

Sự đời thà khuất đôi tròng thịt
Lòng đạo xin tròn một tấm gương !

---

(1) *Kiến nghĩa bất vi vô dõng dã* : thấy việc nghĩa mà không làm là không có dũng khí.

timdapan.com

Cuộc đời và thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là của một chiến sĩ hi sinh phấn đấu vì một nghĩa lớn. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn chiến đấu, đánh thẳng vào giặc ngoại xâm và tôi tớ của chúng :

Học theo ngòi bút chí công
Trong thi cho ngụ tấm lòng Xuân thu ![1]

và :

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Đối với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút, viết văn là một thiên chức. Và Nguyễn Đình Chiểu trọng chức trách của mình chừng nào thì càng khinh miệt bọn lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa chừng nấy :

Thấy nay cũng nhóm văn chương
Vóc dê da cọp khôn lường thực hư !

*

* *

Thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu làm sống lại trong tâm trí của chúng ta phong trào kháng Pháp oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ từ 1860 về sau, suốt hai mươi năm trời. Quân của triều đình dưới sự chỉ huy của một danh tướng lúc bấy giờ, Nguyễn Tri Phương, đã đánh thua ở Sài Gòn, Tự Đức vội vã đầu hàng, năm 1862 cắt ba tỉnh miền Đông, năm 1867 cắt ba tỉnh miền Tây cho giặc. Mặc dầu nước nhà gặp cảnh hiểm nghèo và khổ nhục như vậy, các tầng lớp nhân dân Nam Bộ lúc bấy giờ, nhân dân lao động và các bậc sĩ phu đều kiên quyết vùng dậy đánh giặc cứu nước. "Giặc đến nhà đàn bà phải đánh !". Phong trào bắt đầu dấy lên ở miền Đông, sau lan rộng khắp nơi ở "Lục tỉnh", biến thành cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn, nhiều nơi, nhiều lúc sôi nổi và mạnh mẽ lạ thường, khiến cả kẻ thù cũng không tiếc lời tỏ lòng khâm phục (theo nhiều sách của người Pháp trong cuộc viết về cuộc chiến tranh xâm lược Nam Bộ) : Khởi nghĩa Trương Định ở Gò Công, Thủ khoa Huân ở Mĩ Tho, Phan Liêm và Phan Tôn ở Bến Tre, Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá,

---

(1) *Trong thi cho ngụ tấm lòng Xuân thu* : ngụ ý thơ phải thể hiện rõ thái độ khen chê giống như trong kinh *Xuân thu* (tương truyền do Khổng Tử san định).

timdapan.com

Đỗ Thừa Lương và Đỗ Thừa Tự ở Cần Thơ, Nguyễn Văn Bường và Quản Hớn ở Hóc Môn, Bà Điểm v.v... Làm sao sưu tầm tài liệu về những trang sử oanh liệt này, về biết bao cuộc chiến đấu anh dũng ở khắp nơi, về biết bao chiến công của biết bao anh hùng liệt sĩ, để đánh giá đúng tầm rộng lớn và sức mạnh của phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ, một phong trào bắt nguồn từ lòng căm thù vô hạn của quần chúng nhân dân đối với giặc ngoại xâm, nguyện hi sinh tất cả và chiến đấu đến cùng để cứu nước, cứu dân. Chúng ta hãy nghe một đôi đoạn trong một bài hịch phổ biến lúc bấy giờ :

Bớ các quan ơi, chớ thấy chín trùng hoà nghị mà tấm lòng địch khái nỡ phôi pha, cho rằng ba tỉnh giao hoà mà cái việc cừu thù đành lơ lảng !

Bớ các làng ơi, chớ thấy đồn dưới Gò Công thất thủ mà trở mặt hại nhau, chớ nghe bảo trên Bến Nghé phân cư mà đành lòng theo mọi !

Hỡi ơi, oán nhường ấy, hận nhường ấy, cừu thù nhường ấy, làm sao trả đặng mới ưng ! Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, bao đành bỏ qua sao phải ?

Hồi tưởng cuộc chiến đấu anh dũng vô song của dân tộc Việt Nam ta ở Nam Bộ lúc bấy giờ, ruột gan chúng ta đau như cắt xé. Giá như triều đình lúc bấy giờ không phải ở trong tay bọn vua chúa nhà Nguyễn phản bội và đầu hàng mà ở trong tay những người kế tục sự nghiệp của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, kế tục sự nghiệp yêu nước và anh dũng của Nguyễn Huệ, thì phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ ở Nam Bộ chắc còn mạnh mẽ hơn nhiều, nhất là đã được lãnh đạo thống nhất và kiên trì đấu tranh cho đến thắng lợi, đồng thời phong trào ấy chắc được sự ủng hộ kiên quyết của cả nước, như vậy đất Đồng Nai anh dũng từ đó đã trở nên bức thành đồng ngăn chặn bọn cướp nước phương Tây xâm phạm đất nước chúng ta ở Nam Bộ, và do đó, đã bảo vệ vẹn toàn độc lập và thống nhất của Tổ quốc !

Cho nên không phải ngẫu nhiên mà thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu, một phần lớn là những bài văn tế, ca ngợi những người anh hùng suốt đời tận trung với nước, và than khóc những người liệt sĩ đã trọn nghĩa với dân. Ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu đã diễn tả, thật là sinh động và não nùng, cảm tình của dân tộc đối với người chiến sĩ của nghĩa quân, vốn là người nông dân, xưa kia chỉ quen cày cuốc, bỗng chốc trở thành người anh hùng cứu nước.

timdapan.com

Chúng ta hãy đọc lại nhiều đoạn trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* :

Hỡi ôi !

Súng giặc đất rền ; lòng dân trời tỏ.

[...]

Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen ; thác mà ưng đình miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ...

Bài ca của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi. Hai bài văn : hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Bài cáo của Nguyễn Trãi là khúc ca khải hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang : "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện được trả thù kia...".

Có lẽ dưới suối vàng, linh hồn của Nguyễn Đình Chiểu và những nghĩa quân lúc bấy giờ, ngày nay phần nào đã được hả dạ !

Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, những hòn ngọc rất đẹp, như bài *Xúc cảnh* :

Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông,
Chúa xuân đâu hỡi có hay không ?
Mây giăng ải bắc trông tin nhạn,
Ngày xế non nam bặt tiếng hồng.
Bờ cõi xưa đà chia đất khác,
Nắng sương nay há đội trời chung !

Phong trào kháng Pháp khắp nơi sôi nổi và mạnh mẽ lúc bấy giờ ở Nam Bộ, làm nảy nở nhiều nhà văn, nhà thơ, tài năng xuất chúng, bản lĩnh phi thường, mà tác phẩm là những bông hoa của một thời buổi oanh liệt và đau thương : Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Văn Lạc, Nguyễn Hữu Huân, Hồ Huân Nghiệp,... Thật rất khó chọn một bài để thí dụ trong rất nhiều bài đều hay, đều có ý nghĩa và hương vị. Xin trích mấy câu trong bài thơ của Nguyễn Tư Giản tiễn Nguyễn Thông về Bình Thuận (nguyên văn chữ Hán, dưới đây là văn dịch) :

timdapan.com

Bao giờ Bến Nghé lại trong,
Cho dòng sông Nhị vang lừng khải ca ?
Cưỡi thuyền lên tận Ngân Hà,
Biển xanh ra ngắm, trăng ngà sáng soi.
...
Cảnh tình nghĩ lại chưa vui,
Núi sông còn gánh hai vai nặng nề.

*

* *

Bây giờ xin nói về *Lục Vân Tiên*, tác phẩm lớn nhất của Nguyễn Đình Chiểu, rất phổ biến trong dân gian, nhất là ở miền Nam. Phải hiểu đúng *Lục Vân Tiên* thì mới thấy hết giá trị của bản trường ca này. Đúng, đây là một bản trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những người trung nghĩa ! Tất nhiên những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu cũng như nhiều bậc hiền triết ngày xưa ở phương Đông hoặc phương Tây, vẫn để lại cho đời sau những điều giáo huấn đáng quý trọng. Lại thêm Nguyễn Đình Chiểu suốt đời sống trong lòng của quần chúng nhân dân, giữa lúc nhân tình thế thái là sự mỉa mai đối với triết lí Khổng – Mạnh. Chính Nguyễn Đình Chiểu phải viết câu : "Trượng phu có chí ngang tàng !" không thể tự trói mình trong khuôn khổ của đạo lí cổ truyền. Cho nên các nhân vật của *Lục Vân Tiên* : Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga, Tiểu đồng,... là những người đáng kính, đáng yêu, trọng nghĩa, khinh tài, trước sau một lòng, mặc dầu khổ cực, gian nguy, quyết phấn đấu vì nghĩa lớn. Họ là những nhân vật của một thuở đã qua, điều đó không cần phải nói. Nhưng họ là những con người có ruột gan, xương thịt. Họ sống trong một xã hội cũng như biết bao xã hội từ xưa đến nay – có người tốt kẻ xấu, người ngay kẻ gian, có nhiều đau khổ, bất công – họ đã đấu tranh không khoan nhượng chống mọi gian dối, bất công và họ đã thắng. Họ là những tấm gương dũng cảm. Vì những lẽ đó họ gần gũi chúng ta và câu chuyện của họ làm chúng ta cảm xúc và thích thú.

Về văn chương của *Lục Vân Tiên*, phải để ý đây là một chuyện "kể", chuyện "nói". Tác giả cố ý viết một lối văn "nôm na", dễ hiểu, dễ nhớ, có thể

timdapan.com

truyền bá rộng rãi trong dân gian. Có người hay hạch những chỗ lời văn không hay lắm ; ở đây phải nhớ rằng Nguyễn Đình Chiểu vì mù nên chỉ có thể đọc cho người khác viết, và như vậy, thật khó sửa chữa và duyệt lại nguyên bản ! Lại thêm, đến nay chẳng ai biết nguyên bản ấy là bản nào ! Và hiện nay mấy bản sao mà người ta có thể căn cứ đều có chỗ khác nhau ! Dẫu sao đôi chỗ sơ sót về văn chương không thể làm giảm giá trị văn nghệ của bản trường ca thật là hấp dẫn từ đầu đến cuối. Tôi không nhớ tôi đọc *Lục Vân Tiên* lúc nào, song đến nay tôi còn thuộc lòng nhiều vần thơ rất hay :

Kim Liên ơi hỡi Kim Liên,
Đẩy xe cho chị qua miền Hà Khê.
...
Vân Tiên đầu đội kim khôi,
Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô.

Trong dân gian miền Nam, người ta thích *Lục Vân Tiên*, người ta say sưa nghe kể *Lục Vân Tiên*, không chỉ vì nội dung câu chuyện, còn vì văn hay của *Lục Vân Tiên*.

Tóm lại Nguyễn Đình Chiểu là một người chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta. Đời sống và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu là một tấm gương sáng, nêu cao địa vị và tác dụng của văn học, nghệ thuật, nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá và tư tưởng.

Nhân kỉ niệm ngày mất của Nguyễn Đình Chiểu (ngày 3 tháng 7 năm 1888), trong lòng chúng ta, chúng ta hãy đốt một nén hương để tưởng nhớ người con quang vinh của dân tộc !

(*Tạp chí Văn học*, tháng 7 – 1963)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm những luận điểm chính của bài viết. Anh (chị) thấy cách sắp xếp các luận điểm đó có gì khác với trật tự thông thường ?

2. Theo tác giả, vì sao văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng giống như "những vì sao có ánh sáng khác thường", "con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy" ?

timdapan.com

3. Tác giả đã giúp chúng ta nhận ra những "ánh sáng khác thường" nào của ngôi sao sáng Nguyễn Đình Chiểu trên bầu trời văn nghệ Việt Nam, qua :

– Cuộc sống và quan niệm sáng tác của nhà thơ ;

– Thơ văn mà ông sáng tác để phục vụ cuộc chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc ;

– *Truyện Lục Vân Tiên* ?

4. Vì sao tác giả cho rằng ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa không chỉ trong thời ấy, mà cả trong thời đại hiện nay ?

5. Có thể thấy bài văn nghị luận này không khô khan mà trái lại, có sức hấp dẫn, lôi cuốn. Vì sao ?

GHI NHỚ

- Bằng cách nhìn, cách nghĩ sâu rộng, mới mẻ và nhiệt tình của một người gắn bó hết mình với đất nước, với nhân dân, Phạm Văn Đồng đã làm sáng tỏ mối liên hệ khăng khít giữa thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu với hoàn cảnh của Tổ quốc lúc bấy giờ và với thời đại hiện nay. Đồng thời, tác giả hết lòng ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu, một người trọn đời dùng cây bút làm vũ khí chiến đấu cho dân, cho nước, một ngôi sao sáng trong nền văn nghệ của dân tộc Việt Nam.
- Bài viết có sức lôi cuốn mạnh mẽ do cách nghị luận vừa xác đáng, chặt chẽ vừa xúc động, thiết tha, với nhiều hình ảnh, ngôn từ đặc sắc.

LUYỆN TẬP

Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu vẫn không xa lạ với giới trẻ ngày nay, và việc học những tác phẩm như *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của ông ở nhà trường là rất bổ ích.

Anh (chị) hãy viết một bài văn nghị luận tỏ bày ý kiến của mình về vấn đề trên.

timdapan.com

ĐỌC THÊM

MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ

NGUYỄN ĐÌNH THI

(Trích)

TIỂU DẪN

NGUYỄN ĐÌNH THI

Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003) sinh tại Luông Pha-bang (Lào), quê gốc ở làng Vũ Thạch (nay là phố Bà Triệu), Hà Nội. Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Thi sống cùng gia đình ở Lào. Năm 1931, ông theo gia đình về nước ; tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông tham gia lãnh đạo Hội Văn hoá cứu quốc và Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ năm 1958 đến năm 1989, ông là Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam ; từ năm 1995, là Chủ tịch Uỷ ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học – Nghệ thuật Việt Nam.

Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài : viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình văn nghệ, biên khảo triết học. Ở lĩnh vực nào, ông cũng có đóng góp đáng ghi nhận. Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính của Nguyễn Đình Thi : các tiểu thuyết *Xung kích* (1951), *Vào lửa* (1966), *Mặt trận trên cao* (1967), *Vỡ bờ* (tập I – 1962, tập II – 1970) ; các tập thơ *Người chiến sĩ* (1956), *Bài thơ Hắc Hải* (1958), *Dòng sông trong xanh* (1974), *Tia nắng* (1983) ; các vở kịch *Con nai đen* (1961), *Hoa và Ngần* (1975), *Rừng trúc* (1978), *Nguyễn Trãi ở Đông Quan* (1979), *Hòn cuội* (1987) ; các tập tiểu luận *Mấy vấn đề văn học* (1956), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964).

Tháng 9 – 1949, Hội nghị tranh luận văn nghệ đã được tổ chức ở Việt Bắc. Đây là một hoạt động giúp ích rất nhiều cho phong trào sáng tác văn nghệ. Sau bài thuyết trình *Xây dựng văn nghệ nhân dân* của Tố Hữu, hội nghị thảo luận về phương châm cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt, về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, đồng thời tranh luận về kịch (kịch Lộng Chương), về văn (văn Nguyễn Tuân), về thơ (thơ Nguyễn Đình Thi). Nhân ý kiến đóng góp cho thơ Nguyễn Đình Thi, những người tham dự hội nghị còn nói lên quan niệm của mình về thơ nói chung, thơ kháng chiến nói riêng. Nguyễn Đình Thi trình bày quan niệm của mình về thơ trong bài *Mấy ý nghĩ về thơ*. Bài viết này về sau được đưa vào tập *Mấy vấn đề văn học*.

timdapan.com

VĂN BẢN

(**Lược đoạn đầu :** *Với dụng ý tranh luận, Nguyễn Đình Thi nêu ra rồi bác bỏ một số quan niệm có phần phiến diện về thơ – có người cho "thơ là ở những lời đẹp", lại có người cho "thơ khác với các thể văn khác ở chỗ thơ in sâu vào trí nhớ"...*)

Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn con người chăng ? Ta nói trời xanh hôm nay nên thơ nhưng chính ra là lòng chúng ta mang một nỗi niềm vui buồn nào mà muốn làm thơ hoặc đọc thơ về trời xanh. Mưa phùn buổi chiều gợi những câu thơ nào nhớ nhung, nhưng chính nỗi nhớ nhung gặp buổi chiều mưa mà muốn thì thầm những câu thơ chưa thành hình rõ.

[...] Tâm hồn chúng ta có một rung động thơ khi nó ra khỏi tình trạng bình thường, khi nó không còn chuồi theo thói quen như một dây da trong bộ máy, khi nó thức tỉnh tự soi vào nó để tự nhận thấy đang ở một độ rung chuyển khác thường, do một sự va chạm nào với thế giới bên ngoài, với thiên nhiên, với những người khác, rồi do sự tự soi sáng ấy mà cảm xúc thành hình được hẳn.

Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩ, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vùng sáng xung quanh ngọn lửa.

Nói đến hình ảnh trong thơ. Thơ là tiếng nói đầu tiên, tiếng nói thứ nhất của tâm hồn khi đụng chạm với cuộc sống. Toé lên ở những nơi giao nhau của tâm hồn với ngoại vật, trước hết là những cảm xúc. Cảm xúc là phần thịt xương hơn cả của đời sống tâm hồn.

Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, vì bất cứ cảm xúc, tình tự nào của con người cũng dính liền với sự suy nghĩ. Nhưng tư tưởng trong thơ là tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống. Tư tưởng của thơ nằm ngay trong cảm xúc, tình tự. Không ai đọc thơ riêng bằng trí thức[1] mà yêu thơ. Hiểu thơ kì thực là vấn đề của cả tâm hồn.

---

(1) *Trí thức* : ở đây có nghĩa là lí trí.

timdapan.com

Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần tuý. Nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luân lí hay vệ sinh chứ không có thơ. Thơ tìm nói với một sự suy nghĩ toàn diện hơn là suy nghĩ riêng theo luận lí. Thơ muốn lay động những chiều sâu của tâm hồn, đem cảm xúc mà đi thẳng vào sự suy nghĩ.

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng...

Nhà luận lí ngồi khảo cứu mãi xem vì sao mà chuyện mây trắng mây vàng lại đưa đến chuyện anh với nàng. Luận lí chưa hiểu, nhưng cả tâm hồn chúng ta đã hiểu và âm vang theo.

[...] Cho nên làm thơ không phải là phiên dịch ý tình bằng hình ảnh cầu kì.

Hình ảnh của thơ trái lại, phải là hình ảnh thực nảy lên trong tâm hồn khi ta sống trong một cảnh huống hoặc trạng thái nào đấy. Đụng chạm với hành động hằng ngày, tâm hồn nảy lên bao nhiêu hình ảnh như những tia lửa toé lên khi búa đập vào sắt trên đe. Người làm thơ lượm những tia lửa ấy, kết nên một bó sáng, nó là hình ảnh thơ. Người chinh phụ đứng trước nhà ngóng theo bóng chồng, chỉ còn nghe thấy tiếng địch thổi, bấy giờ nói lên cho ta điều ấy và thơ Việt Nam đã có câu : "Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng"[1]. Câu thơ giản dị như câu nói thường mà ngân vang mãi. Thơ là nơi tư tưởng, tình tự, quấn quýt với hình ảnh như hồn với xác để tạo ra cái biết toàn thể, biết bằng tất cả tâm hồn, không phải chỉ biết bằng ý niệm, bằng ý thức.

[...] Thực trong thơ, là tìm được những hình ảnh sống, những hình ảnh có sức lôi cuốn và thuyết phục người đọc. Người làm thơ bắt chợt trong lòng mình một ý nghĩ hay tình cảm, dù thành thực và sâu sắc, cũng không vội dừng lại, đem những tiếng có vần điệu chăng lưới bắt lấy ý nghĩ hay tình cảm ấy. Anh ta còn phải thấy được những hình ảnh trong ý nghĩ hay tình cảm của mình, thì tiếng nói của anh mới truyền cảm sâu sắc được cho người khác.

"Tìm hình ảnh", nói như vậy tưởng chừng việc làm thơ là đào vào trong tâm hồn mình, cố gắng nặn nọt. Cũng có trường hợp như vậy, nhưng thực ra đáng lẽ là nhà thơ đi giữa cuộc đời, mở rộng cả tâm hồn mình thì mỗi con mắt nhìn gặp trên đường, mỗi cảnh ngộ, mỗi con người cho đến mỗi tiếng nghe thấy, mỗi giọt nắng, mỗi chiếc lá tự nhiên mà vào trong lòng, để rồi động sâu

---

(1) *Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng* : câu thơ trong *Chinh phụ ngâm.*

timdapan.com

đến tư tưởng và tình cảm. Trong việc làm thơ bấy giờ, hình ảnh tự nhiên hiện lên trước nhất.

Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ nhìn bằng con mắt của người đầu tiên. Đó là những hình ảnh mới tinh, chưa có vết nhoà của thói quen, không bị rập khuôn vào những ý niệm trừu tượng định trước. Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều ở trong đời thực, chúng ta đều thấy. Hình ảnh của thơ vừa làm ta ngạc nhiên, vừa đã quen với chúng ta tự bao giờ. Câu thơ đột ngột làm cho ta nhận thấy những cái gần gũi nhất với chúng ta. Trước kia, ta vẫn gặp mà không biết nhìn.

[...] Chữ buồn ai cũng hiểu nghĩa, nhưng nói "tôi buồn" chưa làm cho ai buồn cả. Đó mới là một ý niệm. Cũng như nói trời lạnh, hoa trắng, ai cũng biết cả, nhưng chưa đủ làm cho ai thấy lạnh, thấy trắng. Mỗi chữ và tiếng mới như một ngọn nến trắng cắt bằng giấy dán trên nền đen. Mỗi ngọn nến vẫn trắng như nền đen vẫn đen. Mỗi chữ là một nghĩa nhưng bài thơ vẫn chưa có hồn.

Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác, ngoài giá trị ý niệm. Người làm thơ chọn chữ và tiếng không những vì ý nghĩa của nó, cái nghĩa thế nào là thế ấy, đóng lại trong một khung sắt. Điều kì diệu của thơ là mỗi tiếng, mỗi chữ, ngoài cái nghĩa của nó, ngoài công dụng gọi tên sự vật, bỗng tự phá tung mở rộng ra, gọi đến xung quanh nó những cảm xúc, những hình ảnh không ngờ, toả ra xung quanh nó một vùng ánh sáng động đậy. Sức mạnh nhất của câu thơ là ở sức gợi ấy. Câu thơ hay, có cái gì làm rung những chiếc cốc kia trên bàn, làm động ánh trăng kia trên bờ đê. "Chim hôm thoi thót về rừng..."[1]. Chúng ta đọc mà thấy rõ buổi chiều như hơi thở tắt dần, câu thơ không còn là một ý, một bức ảnh gắng gượng chụp lại cảnh chiều, nó đã bao phủ một vầng linh động truyền sang lòng ta cái nhịp phập phồng của buổi chiều. Mỗi chữ như một ngọn nến đang cháy, những ngọn nến ấy xếp bên nhau thành một vùng sáng chung. Ánh sáng không những ở đầu ngọn nến, nó ở tất cả xung quanh những ngọn nến. Ý thơ không những trong những chữ, nó vây bọc xung quanh. Người xưa nói : Thi tại ngôn ngoại[2].

Cái kì diệu ấy của tiếng nói trong thơ, có lẽ chăng ta tìm nó trong nhịp điệu, trong nhạc của thơ. Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng

---

(1) *Chim hôm thoi thót về rừng* : câu thơ trong *Truyện Kiều*.

(2) *Thi tại ngôn ngoại* : ý thơ ở ngoài lời thơ.

timdapan.com

bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm như tiếng đàn êm tai, một người ngoại quốc không biết tiếng ta cũng có thể nghe thấy được. Nhạc của thơ không giới hạn ở thứ nhạc ngoài tai ấy. Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn. Ngâm thơ véo von mới làm cho ta nghe thấy tiếng bổng trầm của bằng trắc, chép thơ, đọc thơ bằng mắt, hoặc đọc lên như khi ta nói, có lẽ dễ cho chúng ta nghe thấy hơn tiếng nhịp điệu thực của thơ. Đó là nhịp điệu hình thành của những cảm xúc, hình ảnh, liên tiếp hoà hợp, mà những tiếng và chữ gọi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động.

Đường đi của thơ là con đường đưa thẳng vào tình cảm, không quanh co, qua những chặng, những trung gian, những cột cây số. Văn xuôi lôi cuốn người như dòng nước, đưa ta đi lần lượt, từ điểm này qua điểm khác. Thơ, trái lại, chỉ chọn một ít điểm chính, bấm vào những điểm ấy thì toàn thể động lên theo.

Thơ là tổng hợp, kết tinh. Văn xuôi được phép không mười phần hoàn hảo, nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích.

Cuối cùng, tôi muốn nói tới vấn đề thơ tự do, thơ không vần. Theo tôi, những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều là những võ khí rất mạnh trong tay người làm thơ. Nhưng không phải hễ thiếu những võ khí ấy là trận đánh nhất định thua. Thiếu võ khí ấy, trận đánh gay go thêm nhiều, nhưng người làm thơ vẫn có thể thắng.

Câu chuyện vần hay không vần ở thơ ta gần đây cũng được đem ra bàn cãi. Có bạn cho rằng thơ Việt Nam, khác với thơ các nước, không thể thiếu vần. Tiếng Việt Nam có đứng riêng hẳn như thế không ? Thơ Việt Nam có thể bỏ vần mà vẫn Việt Nam hay không ? Thiết tưởng cách đáp hay hơn cả là để cho tìm tòi, thử thách. Không có lí luận nào bằng sự thử thách của thực tại.

Riêng tôi nghĩ rằng, không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không có vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ. Mỗi thể thơ có một khả năng, một thứ nhịp điệu riêng của nó, nhưng nếu theo dõi những thời lớn của thơ đi cùng nhịp với những thời kì lớn của lịch sử, thì một thời đại mới của nghệ thuật thường bao giờ cũng tạo ra một hình thức mới. Thơ của một thời mới, trong những bước đầu, ít khi chịu những hình thức đều đặn, cố định. Nó chạy tung về những chân trời mở rộng để tìm kiếm, thử sức mới của nó. Rồi thời đại vững lại, thơ nảy nở trong những hình thức trong sáng đã tìm thấy.

timdapan.com

Những hình thức ấy gồm có những phát minh mới, cùng với những hình thức cũ, nhưng bao giờ cũng đã tái tạo và nâng cao đến một độ khác hẳn xưa.

Thơ chúng ta ngày nay đang ở tuổi trẻ nhất của thời đại mới. Nhịp sống chúng ta, từ sau Cách mạng, đập lên nhiều phen dữ dội đến bàng hoàng, đồng thời mở rộng ào ạt. Chúng ta không còn sống khoan thai như một thời nào trước. Nhịp điệu cũ, theo tôi, không còn đủ cho thơ của chúng ta. Nhiều nhà thơ đang đập vỡ để xây dựng, thơ tìm tòi trăm nghìn phía nhưng lúc nào cũng là một sức đang lên như thổi.

Tôi cho rằng chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác. Mà trước hết nên lo sao thơ phải nói lên được những tình cảm, tư tưởng mới của thời đại. Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay.

Vượt khỏi tất cả mọi luật lệ, không phải thơ trở nên buông thả, bừa bãi. Sự cẩu thả, buông lỏng chưa bao giờ đi đôi được với nghệ thuật. Nhưng câu chuyện luật lệ trong thơ cũng như câu chuyện kỉ luật trong cách mạng. Kỉ luật của những tổ chức cách mạng chưa bao giờ dựa trên sự trừng phạt đe doạ mà tồn tại được, kỉ luật ấy phải tự giác mới bền vững. Nghệ thuật có kỉ luật sắt của nó, nhưng đó không thể là những trói buộc, lề lối định sẵn bên ngoài. Nó phải là sự tự kiểm soát, tự chủ từ bên trong sự sáng tác mà ra. Bỏ những luật lệ máy móc bên ngoài, những luật lệ bản thân của nghệ thuật, những luật lệ từ bên trong mà ra, chỉ càng quan trọng hơn. Đạp đổ bức tường giam trước mặt rồi, giới hạn chỉ còn do sức đi xa của mình.

12 – 9 – 1949

(*Tuyển tác phẩm văn học Nguyễn Đình Thi, Tiểu luận – Bút kí*, NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nguyễn Đình Thi lí giải như thế nào về đặc trưng cơ bản nhất của thơ là biểu hiện tâm hồn con người ?
2. Những yếu tố đặc trưng khác của thơ : hình ảnh, tư tưởng, cảm xúc, cái thực,... đã được Nguyễn Đình Thi giới thiệu ra sao ?
3. Theo Nguyễn Đình Thi, ngôn ngữ thơ có gì đặc biệt so với ngôn ngữ các thể loại văn học khác ? Nguyễn Đình Thi quan niệm như thế nào về thơ tự do, thơ không vần ?
4. Nêu rõ nét tài hoa của Nguyễn Đình Thi trong nghệ thuật lập luận, đưa dẫn chứng, sử dụng từ ngữ, hình ảnh,... để làm sáng tỏ từng vấn đề đặt ra.
5. Quan niệm về thơ của Nguyễn Đình Thi ngày nay còn có giá trị không ? Vì sao ?

timdapan.com

ĐỌC THÊM

ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI[1]

X. XVAI-GƠ

(Trích)

TIỂU DẪN

XTÊ-PHAN XVAI-GƠ

Xtê-phan Xvai-gơ (1881 – 1942), nhà văn Áo gốc Do Thái, trưởng thành trong môi trường trí thức của Viên – một trung tâm văn hoá nghệ thuật thời trước Chiến tranh thế giới thứ hai. Ông từng làm thơ, viết kịch, truyện. Đặc biệt, những tiểu luận và chân dung văn học của ông đã được biết tới rộng rãi ở châu Âu và thế giới.

Là một người từng đi qua nhiều xứ sở, giao du rộng rãi, lại kết hợp được kiến thức uyên bác với một sự cảm nhận độc đáo trước tác phẩm, một mối đồng cảm trước số phận của nghệ sĩ nên Xvai-gơ đã dựng nên được những chân dung văn học đầy ấn tượng. Cuốn *Ba bậc thầy : Đô-xtôi-ép-xki – Ban-dắc – Đích-ken* chính là một dẫn chứng tiêu biểu. Qua những trang viết tài hoa của Xvai-gơ, những chặng đường đời, những bước ngoặt trong sự nghiệp sáng tác, những tác phẩm lớn và hình tượng nhân vật của "ba bậc thầy" xuất hiện, gắn với bão tố của cuộc đời thực mà cũng rất khác thường.

Riêng ở phần về *Đô-xtôi-ép-xki*, ta thấy vô vàn những chi tiết sống động của một số phận nghiệt ngã khó có thể tìm thấy ở những sách chuyên về "tiểu sử nhà văn" : từ lúc Đô-xtôi-ép-xki mới 24 tuổi, tác phẩm đầu tay (*Người nghèo*) khiến ông nổi tiếng ; tới khi bị giam trong pháo đài (trước án tử hình) vì đã tham gia vào những cuộc tranh luận chính trị, mà vẫn không hiểu vì tội gì... ; những ngày lưu đày ở Xi-bia, "trong bốn năm, một ngàn năm trăm chiếc cọc gỗ nhọn bằng gỗ sồi sẽ đóng khung chân trời của ông lại. Ngày này qua ngày khác ông sẽ vừa khóc vừa khía vào đó bốn lần ba trăm sáu mươi lăm vết khắc"... *Kí ức từ ngôi nhà của những người chết* khiến nước Nga kinh hoàng và "Nga hoàng nức nở khi đọc cuốn sách". Tác giả đã viết rất thực về những ngày khốn khổ do bệnh động kinh, ông phải chạy vạy xin tiền cứu chữa cho cả vợ ông nữa... Song những chi tiết, hình tượng ở đây không phải không có tầm khái quát. Chỉ trong vài câu, Xvai-gơ đã

(1) *Đô-xtôi-ép-xki* (1821 – 1881) : nhà tiểu thuyết thiên tài của Nga. Nhân vật của ông là những con người bé nhỏ, bị nhục mạ, khốn khổ, đầy tội lỗi và chỉ tìm thấy sự cân bằng trong lòng nhân hậu, khoan dung. Ông cũng đề xướng một lí tưởng thẩm mĩ thiên về hoà hợp những tinh hoa của văn hoá phương Đông với phương Tây. Cuộc đời đầy bất ổn của thiên tài ấy đã là đề tài của nhiều cuốn truyện tiểu sử nổi tiếng.

timdapan.com

tóm tắt được cái "thần" của tác phẩm Đô-xtôi-ép-xki : "Tiểu thuyết của Đô-xtôi-ép-xki là huyền thoại về nhân loại mới, thoát ra tự đáy tâm hồn Nga". Và đây là một trong những nét khác biệt giữa các nhân vật của "ba bậc thầy" : "Nhân vật của Ban-dắc thắng khi anh ta hạ gục được xã hội ; còn ở Đích-ken, khi anh ta đã chiếm được vị trí trong đẳng cấp xã hội, cuộc sống tư sản, gia đình, nghề nghiệp. Cộng đồng mà những nhân vật của Đô-xtôi-ép-xki vươn tới không phải là thuộc về xã hội nữa, mà mang chất tôn giáo ; họ không tìm kiếm xã hội, mà tình hữu ái toàn nhân loại"[1].

Sau đây là một đoạn trích, lấy nhan đề từ tên phần viết về Đô-xtôi-ép-xki của Xvai-gơ.

VĂN BẢN

Trái tim ông chỉ đập vì nước Nga còn thân thể ông sống leo lét trong một thế giới đối với ông là xa lạ. Không một nhà văn Đức, Pháp hoặc I-ta-li-a nào nhớ lại là đã gặp ông, đã nói với ông. Ông chỉ được biết đến ở ngân hàng, mà trước cửa tò vò của nó ông đứng chờ ngày lại ngày và với một giọng nói cảm động ông hỏi xem từ nước Nga tờ séc của ông cuối cùng đã đến chưa : một trăm rúp ấy, mà vì chúng trong các thư của ông, ông đã biết bao nhiêu lần quỳ gối trước những người xa lạ và thấp hèn. Các nhân viên ra mặt chế nhạo lão điên nghèo và sự chờ đợi vĩnh viễn của lão. Ông cũng là người khách chuyên cần của hiệu cầm đồ ; ông đã cầm cố ở đó tất cả, một lần đến cả cái quần đùi cuối cùng để đánh một cái điện về Xanh Pê-téc-bua, một tiếng kêu tuyệt vọng xé ruột mà ta luôn tìm thấy trong thư từ của ông.

CHÂN DUNG ĐÔ-XTÔI-ÉP-XKI
(Tranh do hoạ sĩ Va-xi-li Pê-rốp vẽ năm 1872)

[...] Suốt đêm ông làm việc trong khi ở phòng bên vợ ông rên rỉ trong những cơn đau đẻ. Cơn động kinh chộp họng ông ; chủ nhà không được trả tiền đe doạ gọi cảnh sát ; bà đỡ đòi tiền nợ. Và ông viết *Tội ác và trừng phạt, Thằng ngốc, Lũ người quỷ ám, Con bạc* – những tác phẩm đồ sộ của thế kỉ XIX, đã tạo hình cho tất cả thế giới tinh thần của chúng ta.

---

(1) Những đoạn trích ở phần *Tiểu dẫn* đều lấy từ bản dịch tiếng Pháp in năm 1945, NXB Gra-sét, Đặng Anh Đào dịch.

timdapan.com

Lao động là sự giải thoát và là nỗi thống khổ của ông ; nhờ nó ông sống trong Tổ quốc mình. Khi ngừng lại, ông ngạt thở với châu Âu như trong một nhà ngục ; vì vậy ông ngày càng bị thu hút vào các tác phẩm của mình. Đó là rượu ngọt làm ông ngây ngất ; đó là niềm hoan lạc lớn lao nhất của ông. Đôi khi ông ngưng lại để đếm các ngày như trước đây đã đếm cái cọc của trại giam. Trở về như một kẻ hành khất, nhưng là trở về ! Nước Nga ! Nước Nga, đó là tiếng gọi vĩnh cửu của niềm tuyệt vọng của ông. Song ông chưa có quyền được trở về ; vì chính sự lớn lao của tác phẩm ông, ông phải vẫn là người không tên, kẻ bị đoạ đày của những đường phố xa lạ, đau khổ một mình mà không than vãn. Ông tiếp tục sống giữa giống người chấy rận trước khi vươn lên ánh sáng rực rỡ của niềm vinh quang đời đời. Những thiếu thốn đã uốn còng lưng ông ; những quả chuỳ của bệnh tật càng giáng thường xuyên hơn xuống não cân ông ; nhiều ngày dài ông nằm trong một sự đờ đẫn hoàn toàn. Vừa lúc sức khoẻ trở lại, ông lê tới phòng làm việc. Năm mươi tuổi, nhưng ông đã chịu hàng thế kỉ dằn vặt.

Cuối cùng, vào thời điểm của sự tuyệt vọng lớn nhất, số mệnh phán bảo thế là kết thúc. Đức Chúa Trời quay nhìn về phía Giốp[1]. Năm mươi hai tuổi, ông được quyền trở về Tổ quốc. Các sách của ông đã biện hộ cho sự nghiệp của ông. Tuốc-ghê-nhép, Tôn-xtôi bị lu mờ. Nước Nga chỉ còn đổ dồn mắt vào ông. *Nhật kí của một nhà văn* biến ông thành sứ giả của xứ sở mình. Nghệ thuật hoàn hảo nhất của ông, sức lực cuối cùng của ông, ông hiến dâng cho di chúc của mình, cho dân tộc mình : *Anh em nhà Ka-ra-ma-dốp*.

Ý nghĩa của số phận biểu lộ ra với ông ; sau tất cả những thử thách ông đã chịu, một giây hạnh phúc tuyệt đỉnh đã được ban cho ông để ông hiểu rằng hạt đã gieo xuống, mùa gặt sẽ vô tận. Thắng lợi của Đô-xtôi-ép-xki dồn lại trong một giây, cũng như ngày trước, trước những nỗi khổ hạnh của ông, Đức Chúa Trời ném cho ông một tia chớp, lần này không phải để tiêu diệt ông mà giống như những tia chớp, nhờ đó, trong một cỗ xe rực lửa, Đức Chúa Trời mang các tông đồ[2] của Người vào cõi vĩnh hằng.

---

(1) *Đức Chúa Trời quay nhìn về phía Giốp* : điển tích dựa theo kinh *Cựu ước* của Thiên Chúa giáo. Giốp là người đạo đức, chịu nhiều bất hạnh nhưng vẫn vững tin vào Chúa. Cuối cùng Chúa ban phước lành để Giốp trường thọ, hạnh phúc.

(2) *Các tông đồ* : mười hai tông đồ (được phong thánh), những người được Chúa Giê-su chọn đi theo Người và giao cho giảng kinh Phúc âm.

timdapan.com

Vào dịp kỉ niệm ngày sinh của Pu-skin, các nhà văn lớn nước Nga được mời đọc những diễn văn tưởng niệm. Tuốc-ghê-nhép, người thân phương Tây, kẻ kình địch suốt đời cướp mất vinh quang của Đô-xtôi-ép-xki, đọc trước tiên. Một sự đón nhận khả ái, nhưng hơi lạnh nhạt. Ngày hôm sau, người ta nhường lời cho Đô-xtôi-ép-xki. Trong niềm ngất ngây của quỷ dữ, ông vung lời như sấm sét. Với một sự thành kính xuất thần, bằng giọng nói trầm, khàn, ông báo trước sứ mệnh thiêng liêng của sự tổng hoà giải của nước Nga. Như bị hạ gục, đám đông quỳ xuống ; căn phòng rung lên trong sự bùng nổ của hoan hỉ ; các bà hôn bàn tay ông, một sinh viên ngất xỉu dưới chân ông. Tất cả những diễn giả khác từ chối không nói nữa. Sự hứng khởi thật không giới hạn ; một vòng hào quang chói lọi bao quanh cái đầu của người bị hành khổ này.

Số phận của ông đã được quyết định như vậy : một phút ánh sáng rực rỡ để chứng tỏ rằng sứ mệnh đã hoàn thành, tác phẩm đã thắng lợi ; rồi khi quả đã được cứu thoát, vỏ khô rụng xuống. Đô-xtôi-ép-xki qua đời ngày 10 tháng 2 năm 1881. Một cơn run rẩy lay động toàn nước Nga ; một phút đau đớn câm lặng, rồi cùng một lúc, không thoả thuận trước, từ các thành phố xa xôi nhất, các đoàn đại biểu kéo đến để viếng ông. Một làn sóng yêu thương cuồng nhiệt dâng lên từ mọi nơi của thành phố ngàn tháp chuông[1], song đã quá chậm, than ôi ! Ai ai cũng muốn nhìn thấy người quá cố mà họ đã lãng quên suốt cả cuộc đời. Phố Thợ Rèn nơi quàn linh cữu ông đen nghịt người ; run rẩy, im lặng, đám đông leo các bậc thang của ngôi nhà công nhân và chen chúc quanh quan tài ông. Sau vài giờ, cái giường đầy hoa nơi người ta đặt thi hài ông đã biến mất ; như những di vật quý báu, các bông hoa đã bị lấy đi. Không khí căn phòng nhỏ trở nên ngột ngạt tới mức các ngọn nến tắt lịm. Đám đông mỗi lúc một siết chặt quanh thi hài ; cái quan tài lắc lư sắp đổ. Người quả phụ và mấy đứa con hãi hùng phải giữ vững nó lại.

Ông cảnh sát trưởng muốn cấm tiến hành tang lễ công khai bởi vì các sinh viên có ý định mang xiềng xích người khổ sai đi theo sau quan tài Đô-xtôi-ép-xki ; ông ta không dám thách thức một niềm hứng khởi sẵn sàng dùng vũ khí buộc người ta phải chấp nhận mình. Trong một tiếng đồng hồ, giấc mơ thiêng liêng của Đô-xtôi-ép-xki được thực hiện trong đám tang ông : sự đoàn kết của tất cả những người Nga. Cũng như tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đẳng cấp của nước Nga truyền sinh khí vào tác phẩm ông, nỗi đau khổ đã đúc thành một khối thống nhất, hàng ngàn người đi theo sau linh cữu ông.

---

(1) *Thành phố ngàn tháp chuông* : tức Xanh Pê-téc-bua.

timdapan.com

Dưới một rừng cờ và cờ hiệu phấp phới trước gió, các vị vương tôn trẻ[1], các giáp trưởng[2] ăn mặc lộng lẫy, công nhân, sinh viên, sĩ quan, người hầu và người hành khất đi bên nhau khóc người quá cố rất thân thiết đối với họ. Nhà thờ nơi diễn ra lễ cầu siêu rải đầy hoa ; trước mộ ông còn để ngỏ, tất cả các đảng phái đoàn kết lại trong một lời nguyền yêu thương và cảm phục.

Trong giờ phút cuối cùng ông đã cho đất nước ông một sự hoà giải chốc lát, đã kiềm chế một lần cuối sự cuồng nhiệt của các mâu thuẫn thời đại ông.

Như một lời chào cao cả gửi người quá cố, Cách mạng, trái mìn khủng khiếp[3] nổ ra phía sau đoàn đưa tang ông. Ba tuần sau, Nga hoàng[4] bị ám sát ; tiếng sấm của sự nổi dậy rền vang. Những tia chớp báo thù rạch dọc ngang khắp đất nước. Cũng như Bết-thô-ven[5], Đô-xtôi-ép-xki qua đời giữa dông bão, giữa những nguyên tố bị kích động dữ dội.

(Nguyễn Dương Khư dịch qua bản tiếng Pháp,
Ba bậc thầy : Đô-xtôi-ép-xki – Ban-dắc – Đích-ken,
NXB Giáo dục, 1996)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Ở một vài đoạn, Xvai-gơ đã vẽ chân dung Đô-xtôi-ép-xki bằng những chi tiết và hình ảnh gợi cho ta liên tưởng tới thế giới nhân vật của chính nhà tiểu thuyết này. Theo anh (chị), ở đây, Đô-xtôi-ép-xki là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận ?
2. Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung của Đô-xtôi-ép-xki ?
3. Từ câu "Cuối cùng, vào thời điểm...", các hình ảnh so sánh, những ẩn dụ cho tới cuối đoạn trích đều quy tụ về một thế giới như thế nào ? Qua đó, Xvai-gơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tầm vóc của Đô-xtôi-ép-xki ?
4. Việc Xvai-gơ luôn gắn Đô-xtôi-ép-xki với bối cảnh thời sự chính trị và văn chương có tác dụng như thế nào trong việc làm nổi bật vai trò của nhà văn ?

(1) Chữa lại hai từ trong bản dịch của Nguyễn Dương Khư cho khớp với nguyên bản tiếng Pháp.

(2) *Giáp trưởng* : linh mục của nhà thờ Chính thống giáo Xla-vơ, như ở Nga, U-crai-na, Bun-ga-ri,...

(3) Chữa lại bốn từ trong bản dịch của Nguyễn Dương Khư cho khớp với nguyên bản tiếng Pháp.

(4) *Nga hoàng* : Nga hoàng A-lếch-xan-đrơ II bị Gri-nê-vi-xki ám sát ngày 1 – 3 – 1881.

(5) *Bết-thô-ven* (1770 – 1827) : nhạc sĩ vĩ đại người Đức.

timdapan.com

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.
- Có ý thức và thái độ đúng đắn trước các hiện tượng đời sống.

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý

Đề bài

Hãy bày tỏ ý kiến của mình về hiện tượng được nêu trong bài viết sau :

CHIA CHIẾC BÁNH CỦA MÌNH CHO AI ?

Nếu coi thời gian một ngày của bạn là chiếc bánh tròn trịa, bạn sẽ chia chiếc bánh cho bố mẹ, cho công việc, cho gia đình bao nhiêu và dành cho mình bao nhiêu phần ?

Trong khi không ít các bạn trẻ hiện nay đang lãng phí chiếc bánh của mình vào những trò chơi vô bổ thì chàng "thanh niên trẻ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh 2007" Nguyễn Hữu Ân lại dành hết chiếc bánh thời gian của mình cho những người bệnh ung thư giai đoạn cuối.

Một câu chuyện lạ lùng...

(*Theo* Tạ Minh Phương, báo điện tử *Nguoiduongthoi.com.vn*, ngày 4 – 1 – 2007)

Gợi ý thảo luận

a) *Tìm hiểu đề*

– Đề bài yêu cầu bàn về hiện tượng gì ?

– Bài viết cần có những ý nào ? Sắp xếp các ý đó ra sao ?

– Nên chọn những dẫn chứng nào ?

– Cần vận dụng những thao tác lập luận nào ?

timdapan.com

b) *Lập dàn ý*

Mở bài : Cần nêu những gì ? Giới thiệu hiện tượng cần nghị luận như thế nào ?

Thân bài :

– Tóm tắt những việc làm của Nguyễn Hữu Ân. (Cần bám sát đề. Chú ý câu thứ hai "Trong khi... giai đoạn cuối".)

– Phân tích : Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho những phẩm chất nào của thanh niên ngày nay ? Có thể minh hoạ thêm một vài tấm gương thanh niên có nghĩa cử tương tự Nguyễn Hữu Ân.

– Bình luận : Phê phán một vài hiện tượng tiêu cực trong lối sống "lãng phí chiếc bánh thời gian vào những trò chơi vô bổ" của thanh niên, học sinh,...

Kết bài : Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết.

2. Sau khi thảo luận, anh (chị) hiểu được những gì về cách làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống ?

GHI NHỚ

- Bài nghị luận về một hiện tượng đời sống thường có các nội dung : nêu rõ hiện tượng, phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại, chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết về hiện tượng xã hội đó.
- Diễn đạt cần chuẩn xác, mạch lạc ; có thể sử dụng một số phép tu từ và yếu tố biểu cảm, nhất là phần nêu cảm nghĩ riêng.

LUYỆN TẬP

1. Đọc văn bản sau rồi trả lời các câu hỏi nêu ở dưới.

[...] *Thanh niên ta cũng cần biết là hiện nay*[1] *có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất Pháp và độ năm vạn ở châu Âu và châu Mĩ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên – công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thường, nhờ ơn Nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai cái nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang dành một nửa thì giờ vào*

(1) *Hiện nay* : chỉ những năm đầu thế kỉ XX.

timdapan.com

việc... chơi bi-a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi ; số thì giờ còn lại, mà ít khi còn lắm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên – công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm ***thực sự*** *chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn : "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động".*

[...] *Kiên trì, quyết tâm và đoàn kết như thế, các "ông chú*[1] *trẻ tuổi" của chúng ta chắc chắn sẽ đạt mục đích. Với một đạo quân 50 000 công nhân dũng cảm đáng khâm phục, lại được đào tạo trong kỉ luật và kĩ thuật hiện đại, thì không bao lâu nữa, Trung Quốc sẽ có một địa vị trong hàng các cường quốc công nghiệp và thương nghiệp thế giới.*

Ở Đông Dương, chúng ta có đủ tất cả những cái mà một dân tộc có thể mong muốn như : hải cảng, hầm mỏ, đồng ruộng mênh mông, rừng rú bao la ; chúng ta có những người lao động khéo léo và cần cù.

Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức ! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì ? Nói ra thì buồn, buồn lắm : Họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà ; những người có phương tiện thì lại chìm ngập trong sự biếng nhác ; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thoả mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi !

Hỡi Đông Dương đáng thương hại ! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh.

(Nguyễn Ái Quốc, *Gửi thanh niên An Nam*, trong *Thơ văn Hồ Chí Minh (Tác phẩm chọn lọc dùng trong nhà trường)*, NXB Giáo dục, 2004)

Câu hỏi :

a) Trong văn bản trên, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bàn về hiện tượng gì trong đời sống ? Hiện tượng ấy diễn ra trong thời gian nào ?

b) Tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào để bàn về hiện tượng nói trên ? Nêu dẫn chứng và phân tích tác dụng của chúng.

c) Cách dùng từ, viết câu, diễn đạt độc đáo trong văn bản có tính thuyết phục cao ở những điểm nào ? Phân tích một số ví dụ cụ thể để minh hoạ.

d) Anh (chị) rút ra những bài học gì cho bản thân sau khi đọc văn bản trên ?

(1) *Chú* : từ thường dùng để chỉ Hoa kiều ở Việt Nam.

timdapan.com

2. Anh (chị) suy nghĩ gì về hiện tượng "nghiện" ka-ra-ô-kê và in-tơ-nét trong nhiều bạn trẻ hiện nay ?

Lập dàn ý cho bài viết của mình.

ĐỌC THÊM

CHUYỆN "CỔ TÍCH" MANG TÊN NGUYỄN HỮU ÂN

Đến Khoa Nội, Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh hỏi Nguyễn Hữu Ân thì từ bệnh nhân đến bác sĩ ai cũng biết. Bởi ở chàng trai ấy, nỗi đau mất mẹ chưa kịp nguôi, đành gạt nước mắt để tiếp tục chăm sóc cho người mẹ nuôi mới nhận trong thời gian chăm sóc mẹ ruột.

Ân sinh ra ở vùng quê nghèo Đông Hà, Quảng Trị và lớn lên trong cảnh li tán của gia đình. Cuộc sống nghèo khó, không đủ nuôi năm người con ăn học, cha mẹ Ân phải gửi các con tứ tán mỗi đứa một nơi. Riêng út Ân được cha mẹ gửi làm công quả ở chùa trên tận miệt Đơn Dương, Bảo Lộc.

Ngày tốt nghiệp lớp 12, cũng là ngày mẹ ruột phát bệnh ung thư, Ân phải tức tốc khăn gói xuống Sài Gòn để chăm sóc mẹ và cũng tiện để ôn thi đại học. Số tiền 4 triệu mà cả nhà phải chạy đôn chạy đáo vay mượn mới hơn tháng đã hết sạch.

Tiền chỉ để mua thuốc, nên hai mẹ con phải sống qua ngày dựa nhờ vào những chén cơm từ thiện của bệnh viện. Một buổi đi học, một buổi vào viện chăm sóc mẹ, bằng tất cả tình thương và trách nhiệm của mình, Ân đã chăm sóc mẹ ruột bị bệnh ung thư trong Bệnh viện Ung bướu suốt mấy tháng trời.

Những ngày chăm sóc mẹ trong bệnh viện, Ân có dịp chứng kiến bao cảnh đời cơ cực, bất hạnh. Nằm chung phòng với mẹ, có một bệnh nhân mà hoàn cảnh cũng đáng thương tương tự, đó là bà Nguyễn Thị Phẳng quê ở Buôn Mê Thuột. Bà cũng bị bệnh ung thư nhưng ngặt nghèo hơn khi nằm đây đã sáu năm rồi mà chưa bao giờ thấy con cái, người nhà đến thăm hoặc chăm sóc.

Cũng như mẹ con Ân, ngoài chế độ chữa bệnh miễn phí cho người nghèo mà bà được hưởng, hằng ngày bà cũng phải sống dựa vào những chén cơm từ thiện của bệnh viện. Cảm thông trước hoàn cảnh trớ trêu của bà Phẳng, hằng ngày, bên cạnh việc chăm sóc cho mẹ, Ân còn kết hợp chăm lo cho bà Phẳng.

timdapan.com

Lúc đầu chỉ là những công việc phụ như mang nước, lấy cơm, nhận thuốc,... ; sau đó, Ân còn thay đồ, rồi giặt quần áo cho bà. Những hôm trở trời, bà Phẳng không ngủ được, Ân lại thức suốt đêm để quạt, săn sóc cho bà như con ruột.

Chăm sóc mẹ được sáu tháng thì căn bệnh hiểm nghèo đã cướp mất mẹ của Ân. Trước lúc nhắm mắt, người đàn bà bất hạnh nhân hậu đó đã trăng trối lại cậu con trai nhỏ của mình là hãy cố gắng chăm sóc bà Phẳng, và nhận bà Phẳng làm mẹ, để khi bà có vĩnh viễn ra đi thì vẫn có một người mẹ nữa để chăm sóc, để có dịp gọi tiếng mẹ thiêng liêng như bà vẫn đang ở cạnh con như ngày nào...

Ghi tạc lời mẹ dặn, Ân gạt nước mắt để chăm sóc cho người mẹ thứ hai của mình. Ân vừa học ôn thi đại học, vừa chăm sóc mẹ nuôi ở bệnh viện. Hai mẹ con cũng nương dựa vào những bữa cơm từ thiện để sống qua ngày. Yêu thương và chăm sóc như mẹ ruột của mình, Ân luôn làm tròn nhiệm vụ của người con.

Bà Phẳng cũng coi Ân như con ruột, đứa con mà bà không sinh ra nhưng bà quý hơn cả mạng sống của mình. Bà luôn động viên Ân cố gắng học tập. Không phụ lòng mong mỏi của những người mẹ, chính năm đó (2003) Ân đã thi đỗ vào đại học.

Hằng ngày, sau những giờ tan học, Ân lại chạy vội vào bệnh viện để chăm sóc mẹ nuôi. Phòng bệnh của mẹ cũng là nhà trọ của Ân. Những hôm chật chội, không đủ chỗ cho bệnh nhân nằm, Ân chọn luôn nơi gầm giường trong phòng bệnh của mẹ để nằm, vừa tiện chăm sóc mẹ, vừa là nơi học bài của Ân.

Hiện nay, Ân đã xin được việc làm thêm. Với công việc chạy bàn cho nhà hàng, mỗi tháng được gần 300 ngàn cũng tạm đủ đóng tiền học và tằn tiện góp lại cho đủ tiền để thỉnh thoảng mẹ nuôi vô được một toa hoá trị chữa bệnh.

Nói về ước mơ sau này, cậu sinh viên năm thứ tư ngành Du lịch, Khoa Đông Nam Á, Trường Đại học Mở bán công Thành phố Hồ Chí Minh cho biết : "Nếu có điều kiện sẽ vận động cùng mọi người lập ra quỹ hỗ trợ cho những bệnh nhân ung thư, nghèo khổ và đơn độc".

(*Theo* Ngô Công Quang, báo điện tử *Dantri.com.vn*, ngày 4 – 1 – 2007)

timdapan.com

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm vững các khái niệm văn bản khoa học, phong cách ngôn ngữ khoa học và các đặc trưng của phong cách ấy.
- Có kĩ năng phân biệt phong cách ngôn ngữ khoa học với các phong cách ngôn ngữ khác và biết sử dụng ngôn ngữ khoa học trong các trường hợp cần thiết.

I – VĂN BẢN KHOA HỌC VÀ NGÔN NGỮ KHOA HỌC

1. Văn bản khoa học

a) *Lịch sử Việt Nam xưa nay là lịch sử của một dân tộc và một đất nước thống nhất. Nếu có sự chia rẽ thì chỉ là thoáng qua, rồi sau đó thống nhất lại ngay. Ngay cả cuộc tranh giành giữa Trịnh và Nguyễn dù có kéo dài một trăm năm mươi năm, chỉ là sự tranh giành chính quyền giữa hai tập đoàn Trịnh, Nguyễn. Nhân danh đất nước thống nhất, nhân danh quyền lực duy nhất của vua Lê, cả hai đều chấp nhận niên hiệu, quan chức, thể chế và chỉ có một nước, một vua chung. Do đó, đặc điểm khu biệt của lịch sử Việt Nam là : Từ khi Ngô Quyền dựng nước năm 938 trở đi, đã là một nước thống nhất và mãi mãi thống nhất.*

(*Theo* Phan Ngọc, *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2000)

b) *Định nghĩa : Vectơ là một đoạn thẳng có hướng, nghĩa là trong hai điểm mút của đoạn thẳng, đã chỉ rõ điểm nào là điểm đầu, điểm nào là điểm cuối.*

H.2. Các vectơ

(Theo *Hình học 10 nâng cao*, NXB Giáo dục, 2006)

timdapan.com

c) *Tại Việt Nam, theo điều tra của Viện Dinh dưỡng, cứ 4 trẻ dưới 5 tuổi thì có một trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và gần một phần ba số trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp chiều cao theo tuổi (suy dinh dưỡng mãn tính). Trẻ bị suy dinh dưỡng do nhiều nguyên nhân, nhưng đa số do chế độ ăn hằng ngày không cung cấp đủ năng lượng, do khả năng hấp thu kém hoặc do rối loạn tiêu hoá lâu ngày dẫn đến suy dinh dưỡng.*

Trẻ ăn nhiều vẫn bị suy dinh dưỡng có thể do lượng thức ăn đưa vào nhiều nhưng không cung cấp đủ chất dinh dưỡng cần thiết hoặc cơ thể không hấp thu được chất dinh dưỡng. Hơn nữa, ăn nhiều và thường xuyên một loại thức ăn nào đó khiến cho cơ thể thiếu cơ hội thu nhận các thực phẩm khác dẫn đến thiếu chất và không có sự tăng trưởng toàn diện.

[...] Để giải quyết tình trạng trên và cải thiện khả năng tiêu hoá của trẻ, chúng ta cần bổ sung cho trẻ một số vi khuẩn sống có ích cho đường ruột, một số vitamin, men amilaza,... giúp cân bằng hệ vi khuẩn đường ruột để tránh sự tăng sinh của các vi khuẩn gây bệnh, đồng thời tăng khả năng tiêu hoá thức ăn nhờ tác dụng của các men vi sinh. [...]

(*Theo* Lê Thị Hải, *Trẻ ăn nhiều vẫn... suy dinh dưỡng*,
báo *Khoa học và đời sống*, số 6 (2064), ngày 12 – 1 – 2008)

Các văn bản trên thuộc văn bản khoa học. Văn bản khoa học gồm ba loại chính :

– *Các văn bản khoa học chuyên sâu* bao gồm : chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận, báo cáo khoa học,... Loại văn bản này thường mang tính chuyên ngành khoa học cao và sâu (ví dụ : Văn bản *a*), dùng để giao tiếp giữa những người làm công việc nghiên cứu trong các ngành khoa học.

– *Các văn bản khoa học giáo khoa* bao gồm : giáo trình, sách giáo khoa, thiết kế bài dạy,... về các môn Khoa học Tự nhiên, Khoa học Công nghệ, Khoa học Xã hội và Nhân văn (ví dụ : Văn bản *b*). Những văn bản này ngoài yêu cầu về khoa học còn có yêu cầu về sư phạm, tức là phải trình bày nội dung từ dễ đến khó, từ thấp đến cao, phù hợp với trình độ học sinh theo từng cấp, từng lớp ; có định lượng kiến thức từng tiết, từng bài, có phần trình bày kiến thức, có phần thực hành : câu hỏi và bài tập.

– *Các văn bản khoa học phổ cập* (khoa học đại chúng) bao gồm các bài báo và sách phổ biến khoa học kĩ thuật,... nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học cho đông đảo bạn đọc, không phân biệt trình độ chuyên môn. Yêu cầu

timdapan.com

của loại văn bản này là viết dễ hiểu, hấp dẫn. Vì vậy, có thể dùng lối miêu tả, dùng cách ví von so sánh sao cho ai cũng có thể hiểu được để đưa khoa học vào cuộc sống (ví dụ : Văn bản *c*).

2. Ngôn ngữ khoa học

Ngôn ngữ khoa học là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là trong các văn bản khoa học : Khoa học Tự nhiên (Toán, Vật lí, Hoá học, Sinh học,...), Khoa học Xã hội và Nhân văn (Ngữ văn, Triết học, Tâm lí học, Lịch sử,...), Khoa học Công nghệ (Công nghệ Điện tử, Công nghệ Vi sinh, Công nghệ Thông tin,...).

Ở dạng viết, ngoài việc sử dụng từ ngữ, ngôn ngữ khoa học còn thường dùng các kí hiệu, công thức của các ngành khoa học hay sơ đồ, bảng biểu để tổng kết, so sánh, mô hình hoá nội dung khoa học.

Ở dạng nói, ngôn ngữ khoa học có yêu cầu ở mức độ cao về phát âm chuẩn, về diễn đạt mạch lạc, chặt chẽ ; người nói thường dựa trên cơ sở một đề cương viết trước.

Dù ở dạng nào, ngôn ngữ khoa học cũng đều có những đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học.

II – ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

Phong cách ngôn ngữ khoa học có ba đặc trưng cơ bản : tính khái quát, trừu tượng ; tính lí trí, lôgíc ; tính khách quan, phi cá thể. Các đặc trưng ấy thể hiện ở cách sử dụng từ ngữ và cú pháp, đặc biệt là cách trình bày, lập luận trong một văn bản khoa học.

1. Tính khái quát, trừu tượng

Đặc trưng này biểu hiện không chỉ ở nội dung khoa học mà cả ở các phương tiện ngôn ngữ, trước hết là các thuật ngữ khoa học.

Trong văn bản khoa học có sử dụng một số lượng lớn các thuật ngữ khoa học. Ví dụ : *vectơ, đoạn thẳng* (Hình học) ; *thơ, thơ cũ, thơ mới, thơ tự do,...* (Nghiên cứu văn học). Thuật ngữ khoa học là những từ ngữ chứa đựng khái niệm của chuyên ngành khoa học, là công cụ để tư duy khoa học. Các khái niệm khoa học là kết quả của quá trình khái quát hoá và trừu tượng hoá của con người. Vì thế các thuật ngữ biểu hiện chúng cũng mang tính trừu tượng,

timdapan.com

khái quát cao. Những thuật ngữ đó có thể được xây dựng từ những từ ngữ thông thường, như trong Hình học có : *điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, góc,...* ; cũng có thể được vay mượn từ hệ thống thuật ngữ khoa học tiếng nước ngoài như : *ôxi, hiđrô, canxi cacbonat* (Hoá học),...

Thuật ngữ thuộc về lớp từ vựng khoa học chuyên ngành, không giống với từ ngữ thông thường được sử dụng khi giao tiếp hằng ngày.

Do đó, khi sử dụng thuật ngữ, cần phải dùng đúng với khái niệm khoa học mà nó biểu hiện. Ví dụ, trong ngôn ngữ hằng ngày, từ *nước* có thể có nhiều nghĩa khác nhau, nhưng trong văn bản khoa học ngành Hoá học, nó chỉ được dùng để biểu hiện một khái niệm : hợp chất của hiđrô và ôxi theo công thức H_2O.

Tính khái quát, trừu tượng của phong cách ngôn ngữ khoa học còn thể hiện ở kết cấu của văn bản (qua các phần, chương, mục, đoạn). Kết cấu đó phục vụ cho hệ thống các luận điểm khoa học từ lớn đến nhỏ, từ cấp độ cao đến cấp độ thấp, từ khái quát đến cụ thể (hoặc ngược lại). Đặc trưng này liên quan đến đặc trưng thứ hai là tính lí trí, lôgíc.

2. Tính lí trí, lôgíc

Văn bản khoa học mang đặc trưng lí trí, lôgíc cả trong nội dung khoa học, cả ở phương tiện ngôn ngữ. Về mặt phương tiện ngôn ngữ, tính lí trí, lôgíc thể hiện ở việc dùng từ ngữ, nhất là thuật ngữ khoa học như đã nói ở mục 1. Đặc biệt, tính lí trí, lôgíc thể hiện trong câu văn, cấu tạo đoạn văn và văn bản.

a) Từ ngữ trong các văn bản khoa học phần lớn là những từ ngữ thông thường, nhưng chỉ được dùng với một nghĩa. Trong văn bản khoa học, người ta không dùng từ đa nghĩa, không dùng từ theo nghĩa bóng và ít dùng các phép tu từ.

b) Câu văn trong văn bản khoa học là một đơn vị thông tin, đơn vị phán đoán lôgíc. Mỗi câu thường tương đương với một phán đoán lôgíc (mệnh đề lôgíc), nghĩa là được xây dựng từ hai khái niệm khoa học trở lên theo một quan hệ nhất định. Ví dụ :

– *Trái Đất là một hành tinh chuyển động quanh Mặt Trời.*

– *Dao động là chuyển động có giới hạn trong không gian, lặp đi lặp lại nhiều lần quanh một vị trí cân bằng.*

timdapan.com

Câu văn trong văn bản khoa học yêu cầu chính xác, chặt chẽ, lôgíc. Văn bản khoa học không dùng câu đặc biệt, không dùng các phép tu từ cú pháp, kiểu như : "Và bụi. Và tanh. Và ồn ào. Và hơi người. Và chen chúc..." (Nguyễn Công Hoan). Phép tách câu như vậy chỉ dùng trong văn bản nghệ thuật.

c) Tính lí trí, lôgíc cũng thể hiện ở việc cấu tạo đoạn văn, văn bản. Các câu, các đoạn trong văn bản phải được liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Mối liên hệ giữa các câu, các đoạn, các phần phục vụ cho lập luận khoa học. Toàn bộ văn bản khoa học cũng thể hiện một lập luận lôgíc, từ khâu đặt vấn đề, giải quyết vấn đề đến khâu kết luận. Ví dụ :

Trên cơ thể người có những cơ quan thoái hoá, tức là di tích của những cơ quan xưa kia khá phát triển ở động vật có xương sống. Ruột thừa là vết tích ruột tịt đã phát triển ở động vật ăn cỏ. Nếp thịt nhỏ ở khoé mắt là dấu vết mi mắt thứ ba ở bò sát và chim. Mấu lồi ở mép vành tai phía trên của người là di tích đầu nhọn của vành tai thú.

(*Sinh học 12*, NXB Giáo dục, 2006)

Đoạn văn trên có 4 câu, thể hiện một lập luận chặt chẽ theo kết cấu diễn dịch. Câu thứ nhất trình bày luận điểm, ba câu sau nêu ba luận cứ, mỗi luận cứ là một chứng tích trong hiện thực. Nhờ thế, luận điểm có tính thuyết phục cao.

Tóm lại, đặc trưng tính lí trí, lôgíc của phong cách ngôn ngữ khoa học thể hiện ở tất cả các phương tiện ngôn ngữ : từ ngữ, câu văn, đoạn văn, văn bản.

3. Tính khách quan, phi cá thể

Nét phổ biến của ngôn ngữ khoa học là sử dụng ngôn ngữ khách quan, phi cá thể. Ngôn ngữ trong văn bản khoa học, đặc biệt là văn bản khoa học chuyên sâu, văn bản khoa học giáo khoa, rất hạn chế sử dụng những biểu đạt có tính chất cá nhân. Do vậy, từ ngữ và câu văn trong văn bản khoa học có màu sắc trung hoà, ít biểu lộ sắc thái cảm xúc.

Tính khách quan, phi cá thể trong sử dụng ngôn ngữ là đặc trưng thứ ba của ngôn ngữ khoa học, trái với phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, những phong cách ngôn ngữ mang dấu ấn cá thể của người sử dụng.

timdapan.com

GHI NHỚ

- Văn bản khoa học gồm ba loại chính : các văn bản khoa học chuyên sâu, các văn bản khoa học giáo khoa, các văn bản khoa học phổ cập.
- Ngôn ngữ khoa học là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là trong các văn bản khoa học.
- Phong cách ngôn ngữ khoa học có ba đặc trưng cơ bản : tính khái quát, trừu tượng ; tính lí trí, lôgíc ; tính khách quan, phi cá thể. Các đặc trưng đó thể hiện ở các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ, câu, đoạn văn, văn bản.

LUYỆN TẬP

1. Bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX* (trong *Ngữ văn 12*, tập một) là một văn bản khoa học. Hãy cho biết :

a) Văn bản đó trình bày những nội dung khoa học gì ?

b) Văn bản đó thuộc ngành khoa học nào ?

c) Ngôn ngữ khoa học ở dạng viết của văn bản đó có đặc điểm gì dễ nhận thấy ? (Chú ý hệ thống đề mục từ lớn đến nhỏ, các thuật ngữ khoa học,...)

2. Giải thích và phân biệt thuật ngữ khoa học với từ ngữ thông thường qua các ví dụ sau trong môn Hình học : *điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, mặt phẳng, góc, đường tròn, góc vuông,...*

3. Hãy tìm các thuật ngữ khoa học và phân tích tính lí trí, lôgíc của phong cách ngôn ngữ khoa học thể hiện ở đoạn văn sau :

Những phát hiện của các nhà khảo cổ nước ta chứng tỏ Việt Nam xưa kia đã từng là nơi sinh sống của người vượn. Năm 1960 tìm thấy ở núi Đọ (Thiệu Hoá, Thanh Hoá) nhiều hạch đá, mảnh tước, rìu tay có tuổi 40 vạn năm. Cùng năm đó phát hiện ở núi Voi, cách núi Đọ 3 km, một di chỉ xưởng (vừa là nơi cư trú, vừa là nơi chế tạo công cụ) của người vượn, diện tích 16 vạn m^2. Ở Xuân Lộc (Đồng Nai) cũng đã tìm thấy công cụ đá của người vượn.

(*Sinh học 12*, Sđd)

4. Hãy viết một đoạn văn thuộc loại văn bản khoa học phổ cập về sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống (nước, không khí và đất).

timdapan.com

TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 1

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Nhận ra những ưu điểm, nhược điểm của bản thân về kiến thức và kĩ năng viết một bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí ; từ đó chuẩn bị tốt hơn cho bài làm văn số 2.

I – HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP

1. Thảo luận chung về đề bài để xác định vấn đề nghị luận, hệ thống ý, phạm vi dẫn chứng, các thao tác lập luận cần sử dụng trong bài viết.

2. Lập dàn ý tóm lược theo yêu cầu của đề bài :

Mở bài : Dẫn ý kiến cần nghị luận và giới thiệu hướng nghị luận.

Thân bài : Lần lượt triển khai các ý. Chú ý lựa chọn các dẫn chứng phù hợp.

Ví dụ, với *đề 1*, cần triển khai một số ý sau :

– Khái niệm "tình thương"

– Ý nghĩa và tác dụng của tình thương giữa người với người, giữa người với thiên nhiên và tạo vật,...

– Những tấm gương giàu tình thương cần noi theo và những biểu hiện của lối sống ích kỉ, thiếu tình thương cần phê phán.

Kết bài : Bài học về cách sống, cách ứng xử của bản thân.

3. Sau khi nhận được bài trả, anh (chị) thực hiện tiếp các việc :

a) Đối chiếu với yêu cầu của đề, so sánh dàn ý vừa lập với bài viết, nhận ra những ưu điểm, nhược điểm trong bài làm của mình.

b) Đọc kĩ lời nhận xét của thầy (cô) giáo để hiểu rõ, hiểu sâu hơn những điểm cần rút kinh nghiệm.

II – LUYỆN TẬP Ở NHÀ VÀ CHUẨN BỊ CHO BÀI VIẾT SAU

1. Chữa lại những sai sót trong bài làm văn của mình, trước hết là sai sót về nội dung, sau đó là sai sót về chính tả, dùng từ, viết câu,...

2. Nếu cần, hãy lập lại dàn ý chi tiết hoặc viết lại bài (viết cả bài hoặc viết phần thân bài) để tự luyện tập, rút kinh nghiệm và chuẩn bị tốt hơn cho bài làm văn sau.

timdapan.com

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 2 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

(Bài làm ở nhà)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Viết được bài nghị luận bàn về một hiện tượng đời sống gần gũi, phù hợp với hoàn cảnh sống và trình độ hiểu biết của học sinh.
- Nâng cao ý thức và có thái độ đúng đắn đối với những hiện tượng đời sống xảy ra hằng ngày.

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Cần tìm hiểu những hiện tượng đời sống hằng ngày được nhiều người quan tâm, đặc biệt là những hiện tượng gần gũi đối với thanh niên, học sinh. Từ đó, nắm bắt được dư luận xã hội (đúng đắn hoặc lệch lạc) ; đồng thời giải thích, phân tích, đánh giá các hiện tượng đó để chuẩn bị thiết thực cho bài viết.

2. Xem lại hai bài học (*Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí ; Nghị luận về một hiện tượng đời sống*) và bài làm văn số 1 nhằm củng cố kiến thức và các kĩ năng làm văn nghị luận xã hội.

II – GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ BÀI

1. Tuổi trẻ học đường suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

2. Hiện nay, ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.

Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng đó.

3. Hãy trình bày quan điểm của mình trước cuộc vận động "nói không với những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục".

timdapan.com

III – GỢI Ý CÁCH LÀM BÀI

Cả ba đề trên đều bàn về một hiện tượng đời sống có ý nghĩa xã hội, liên quan tới trách nhiệm công dân của học sinh. Do đó, người viết cần bộc lộ chân thành và đúng đắn nhận thức, thái độ đối với các hiện tượng xã hội ấy.

Tham khảo những gợi ý thảo luận trong bài *Nghị luận về một hiện tượng đời sống* và xác định các ý cần thiết cho bài văn. Chẳng hạn :

Đề 1.

– Tai nạn giao thông đang là một quốc nạn, tác động xấu tới nhiều mặt trong cuộc sống.

– Giảm thiểu tai nạn giao thông là yêu cầu bức thiết, có ý nghĩa lớn đối với toàn xã hội. Thanh niên, học sinh cần làm những gì để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông ?

Đề 2.

– Những "mái ấm tình thương" đang xuất hiện ngày càng nhiều ở nước ta có ý nghĩa như thế nào ? Bản thân anh (chị) từng biết (hoặc đã chứng kiến) hiện tượng ấy ở đâu ?

– Đề xuất quan điểm và biện pháp nhân rộng hiện tượng ấy.

Đề 3.

Cần chỉ rõ 2 ý lớn :

– Nói "không" với tiêu cực trong thi cử.

– Nói "không" với bệnh thành tích trong giáo dục.

Trong mỗi ý, cần nêu một số dẫn chứng và lí lẽ cụ thể để bác bỏ những sai lầm và đề xuất những suy nghĩ, hành động đúng,...

timdapan.com

THÔNG ĐIỆP NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS, 1 - 12 - 2003

CÔ-PHI AN-NAN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy được tầm quan trọng và sự bức thiết của công cuộc phòng chống HIV/AIDS[1] đối với toàn nhân loại và mỗi cá nhân ; từ đó, nhận thức rõ trách nhiệm của các quốc gia và từng cá nhân trong việc sát cánh, chung tay đẩy lùi hiểm hoạ.
- Cảm nhận được sức thuyết phục to lớn của bài văn.

TIỂU DẪN

Cô-phi An-nan sinh ngày 8 – 4 – 1938 tại Ga-na, một nước cộng hoà thuộc châu Phi. Ông bắt đầu làm việc ở tổ chức Liên hợp quốc từ năm 1962 và đã trải qua nhiều cương vị, chức vụ khác nhau. Năm 1996, ông được cử giữ chức Phó Tổng thư kí Liên hợp quốc phụ trách gìn giữ hoà bình. Từ ngày 1 – 1 – 1997, Cô-phi An-nan trở thành người thứ bảy và là người châu Phi da đen đầu tiên được bầu làm Tổng thư kí Liên hợp quốc. Ông đảm nhiệm chức vụ này hai nhiệm kì, cho tới tháng 1 – 2007.

Trong vai trò Tổng thư kí Liên hợp quốc, Cô-phi An-nan đã ra *Lời kêu gọi hành động* gồm 5 điều về đấu tranh chống đại dịch HIV/AIDS và kêu gọi thành lập Quỹ Sức khoẻ và AIDS toàn cầu vào tháng 4 – 2001.

Năm 2001, tổ chức Liên hợp quốc và cá nhân Tổng thư kí Cô-phi An-nan được trao Giải thưởng Nô-ben Hoà bình.

CÔ-PHI AN-NAN

(1) *HIV/AIDS* : AIDS là tên viết tắt của cụm từ tiếng Anh *Acquired Immune Deficiency Syndrome*, nghĩa là hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (còn gọi là bệnh liệt kháng hoặc SIDA). Còn HIV là tên viết tắt của cụm từ tiếng Anh *Human Immunodeficiency Virus*, chỉ loại vi-rút gây ra bệnh AIDS ở người.

timdapan.com

Ông cũng được nhận nhiều bằng cấp danh dự của các trường đại học ở châu Phi, châu Á, châu Âu và Bắc Mĩ, cùng nhiều giải thưởng khác.

Văn bản dưới đây là thông điệp của Cô-phi An-nan gửi nhân dân thế giới nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1 – 12 – 2003.

VĂN BẢN

Cách đây hai năm, các quốc gia trên thế giới đã nhất trí rằng để đánh bại căn bệnh HIV/AIDS, cần phải có sự cam kết, nguồn lực và hành động. Tại phiên họp đặc biệt vào năm 2001 của Đại hội đồng Liên hợp quốc về HIV/AIDS, các quốc gia đã nhất trí thông qua *Tuyên bố về Cam kết phòng chống HIV/AIDS*, trong đó đưa ra một loạt mục tiêu cụ thể kèm theo thời hạn để chiến đấu chống lại dịch bệnh này.

Ngày hôm nay, chúng ta đã cam kết và các nguồn lực đã được tăng lên. Song những hành động của chúng ta vẫn quá ít so với yêu cầu thực tế.

Đến thời điểm này, ngân sách dành cho phòng chống HIV đã được tăng lên một cách đáng kể, nhờ vào sự cam kết đóng góp tại từng quốc gia. Đồng thời, vấn đề thành lập Quỹ toàn cầu về phòng chống AIDS, lao và sốt rét cũng đã được thông qua. Đại đa số các nước đã xây dựng chiến lược quốc gia phòng chống HIV/AIDS của mình. Ngày càng có nhiều công ti áp dụng chính sách phòng chống HIV/AIDS tại nơi làm việc. Nhiều nhóm từ thiện và cộng đồng đã luôn đi đầu trong cuộc chiến chống AIDS, hiện đang hoạt động tích cực trong việc phối hợp chặt chẽ với chính phủ và các tổ chức khác để cùng nhau ứng phó với bệnh dịch này.

Nhưng cũng chính trong lúc này, dịch HIV/AIDS vẫn hoành hành, gây tỉ lệ tử vong cao trên thế giới và có rất ít dấu hiệu suy giảm. Trong năm qua, mỗi phút đồng hồ của một ngày trôi đi, có khoảng 10 người bị nhiễm HIV. Ở những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, tuổi thọ của người dân bị giảm sút nghiêm trọng. HIV/AIDS đang lây lan với tốc độ báo động ở phụ nữ. Giờ đây phụ nữ đã chiếm tới một nửa trong tổng số người nhiễm trên toàn thế giới. Bệnh dịch này đang lan rộng nhanh nhất ở chính những khu vực mà trước đây hầu như vẫn còn an toàn – đặc biệt là Đông Âu và toàn bộ châu Á, từ dãy núi U-ran đến Thái Bình Dương.

Chúng ta đã không hoàn thành được một số mục tiêu đề ra cho năm nay theo *Tuyên bố về Cam kết phòng chống HIV/AIDS*. Nhưng điều quan trọng hơn là chúng ta đã bị chậm trong việc giảm quy mô và tác động của dịch so với chỉ

timdapan.com

tiêu đã đề ra cho năm 2005. Lẽ ra chúng ta phải giảm được 1/4 số thanh niên bị nhiễm HIV ở các nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất ; lẽ ra chúng ta phải giảm được một nửa tỉ lệ trẻ sơ sinh bị nhiễm ; và lẽ ra chúng ta phải triển khai các chương trình chăm sóc toàn diện ở khắp mọi nơi. Với tiến độ như hiện nay, chúng ta sẽ không đạt được bất cứ mục tiêu nào vào năm 2005.

Rõ ràng, chúng ta cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện cam kết của mình bằng những nguồn lực và hành động cần thiết. Chúng ta không thể tuyên bố rằng những thách thức cạnh tranh có ý nghĩa quan trọng hơn và cấp bách hơn. Chúng ta phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế của mình.

Đó là lí do chúng ta phải công khai lên tiếng về AIDS. Dè dặt, từ chối đối mặt với sự thật không mấy dễ chịu này, hoặc vội vàng phán xét đồng loại của mình, chúng ta sẽ không đạt được tiến độ hoàn thành các mục tiêu đề ra, thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa, nếu sự kì thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS. Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức rào ngăn cách giữa "chúng ta" và "họ". Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.

Nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS năm nay, tôi kêu gọi các bạn hãy cùng với tôi lên tiếng thật to và dõng dạc về HIV/AIDS. Hãy cùng tôi đánh đổ các thành luỹ của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh dịch này.

Hãy sát cánh cùng tôi, bởi lẽ cuộc chiến chống lại HIV/AIDS bắt đầu từ chính các bạn.

(Theo bản dịch đăng trên báo *Giáo dục và Thời đại*, ngày 11 – 12 – 2003)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bản thông điệp nêu lên vấn đề gì ? Vì sao tác giả cho rằng đó là một vấn đề rất cần phải đặt lên "vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động thực tế" của mỗi quốc gia và mỗi cá nhân ?
2. Tổng thư kí Liên hợp quốc đã làm thế nào để cho việc tổng kết tình hình thực tế của mình không chỉ trung thực, đáng tin cậy mà còn là cơ sở để dẫn tới những kiến nghị mà ông sẽ nêu sau đó ?

timdapan.com

3. Trong lời kêu gọi mọi người phải nỗ lực phòng chống HIV/AIDS nhiều hơn nữa, tác giả đã đặc biệt nhấn mạnh đến điều gì ?

4. Trong bản thông điệp này, những nội dung và câu văn nào đã làm cho anh (chị) thấy xúc động nhất ? Vì sao ? Qua đó, anh (chị) rút ra được bài học gì cho việc làm văn nghị luận của bản thân ?

GHI NHỚ

- Bản thông điệp khẳng định phòng chống HIV/AIDS phải là mối quan tâm hàng đầu của toàn nhân loại, và những cố gắng của con người về mặt này vẫn còn chưa đủ. Tác giả thiết tha kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới hãy coi việc đẩy lùi đại dịch đó là công việc của chính mình, hãy sát cánh bên nhau để cùng "đánh đổ các thành luỹ của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử" với những người bị HIV/AIDS.
- Bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ vì đã thể hiện được những suy nghĩ sâu sắc và cảm xúc chân thành của tác giả.

LUYỆN TẬP

Viết một bản báo cáo về tình hình phòng chống HIV/AIDS ở địa phương anh (chị).

timdapan.com

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Củng cố và nâng cao kiến thức về văn nghị luận.
- Biết cách làm bài nghị luận về một bài thơ, một đoạn thơ.

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý

Đề bài

Đề 1. Phân tích bài thơ sau của Hồ Chí Minh :

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

1947

Đề 2. Phân tích đoạn thơ sau trong bài *Việt Bắc* của Tố Hữu :

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về.
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.

timdapan.com

Gợi ý thảo luận

Đề 1

a) *Tìm hiểu đề*

– Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào ?

– Cần phân tích tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác mới thấy hết giá trị của tác phẩm.

b) *Lập dàn ý*

Mở bài : Giới thiệu khái quát hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

Thân bài : Phân tích bài thơ dựa theo những gợi ý sau :

– Vẻ đẹp của núi rừng đêm trăng khuya được miêu tả như thế nào ? (Chú ý hình ảnh trăng, hoa, cây cổ thụ ; tiếng suối,...)

– Nhân vật trữ tình trong bài thơ có gì khác hình ảnh các ẩn sĩ trong thơ cổ ?

– Vì sao lại nói bài thơ vừa có tính chất cổ điển, vừa hiện đại ?

– Nhận định về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.

(Có thể phân tích theo những cách khác, miễn là làm nổi bật được giá trị nội dung, nghệ thuật và giá trị tư tưởng của bài thơ.)

Kết bài : Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ trong bài thơ.

Đề 2

a) *Tìm hiểu đề*

Khí thế của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp được mô tả như thế nào (các lực lượng tham gia kháng chiến, những con đường và thời điểm sôi nổi nhất, sự phối hợp chiến đấu giữa các miền,...) ? Chú ý nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả và hiệu quả của nó.

b) *Lập dàn ý*

Mở bài : Giới thiệu đoạn thơ (xuất xứ, nguyên văn đoạn thơ).

Thân bài :

– Khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu).

– Khí thế chiến thắng của các chiến trường khác (4 câu sau).

timdapan.com

– Nghệ thuật sử dụng hình ảnh và ngôn từ tài tình của tác giả (các từ láy, động từ, tính từ gợi tả, các phép tu từ, giọng thơ,...).

Kết bài : Đoạn thơ đã thể hiện rất thành công cảm hứng ngợi ca cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

2. Từ các đề bài và kết quả thảo luận, anh (chị) hãy cho biết đối tượng, nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

GHI NHỚ

- Đối tượng của bài nghị luận về thơ rất đa dạng (một bài thơ, một đoạn thơ, hình tượng thơ,...). Với kiểu bài này, cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ,... của bài thơ, đoạn thơ đó.
- Bài viết thường có các nội dung sau :
  – Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.
  – Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.
  – Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ.

LUYỆN TẬP

Hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài *Tràng giang* của Huy Cận :

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

timdapan.com

TÂY TIẾN

QUANG DŨNG

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được vẻ đẹp riêng của thiên nhiên miền Tây và hình ảnh người lính Tây Tiến trong bài thơ.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ : bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

TIỂU DẪN

QUANG DŨNG

Quang Dũng (1921 – 1988) tên khai sinh là Bùi Đình Diệm, quê ở làng Phượng Trì, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Ông học đến bậc Trung học ở Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám, Quang Dũng tham gia quân đội. Từ sau năm 1954, ông là biên tập viên Nhà xuất bản Văn học.

Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài : làm thơ, viết văn, vẽ tranh và soạn nhạc. Nhưng Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) của mình. Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính : *Mây đầu ô* (thơ, 1986), *Thơ văn Quang Dũng* (tuyển thơ văn, 1988).

Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào cũng như ở miền tây Bắc Bộ Việt Nam. Địa bàn đóng quân và hoạt động của đoàn quân Tây Tiến khá rộng, bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình, miền tây Thanh Hoá và cả Sầm Nưa (Lào). Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên (như Quang Dũng), chiến đấu trong những hoàn cảnh rất gian khổ, vô cùng thiếu thốn về vật chất, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội. Tuy vậy, họ sống rất lạc quan và chiến đấu rất dũng cảm. Đoàn quân Tây Tiến, sau một thời gian hoạt động ở Lào, trở về Hoà Bình thành lập trung đoàn 52. Cuối năm 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh (một làng thuộc tỉnh Hà Đông cũ), Quang Dũng viết bài thơ *Nhớ Tây Tiến*. Khi in lại, tác giả đổi tên bài thơ là *Tây Tiến*.

Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ, được in trong tập *Mây đầu ô*.

timdapan.com

VĂN BẢN

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao[1] sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát[2] hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông[3] mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch[4] cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu[5] mùa em thơm nếp xôi

*

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa[6]
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn[7] lên man điệu[8] nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

---

(1), (2), (3), (4), (5) : *Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu* : tên các địa phương trong địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến.

(6) *Đuốc hoa* (từ chữ Hán *hoa chúc*) : nến thắp trong phòng vợ chồng đêm tân hôn. Ở đây, *đuốc hoa* dùng để chỉ những ngọn đuốc trong đêm liên hoan ở doanh trại.

(7) *Khèn* : loại nhạc cụ quen thuộc của một số dân tộc ở miền núi phía bắc Việt Nam, gồm nhiều ống trúc ghép lại, một đầu cắm xuyên qua bầu gỗ hình bắp chuối làm hộp cộng hưởng, thổi bằng miệng.

(8) *Man điệu* : ở đây chỉ điệu nhạc, điệu múa của dân tộc thiểu số ở miền núi.

timdapan.com

Người đi Châu Mộc[1] chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc[2]
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

*

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc[3]
Quân xanh màu lá[4] dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm[5]
Rải rác biên cương mồ viễn xứ[6]
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu[7] anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành[8]

*

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa[9] chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh, 1948

(*Mây đầu ô*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1986)

(1) *Châu Mộc* : tên một địa phương trong địa bàn hoạt động của đoàn quân Tây Tiến.
(2) *Độc mộc* : thuyền dài và hẹp, làm bằng một thân cây gỗ to, khoét trũng.
(3) *Không mọc tóc* : lính Tây Tiến có nhiều người cạo trọc đầu hoặc bị bệnh sốt rét làm rụng hết tóc.
(4) *Quân xanh màu lá* : người lính mắc bệnh sốt rét, da xanh bủng như lá cây.
(5) *Dáng kiều thơm* : dáng vẻ xinh đẹp, đáng yêu của người con gái.
(6) *Mồ viễn xứ* (*viễn xứ* : nơi xa) : những nấm mồ liệt sĩ rải rác ở miền xa xôi nơi biên giới.
(7) *Áo bào* : áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa. "Giã nhà đeo bức chiến bào" (*Chinh phụ ngâm*).
(8) *Sông Mã gầm lên khúc độc hành* (*độc hành* : đi một mình) : ở đây là tiếng gầm đơn độc của dòng sông.
(9) *Sầm Nứa* (thường gọi là *Sầm Nưa*) : một trong những vùng giải phóng đầu tiên của lực lượng kháng chiến Pa-thét Lào ở Thượng Lào.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Theo văn bản, bài thơ có bốn đoạn. Nêu ý chính của mỗi đoạn và chỉ ra mạch liên kết giữa các đoạn.
2. Nét đặc sắc của bức tranh thiên nhiên được vẽ ra ở đoạn thơ thứ nhất ? Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra trên nền cảnh thiên nhiên ấy như thế nào ?
3. Đoạn thơ thứ hai lại mở ra một thế giới khác với những vẻ đẹp mới của con người và thiên nhiên miền Tây, khác với cảnh vật ở đoạn thơ thứ nhất. Hãy phân tích để làm rõ vẻ đẹp ấy.
4. Phân tích hình ảnh người lính Tây Tiến được tác giả tập trung khắc hoạ ở đoạn thơ thứ ba. Qua đó, hãy làm rõ vẻ đẹp lãng mạn và chất bi tráng của hình ảnh người lính Tây Tiến.
5. Ở đoạn thơ thứ tư, nỗi nhớ Tây Tiến được diễn tả như thế nào ? Vì sao nhà thơ viết "Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi" ?

GHI NHỚ

Với cảm hứng lãng mạn và ngòi bút tài hoa, Quang Dũng đã khắc hoạ thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên cái nền cảnh thiên nhiên núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội và mĩ lệ. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ còn có sức hấp dẫn lâu dài đối với người đọc.

LUYỆN TẬP

1. Bút pháp của Quang Dũng trong bài thơ là bút pháp hiện thực hay lãng mạn ? Phân tích, so sánh *Tây Tiến* với bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu để làm rõ bút pháp đó.
2. Qua bài thơ, anh (chị) hình dung như thế nào về chân dung người lính Tây Tiến ?

timdapan.com

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Củng cố và nâng cao kiến thức về nghị luận văn học.
- Biết cách làm bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý

Đề bài

Đề 1. Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cho rằng : "Nhìn chung văn học Việt Nam phong phú, đa dạng ; nhưng nếu cần xác định một chủ lưu, một dòng chính, quán thông kim cổ, thì đó là văn học yêu nước." (Dẫn theo *Trần Văn Giàu tuyển tập*, NXB Giáo dục, 2001)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh (chị) đối với ý kiến trên.

Đề 2. Bàn về đọc sách, nhất là đọc các tác phẩm văn học lớn, người xưa nói : "Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua cái kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài." (Dẫn theo Lâm Ngữ Đường, *Sống đẹp*, Nguyễn Hiến Lê dịch, NXB Tao đàn, Sài Gòn, 1965)

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào ?

Gợi ý thảo luận

Đề 1

a) *Tìm hiểu đề*

– Để hiểu đúng đề, anh (chị) hãy làm rõ nghĩa các từ, cụm từ : *phong phú, đa dạng, chủ lưu, quán thông kim cổ.*

– Bài viết cần làm rõ nhận định : Văn học yêu nước là chủ lưu trong sự đa dạng, phong phú của văn học Việt Nam.

b) *Lập dàn ý*

Mở bài : Giới thiệu ý kiến của Đặng Thai Mai.

Thân bài :

– Văn học Việt Nam rất phong phú và đa dạng.

timdapan.com

– Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam.

– Lí giải nguyên nhân khiến văn học yêu nước trở thành chủ lưu xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam.

Kết bài : Nhận định của anh (chị) về ý kiến của Đặng Thai Mai và giá trị hiện nay của ý kiến đó.

Đề 2

a) *Tìm hiểu đề*

– Làm rõ hàm ý của ba hình ảnh so sánh trong ý kiến Lâm Ngữ Đường đã nêu.

– Tìm hiểu những khía cạnh đúng đắn trong ý kiến đó và những điều cần bổ sung, mở rộng để có một quan niệm toàn diện và sâu sắc về việc đọc sách.

b) *Lập dàn ý*

Mở bài :

– Đọc sách, tiếp nhận các giá trị của sách, đặc biệt là các tác phẩm văn học, luôn gắn liền với điều kiện và năng lực chủ quan của người đọc.

– Dẫn ý kiến Lâm Ngữ Đường đã nêu.

Thân bài :

– Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh và ý kiến Lâm Ngữ Đường đã nêu : Sự khác nhau trong cách đọc và kết quả đọc ở mỗi lứa tuổi.

– Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng đắn trong ý kiến Lâm Ngữ Đường đã nêu : Đọc sách tuỳ thuộc vào tầm lĩnh hội của mỗi người đọc (vốn sống, vốn văn hoá, kinh nghiệm,...).

– Muốn có kết quả tốt trong việc đọc sách, cần trang bị cho mình sự hiểu biết về nhiều mặt. Bên cạnh đó, đọc sách cần suy ngẫm, không vội vàng, cẩu thả.

Kết bài : Nêu bài học chung về đọc sách, đặc biệt là với các tác phẩm văn học.

2. Từ các đề bài và kết quả thảo luận, anh (chị) hãy cho biết đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

timdapan.com

GHI NHỚ

- Đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng : về văn học sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học,...
- Việc nghị luận về một ý kiến bàn về văn học thường tập trung vào giải thích, nêu ý nghĩa và tác dụng của ý kiến đó đối với văn học và đời sống.

LUYỆN TẬP

1. Trình bày suy nghĩ của anh (chị) đối với ý kiến của nhà văn Thạch Lam : "Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn".

2. Bàn về thơ Tố Hữu, nhà phê bình Hoài Thanh viết : "Thái độ toàn tâm toàn ý vì cách mạng là nguyên nhân chính đưa đến sự thành công của thơ anh." (*Tuyển tập Hoài Thanh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

   Hãy bày tỏ ý kiến của anh (chị) về nhận xét trên.

timdapan.com

VIỆT BẮC — TỐ HỮU

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được những nét chính trong đường đời, đường cách mạng, đường thơ của Tố Hữu. Hiểu rõ nét nổi bật trong phong cách thơ Tố Hữu là sự hoà quyện giữa nội dung trữ tình chính trị và nghệ thuật biểu hiện đậm đà tính dân tộc.
- Cảm nhận được một thời cách mạng và kháng chiến gian khổ mà anh hùng, nhất là nghĩa tình gắn bó thắm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân, đất nước. Thấy rõ nội dung bài thơ được thể hiện bằng hình thức nghệ thuật đậm tính dân tộc, làm dạt dào thêm tình yêu quê hương đất nước trong tâm hồn mỗi người Việt Nam.

PHẦN MỘT : TÁC GIẢ

I – VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

TỐ HỮU

Tố Hữu (1920 – 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, quê ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Ông thân sinh Tố Hữu là một nhà nho nghèo, bà mẹ nhà thơ cũng là con một nhà nho, cả hai người đã truyền cho con tình yêu tha thiết với văn học dân gian. Năm 12 tuổi, Tố Hữu mồ côi mẹ, một năm sau lại xa gia đình vào học Trường Quốc học Huế. Bước vào tuổi thanh niên, Tố Hữu tham gia phong trào đấu tranh cách mạng và trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Đoàn thanh niên Dân chủ ở Huế, rồi được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối tháng 4 – 1939, Tố Hữu bị thực dân Pháp

timdapan.com

bắt giam vào nhà lao Thừa Thiên, rồi lần lượt bị giam giữ trong nhiều nhà tù ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Tháng 3 – 1942, Tố Hữu vượt ngục Đắc Lay (Kon Tum), tìm ra Thanh Hoá, bắt liên lạc với tổ chức cách mạng, tiếp tục hoạt động. Trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Tố Hữu là Chủ tịch Uỷ ban khởi nghĩa ở Huế. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Tố Hữu công tác ở Thanh Hoá rồi lên Việt Bắc đặc trách về văn hoá văn nghệ ở cơ quan Trung ương Đảng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ và cho đến năm 1986, Tố Hữu liên tục giữ những cương vị trọng yếu trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (từng là Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng). Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

II – ĐƯỜNG CÁCH MẠNG, ĐƯỜNG THƠ

Tố Hữu là một trong những lá cờ đầu của nền văn nghệ cách mạng Việt Nam. Các chặng đường thơ của Tố Hữu luôn gắn bó và phản ánh chân thật những chặng đường cách mạng đầy gian khổ hi sinh nhưng cũng nhiều thắng lợi vinh quang của dân tộc, đồng thời cũng là những chặng đường vận động trong quan điểm tư tưởng và bản lĩnh nghệ thuật của chính nhà thơ.

Tập thơ *Từ ấy* (1937 – 1946) là chặng đường đầu tiên của đời thơ Tố Hữu, đánh dấu bước trưởng thành của người thanh niên quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng. Tập thơ chia làm 3 phần. *Máu lửa* gồm những bài sáng tác trong thời kì Mặt trận Dân chủ, là tâm sự của người thanh niên đang "băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời". Nhà thơ cảm thông sâu sắc với cuộc sống cơ cực của những người nghèo khổ trong xã hội (lão đầy tớ, chị vú em, cô gái giang hồ, những em bé mồ côi, đi ở, hát dạo,...), đồng thời khơi dậy ở họ ý chí đấu tranh và niềm tin vào tương lai. *Xiềng xích* gồm những bài sáng tác trong các nhà lao lớn ở Trung Bộ và Tây Nguyên. Đó là tâm tư của một người trẻ tuổi tha thiết yêu đời và khao khát tự do, là ý chí kiên cường của người chiến sĩ quyết tâm tiếp tục cuộc chiến đấu ngay trong nhà tù. *Giải phóng* gồm những bài sáng tác từ khi Tố Hữu vượt ngục đến những ngày đầu giải phóng vĩ đại của toàn dân tộc. Nhà thơ nồng nhiệt ca ngợi thắng lợi của cách mạng, nền độc lập, tự do của Tổ quốc, khẳng định niềm tin tưởng vững chắc của nhân dân vào chế độ mới.

Tập thơ *Việt Bắc* (1946 – 1954) là tiếng ca hùng tráng, thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và những con người kháng chiến. Họ là những người

timdapan.com

lao động rất bình thường và cũng rất anh hùng. Với tấm lòng yêu thương thắm thiết và cảm phục sâu xa, Tố Hữu đã miêu tả và ca ngợi anh vệ quốc quân, bà mẹ nông dân, chị phụ nữ, em liên lạc,... Nhà thơ ca ngợi Đảng và Bác Hồ đã khơi nguồn và phát huy sức mạnh của quân dân ta để đánh thắng kẻ thù. Nhiều tình cảm lớn được thể hiện sâu đậm : tình quân dân "cá nước", tiền tuyến với hậu phương, miền xuôi với miền ngược, cán bộ với quần chúng, nhân dân với lãnh tụ, tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước, tình cảm quốc tế vô sản,... Tập thơ kết thúc bằng những bài hùng ca vang dội phản ánh khí thế chiến thắng hào hùng, biết bao tình cảm bồi hồi, xúc động của dân tộc trong những giờ phút lịch sử.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, tập thơ *Gió lộng* (1955 – 1961) dạt dào bao nguồn cảm hứng lớn lao. Nhà thơ hướng về quá khứ để thấm thía những nỗi đau khổ của cha ông, công lao của những thế hệ đi trước mở đường, từ đó ghi sâu ân tình của cách mạng. Qua sự cảm nhận của Tố Hữu, cuộc sống mới trên miền Bắc thực sự là một ngày hội lớn, nhìn vào đâu cũng thấy tràn đầy sức sống và niềm vui. Đất nước đau nỗi đau chia cắt, thơ Tố Hữu là tình cảm thiết tha, sâu nặng với miền Nam ruột thịt. Đó là nỗi nhớ thương quê hương da diết, tiếng thét căm hận ngút trời, lời ngợi ca những con người kiên trung, bất khuất, niềm tin không gì lay chuyển được vào ngày mai thắng lợi, thống nhất non sông.

Hai tập thơ *Ra trận* (1962 – 1971), *Máu và hoa* (1972 – 1977) âm vang khí thế quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và niềm vui toàn thắng. *Ra trận* là bản anh hùng ca về "Miền Nam trong lửa đạn sáng ngời" với bao hình ảnh tiêu biểu cho dũng khí kiên cường của dân tộc : anh giải phóng quân "con người đẹp nhất", người thợ điện "Dáng hiên ngang vẫn ngẩng cao đầu", những "em thơ cũng hoá anh hùng", bà mẹ "Một tay lái chiếc đò ngang", anh công nhân "lấp hố bom mà dựng lò cao", cô dân quân "vai súng tay cày",... *Máu và hoa* ghi lại một chặng đường cách mạng đầy gian khổ, hi sinh, khẳng định niềm tin sâu sắc vào sức mạnh tiềm tàng của xứ sở quê hương, cũng như của mỗi con người Việt Nam mới, biểu hiện niềm tự hào và niềm vui phơi phới khi "toàn thắng về ta".

Một tiếng đờn (1992) và *Ta với ta* (1999) là hai tập thơ đánh dấu bước chuyển biến mới trong thơ Tố Hữu. Dòng chảy sôi động của cuộc sống đời thường với bao vui buồn, được mất, sướng khổ, mừng lo khơi gợi trong tâm hồn nhà thơ nhiều cảm xúc suy tư. Tố Hữu tìm đến những chiêm nghiệm

timdapan.com

mang tính phổ quát về cuộc đời và con người. Vượt lên bao biến động thăng trầm, thơ Tố Hữu vẫn kiên định niềm tin vào lí tưởng và con đường cách mạng, tin vào chữ *nhân* luôn toả sáng ở mỗi hồn người.

III – PHONG CÁCH THƠ TỐ HỮU

Về nội dung, thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị rất sâu sắc.

Hồn thơ Tố Hữu luôn hướng tới cái ta chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng, của cả dân tộc. Ngay từ đầu, cái tôi trữ tình trong thơ Tố Hữu đã là cái tôi chiến sĩ, càng về sau càng xác định rõ là cái tôi nhân danh Đảng, nhân danh cộng đồng dân tộc. Với cái tôi trữ tình ngày càng có ý nghĩa khái quát rộng lớn hơn như thế, lẽ sống cũng có sự vận động. Nếu ở tập *Từ ấy*, Tố Hữu khẳng định lí tưởng đẹp nhất của mỗi người lúc đó là dũng cảm dấn thân vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc thì từ tập *Việt Bắc* trở đi, nhà thơ nhấn mạnh mục đích cao cả của đời người là phấn đấu vì cuộc sống tươi đẹp của dân tộc và cũng "Vì thiêng liêng giá trị Con Người – Vì muôn đời hoa lá xanh tươi" (*Bài ca xuân 68*). Thơ Tố Hữu không đi sâu vào cuộc sống và những tình cảm riêng tư mà tập trung thể hiện những tình cảm lớn, mang tính chất tiêu biểu, phổ biến của con người cách mạng : đó là tình yêu lí tưởng (*Từ ấy*), tình cảm kính yêu lãnh tụ (*Sáng tháng Năm*), tình cảm đồng bào đồng chí, tình quân dân (*Cá nước*), tình cảm quốc tế vô sản (*Em bé Triều Tiên*),... Niềm vui trong thơ Tố Hữu không nhỏ bé, tầm thường mà là niềm vui lớn ; sôi nổi, hân hoan nhất và cũng rực rỡ, tươi sáng nhất là những vần thơ về chiến thắng (*Huế tháng Tám, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Toàn thắng về ta*).

Thơ Tố Hữu mang đậm tính sử thi, coi những sự kiện chính trị lớn của đất nước là đối tượng thể hiện chủ yếu, luôn đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính chất toàn dân. Nhà thơ ít chú ý tới những diễn biến bình thường của đời sống mà thường tập trung khắc hoạ những bối cảnh rộng lớn, những biến cố quan trọng tác động mạnh mẽ đến vận mệnh dân tộc – đó là cảnh xây dựng đất nước thật vĩ đại, hào hùng (*Bài ca mùa xuân 1961*), cảnh cả nước lên đường ra trận chiến đấu vì độc lập, tự do (*Chào xuân 67*). Cảm hứng chủ đạo trong thơ Tố Hữu là cảm hứng lịch sử – dân tộc, chứ không phải cảm hứng thế sự – đời tư ; nổi bật trong thơ Tố Hữu là vấn đề vận mệnh cộng đồng, chứ không phải vấn đề số phận cá nhân. Điều đó đã dẫn tới con người trong

timdapan.com

thơ Tố Hữu là con người của sự nghiệp chung với những cố gắng phi thường, các nhân vật trữ tình thường mang phẩm chất tiêu biểu cho dân tộc, thậm chí mang tầm vóc lịch sử và thời đại – đó là anh vệ quốc quân trong bài *Lên Tây Bắc*, anh giải phóng quân trong bài *Tiếng hát sang xuân*, anh Nguyễn Văn Trỗi trong bài *Hãy nhớ lấy lời tôi* hay chị Trần Thị Lý trong bài *Người con gái Việt Nam*,...

Đáng chú ý là những tư tưởng, tình cảm lớn của con người, những vấn đề lớn lao của đời sống đã được Tố Hữu thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình rất tự nhiên, đằm thắm, chân thành. Nhà thơ đặc biệt rung động với đời sống cách mạng, với nghĩa tình cách mạng cho nên thường hướng về đồng bào, đồng chí mà trò chuyện, nhắn nhủ, tâm sự :

Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

(*Việt Bắc*)

Nhưng không chỉ ở lời xưng hô mà "tình thương mến đặc biệt trong thơ Tố Hữu là sự cảm hoà với người với cảnh... một thứ nhạc tâm tình riêng bàng bạc thấm lấy các câu thơ" (Xuân Diệu)[1]. Những lời tâm tình đó có cội nguồn từ "chất Huế" của hồn thơ Tố Hữu, từ quan niệm của ông về mối giao cảm giữa nhà thơ và người đọc thơ : "Thơ là chuyện đồng điệu, nó là tiếng nói của một người đến với những người nào đó có sự cảm thông chung dựa trên cơ sở đồng ý đồng tình..."[2].

Nghệ thuật biểu hiện trong thơ Tố Hữu mang tính dân tộc rất đậm đà.

Về thể thơ, Tố Hữu có tiếp thu những tinh hoa của phong trào Thơ mới, của thơ ca thế giới cổ điển và hiện đại, nhưng ông đặc biệt thành công khi vận dụng những thể thơ truyền thống của dân tộc. Những bài thơ lục bát như *Khi con tu hú, Việt Bắc, Bầm ơi, Kính gửi cụ Nguyễn Du*,... mang cả sắc thái lục bát ca dao và lục bát cổ điển, dạt dào những âm hưởng nghĩa tình của hồn thơ dân tộc. Những bài thơ theo thể thất ngôn như *Quê mẹ, Mẹ Tơm, Bác ơi !, Theo chân Bác*,... trang trọng nhưng không khuôn sáo, trái lại, hơi thơ rất

(1) Xuân Diệu, *Tố Hữu với chúng tôi*, Lời nói đầu cuốn *"Máu và hoa", con đường của nhà thơ Tố Hữu* (tiếng Pháp), Liên hiệp các nhà xuất bản, Pa-ri, 1975, bản dịch in trên báo *Văn nghệ*, ngày 6 – 3 – 1976.

(2) Tố Hữu, *Trả lời phỏng vấn*, tạp chí *Văn nghệ*, số 48, tháng 5 – 1961.

timdapan.com

liền mạch, tự nhiên, diễn tả được hiện thực đa dạng và nhiều trạng thái cảm xúc khác nhau.

Về ngôn ngữ, Tố Hữu không chú ý sáng tạo những từ mới, cách diễn đạt mới mà ông thường sử dụng những từ ngữ và cách nói quen thuộc với dân tộc. Đặc biệt, thơ Tố Hữu đã phát huy cao độ tính nhạc phong phú của tiếng Việt, nhà thơ sử dụng rất tài tình các từ láy, các thanh điệu, các vần thơ :

Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan
Đường bạch dương sương trắng nắng tràn

(*Em ơi... Ba Lan...*)

Thác, bao nhiêu thác, cũng qua
Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời.

(*Nước non ngàn dặm*)

IV – KẾT LUẬN

Tố Hữu từng nhận xét : "Thơ là tấm gương của tâm hồn"[1]. Thực tế cho thấy thơ Tố Hữu đã là tấm gương trong sáng phản chiếu tâm hồn một người chiến sĩ cách mạng suốt đời phấn đấu hi sinh vì tương lai tươi đẹp của dân tộc, cuộc sống hạnh phúc của con người, đấy cũng là tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc, đời sống dân tộc trên con đường lớn của cách mạng. Nói cách khác, thơ Tố Hữu là bằng chứng sinh động về sự kết hợp hài hoà hai yếu tố cách mạng và dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo thi ca. Qua phong cách thơ Tố Hữu, có thể thấy một thành tựu xuất sắc của thơ ca cách mạng, một nền thơ luôn coi vận mệnh của dân tộc là lẽ sống lớn nhất.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu những nét lớn trong cuộc đời Tố Hữu.

2. Những chặng đường thơ Tố Hữu gắn bó như thế nào với những chặng đường cách mạng của bản thân nhà thơ, với những giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam ?

(1) Tố Hữu, *Trả lời phỏng vấn*, Tlđd.

timdapan.com

3. Tại sao nói thơ Tố Hữu mang tính chất trữ tình chính trị ?

4. Tính dân tộc trong hình thức nghệ thuật thơ Tố Hữu biểu hiện ở những điểm cơ bản nào ?

GHI NHỚ

Đường đời, đường thơ Tố Hữu luôn song hành cùng con đường cách mạng của cả dân tộc. Với những tác phẩm giàu chất trữ tình chính trị và đậm đà tính dân tộc, Tố Hữu là một trong những nhà thơ xuất sắc nhất của thơ ca Việt Nam hiện đại.

LUYỆN TẬP

1. Chọn một bài thơ của Tố Hữu mà anh (chị) yêu thích nhất. Phân tích cả bài hoặc một đoạn trong bài thơ đó.

2. Xuân Diệu viết : "Tố Hữu đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đỗi trữ tình" (*Tố Hữu với chúng tôi*, Tlđd). Anh (chị) hiểu nhận xét đó như thế nào ?

timdapan.com

LUẬT THƠ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được một số quy tắc về số câu, số tiếng, vần, nhịp, thanh,... của một số thể thơ truyền thống (lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn Đường luật), từ đó hiểu thêm về những đổi mới, sáng tạo của thơ hiện đại.
- Biết lĩnh hội và phân tích thơ theo những quy tắc của luật thơ.

I – KHÁI QUÁT VỀ LUẬT THƠ

1. Luật thơ là toàn bộ những quy tắc về số câu, số tiếng (chữ), cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp,... trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định. Ví dụ : Luật của các thể lục bát, song thất lục bát, ngũ ngôn và thất ngôn,...

Các thể thơ Việt Nam có thể phân chia thành 3 nhóm chính :

a) Các thể thơ dân tộc gồm : lục bát, song thất lục bát và hát nói.

b) Các thể thơ Đường luật gồm : ngũ ngôn, thất ngôn (tứ tuyệt và bát cú).

c) Các thể thơ hiện đại gồm : năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ – văn xuôi,...

2. Sự hình thành luật thơ cũng như sự vay mượn, mô phỏng và cách tân các thể thơ đều phải dựa trên các đặc trưng ngữ âm của tiếng Việt, trong đó *tiếng* là đơn vị có vai trò quan trọng.

– Tiếng là đơn vị cấu tạo ý nghĩa và nhạc điệu dòng thơ, bài thơ. Ngay tên gọi các thể thơ cũng căn cứ vào số tiếng của dòng thơ : thể lục bát (6 – 8 tiếng), thể ngũ ngôn (5 tiếng), thể thất ngôn (7 tiếng),...

– Tiếng gồm 3 phần : phụ âm đầu, vần và thanh điệu. Vần thơ là phần được lặp lại để liên kết dòng trước với dòng sau. Ví dụ :

Trong đầm gì đẹp bằng ***sen***
Lá xanh bông trắng lại ***chen*** *nhị vàng...*

(Ca dao)

timdapan.com

Vị trí hiệp vần là một yếu tố quan trọng để xác định luật thơ.

Mỗi tiếng có một trong số 6 thanh điệu (thanh) : ngang, huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Theo truyền thống, người ta phân chia các thanh có đường nét bằng (*ngang* và *huyền*) gọi là *thanh bằng* (B) và các thanh còn lại (*sắc, nặng, hỏi, ngã*) có đường nét gãy, đổi hướng là *thanh trắc* (T). Sự luân phiên đối xứng và hài hoà của các thanh bằng, trắc tạo nên nhạc điệu thơ.

– Các tiếng có thanh bằng hay trắc ở những vị trí không đổi tạo chỗ ngừng, sự ngắt nhịp. Số tiếng chẵn hoặc lẻ ở vế cuối dòng thơ tạo nên nhịp thơ chẵn hoặc lẻ. Chẳng hạn, thể lục bát có nhịp chẵn 2/2..., thể ngũ ngôn có nhịp lẻ 2/3,...

Như vậy, số tiếng và các đặc điểm của tiếng về cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp,... là các nhân tố cấu thành luật thơ.

Ngoài việc căn cứ vào đặc điểm của tiếng, luật thơ còn được xác định theo số dòng thơ trong bài, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa. Những điều này phụ thuộc vào từng thể thơ.

II – MỘT SỐ THỂ THƠ TRUYỀN THỐNG

1. Thể lục bát (còn gọi là thể *sáu – tám*)

Ví dụ :

Trăm năm trong cõi người ***ta***
Chữ tài chữ mệnh khéo ***là*** *ghét* ***nhau***
Trải qua một cuộc bể ***dâu***
Những điều trông thấy mà ***đau*** *đớn lòng.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

– Số tiếng : Mỗi cặp lục bát gồm hai dòng (dòng lục : 6 tiếng, dòng bát : 8 tiếng). Bài thơ lục bát là sự kế tiếp của các cặp như thế.

– Vần : Hiệp vần ở tiếng thứ 6 của hai dòng và giữa tiếng thứ 8 của dòng bát với tiếng thứ 6 của dòng lục.

– Nhịp : Nhịp chẵn dựa vào tiếng có thanh không đổi (tức các tiếng 2, 4, 6) : 2/2/2.

– Hài thanh : Có sự đối xứng luân phiên B – T – B ở các tiếng 2, 4, 6 trong dòng thơ ; đối lập âm vực trầm bổng ở tiếng thứ 6 và thứ 8 dòng bát.

timdapan.com

2. Thể song thất lục bát (còn gọi là thể *gián thất* hay *song thất*)

Ví dụ :

Ngòi đầu cầu nước trong như ***lọc****,*
Đường bên cầu cỏ ***mọc*** *còn* ***non****.*
Đưa chàng lòng dặc dặc ***buồn****,*
Bộ khôn bằng ngựa, thuỷ ***khôn*** *bằng thuyền.*

(Đoàn Thị Điểm (?), *Chinh phụ ngâm*)

– Số tiếng : Cặp song thất (7 tiếng) và cặp lục bát (6 – 8 tiếng) luân phiên kế tiếp nhau trong toàn bài.

– Vần : Hiệp vần ở mỗi cặp (*lọc – mọc, buồn – khôn*) ; cặp song thất có vần trắc, cặp lục bát có vần bằng. Giữa cặp song thất và cặp lục bát có vần liền (*non – buồn*).

– Nhịp : 3/4 ở hai câu thất và 2/2/2 ở cặp lục bát.

– Hài thanh : Cặp song thất lấy tiếng thứ ba làm chuẩn, có thể có thanh bằng (câu thất – bằng) hoặc trắc (câu thất – trắc) nhưng không bắt buộc.

Ví dụ :

Cùng trông ***lại*** *mà cùng chẳng thấy*
Thấy xanh ***xanh*** *những mấy ngàn dâu.*

(Đoàn Thị Điểm (?), *Chinh phụ ngâm*)

Còn cặp lục bát thì sự đối xứng bằng – trắc chặt chẽ hơn (giống như ở thể lục bát).

3. Các thể ngũ ngôn Đường luật

Gồm 2 thể chính : ngũ ngôn tứ tuyệt (5 tiếng 4 dòng) và ngũ ngôn bát cú (5 tiếng 8 dòng). Theo quan niệm phổ biến, bài thơ thuộc thể ngũ ngôn bát cú có bố cục 4 phần : *đề, thực, luận, kết*.

Ví dụ một bài thơ ngũ ngôn bát cú :

MẶT TRĂNG

Vằng vặc bóng thuyền quyên
Mây quang gió bốn ***bên***

timdapan.com

Nề cho trời đất trắng
Quét sạch núi sông ***đen***
Có khuyết nhưng tròn mãi
Tuy già vẫn trẻ ***lên***
Mảnh gương chung thế giới
Soi rõ : mặt hay, ***hèn****.*

(Khuyết danh)

– Số tiếng : 5 tiếng ; số dòng : 8 dòng (thơ tứ tuyệt chỉ có 4 dòng).

– Vần : 1 vần (độc vận), gieo vần cách (*bên, đen, lên, hèn*).

– Nhịp lẻ : 2/3.

– Hài thanh : Có sự luân phiên B – T hoặc niêm B – B, T – T ở tiếng thứ hai và thứ tư.

4. Các thể thất ngôn Đường luật

Gồm 2 thể chính : thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú. Đây là hai thể thơ có kết cấu, niêm luật chặt chẽ, được nhiều người ưa thích và đến nay vẫn được nhiều người sử dụng để sáng tác.

a) *Thất ngôn tứ tuyệt* (còn gọi là thể *tứ tuyệt* hay *tuyệt cú*)

Ví dụ :

ÔNG PHỖNG ĐÁ

Ông đứng làm chi đó hỡi ông ?
Trơ trơ như đá, vững như ***đồng****.*
Đêm ngày gìn giữ cho ai đó ?
Non nước đầy vơi có biết ***không*** *?*

(Nguyễn Khuyến)

– Số tiếng : 7 tiếng ; số dòng : 4 dòng.

– Vần : Vần chân, độc vận, gieo vần cách (*đồng – không*).

– Nhịp : 4/3.

timdapan.com

– Hài thanh theo mô hình sau :

Niêm và đối \ Tiếng			1	2	3	4	5	6	7
Niêm	Đối	Dòng 1		T		B		T	
Niêm		Dòng 2		B		T		B	Vần
	Đối	Dòng 3		B		T		B	
		Dòng 4		T		B		T	Vần

b) *Thất ngôn bát cú*

Ví dụ :

QUA ĐÈO NGANG

*Bước tới Đèo Ngang, bóng xế **tà**,*
*Cỏ cây chen đá, lá chen **hoa**.*
Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
*Lác đác bên sông, chợ mấy **nhà**.*
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
*Thương nhà mỏi miệng, cái gia **gia**.*
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
*Một mảnh tình riêng, ta với **ta**.*

(Bà Huyện Thanh Quan)

– Số tiếng : 7 tiếng ; số dòng : 8 dòng (chia thành 4 phần : *đề, thực, luận, kết*).

– Vần : Vần chân, độc vận (*tà, hoa, nhà, gia, ta*).

– Nhịp : 4/3.

– Hài thanh theo mô hình sau :

timdapan.com

Niêm và đối \ Tiếng			1	2	3	4	5	6	7
Niêm		Dòng 1		T		B		T	Vần
Niêm		Dòng 2		B		T		B	Vần
	Đối	Dòng 3		B		T		B	
Niêm	Đối	Dòng 4		T		B		T	Vần
	Đối	Dòng 5		T		B		T	
Niêm	Đối	Dòng 6		B		T		B	Vần
		Dòng 7		B		T		B	
		Dòng 8		T		B		T	Vần

Luật thơ thất ngôn bát cú rất chặt chẽ : một mặt là luật hài thanh, đối xứng giữa các tiếng 2, 4, 6 (có thể theo thể trắc hoặc theo thể bằng) ; mặt khác, đòi hỏi phải niêm (dính) giữa các dòng 2 – 3, 4 – 5, 6 – 7 và 1 – 8. Về bố cục, bài thơ chia thành 4 cặp : 2 dòng đầu là *đề* (*phá đề* và *thừa đề*) để vào bài ; 2 dòng tiếp theo là *thực* để giải thích rõ đề ; 2 dòng *luận* để bàn luận ; hai dòng *kết* để kết bài.

Như vậy, thơ Đường luật hết sức chặt chẽ, cũng vì vậy mà rất gò bó và khó diễn đạt được những cảm xúc phóng khoáng, nhịp điệu rộng mở.

III – CÁC THỂ THƠ HIỆN ĐẠI

Phong trào Thơ mới (1932 – 1945) đã mở đầu cho việc đổi mới thơ Việt Nam. Nhiều thể thơ hiện đại xuất hiện từ đây.

Các nhà thơ trong phong trào Thơ mới đã tiếp nhận ảnh hưởng của thơ Pháp và đổi mới luật thơ cũ, "phong trào Thơ mới đã vứt đi nhiều khuôn phép xưa, song cũng nhiều khuôn phép nhân đó sẽ thêm bền vững" (Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2003).

Các thể thơ Việt Nam hiện đại rất đa dạng và phong phú : năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ – văn xuôi,... Chúng vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống, vừa có sự cách tân.

timdapan.com

GHI NHỚ

Trong luật thơ, tiếng là đơn vị quan trọng. Số tiếng định hình trong dòng thơ, sự phối hợp thanh điệu, sự liên kết bằng vần của tiếng, sự đối lập hay kết dính ở dòng trước với dòng sau, cách ngắt nhịp thơ,... đều trở thành những quy tắc của thơ ca truyền thống, đặc biệt là các thể thơ Đường luật. Thơ hiện đại đã biến đổi nhiều, tuy nhiên, nhiều trường hợp vẫn dựa trên các quy tắc trong thơ truyền thống.

LUYỆN TẬP

Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp và hài thanh của hai câu thơ bảy tiếng trong thể song thất lục bát với thể thất ngôn Đường luật qua các ví dụ sau :

a) *Trống Tràng thành lung lay bóng nguyệt,*
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây,
Chín lần gươm báu trao tay
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh...

(Đoàn Thị Điểm (?), *Chinh phụ ngâm*)

b) CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Hồ Chí Minh)

timdapan.com

TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 2

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Nhận thức rõ hơn ưu điểm, nhược điểm về kiến thức và kĩ năng trong bài văn đã viết, từ đó rút kinh nghiệm chung về cách làm bài văn nghị luận xã hội.

1. Tham khảo hướng dẫn trong tiết *Trả bài làm văn số 1*.

2. Ngoài ra, để khắc sâu kiến thức và củng cố kĩ năng nghị luận xã hội, anh (chị) hãy trả lời các câu hỏi và thực hiện các yêu cầu sau :

a) Đối tượng nghị luận xã hội trong trường Trung học phổ thông ?

b) Liệt kê một số đề tài cụ thể cho các kiểu bài nghị luận xã hội.

c) Để làm tốt bài nghị luận xã hội, cần tích luỹ kiến thức và rèn luyện những thao tác lập luận nào ?

timdapan.com

VIỆT BẮC

TỐ HỮU

(Trích – tiếp theo)

PHẦN HAI : TÁC PHẨM

TIỂU DẪN

Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi. Tháng 7 – 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết. Hoà bình lập lại, miền Bắc nước ta được giải phóng và bắt tay vào sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới. Một trang sử mới của đất nước được mở ra.

Tháng 10 – 1954, những người kháng chiến từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi, Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về lại Thủ đô. Nhân sự kiện thời sự có tính lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ *Việt Bắc*. Bài thơ có hai phần : phần đầu tái hiện những kỉ niệm cách mạng và kháng chiến ; phần sau gợi viễn cảnh tươi sáng của đất nước và ngợi ca công ơn của Đảng, Bác Hồ đối với dân tộc. Dưới đây trích phần đầu của bài thơ.

VĂN BẢN

– Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy[1] *thiết tha mặn nồng.*
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn ?

– Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li[2]
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

---

(1) *Mười lăm năm* : tính từ thời kháng Nhật (khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940) đến khi những người kháng chiến trở về Thủ đô (tháng 10 – 1954).

(2) *Phân li* : chia li, chia tay.

timdapan.com

– Mình đi, có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù
Mình về, có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai ?
Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già.
Mình đi, có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son
Mình về, còn nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa[1] ?

– Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê[2] vơi đầy.

---

(1) *Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa* : cây đa Tân Trào là nơi làm lễ xuất quân (tháng 12 – 1944) của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam ; đình Hồng Thái là nơi họp Quốc dân Đại hội (tháng 8 – 1945) thành lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng và phát động cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước (Tân Trào, Hồng Thái đều thuộc huyện Son Dương, tỉnh Tuyên Quang).

(2) *Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê* : những địa danh trong khu căn cứ Việt Bắc.

timdapan.com

Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...
Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui[1] đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều[2]
Chày đêm nện cối đều đều suối xa[3]...

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách[4] đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

---

(1) *Chăn sui* : chăn làm bằng vỏ cây sui (sui là loài cây to, gỗ nhẹ, có vỏ dày và dai ; người miền núi thường lấy vỏ cây sui đập mềm xốp ra làm chăn đắp).

(2) *Tiếng mõ rừng chiều* : tiếng mõ trâu buổi chiều trở về bản làng (ở Việt Bắc, do chăn thả nên người ta đeo ở cổ mỗi con trâu một cái mõ bằng gỗ hoặc tre để cho dễ tìm).

(3) *Chày đêm nện cối đều đều suối xa* : nhịp chày của cối giã gạo đặt bên suối, hoạt động bằng sức nước.

(4) *Phách* : một loại cây thân gỗ, nở hoa vàng vào đầu mùa hè.

timdapan.com

Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
Núi giăng thành luỹ sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù.
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.
Ai về ai có nhớ không ?
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng[1]
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng[2]
Nhớ từ Cao – Lạng[3], nhớ sang Nhị Hà[4]...

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên[5] vui về

---

(1) *Phủ Thông, đèo Giàng* : những địa điểm ở Việt Bắc đã diễn ra các trận đánh hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

(2) *Sông Lô, phố Ràng* : trận sông Lô đánh tàu chiến Pháp trong chiến dịch Việt Bắc (cuối năm 1947) và trận đánh đồn phố Ràng thuộc Yên Bái (năm 1948).

(3) *Cao – Lạng* : Cao Bằng và Lạng Sơn ; năm 1950, ta mở chiến dịch giải phóng biên giới Việt – Trung, cũng gọi là chiến dịch Cao – Lạng.

(4) *Nhị Hà* : tên gọi cũ của sông Hồng.

(5) *Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên* : tên những chiến dịch lớn trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp (chiến dịch Hoà Bình năm 1951 ở tỉnh Hoà Bình, chiến dịch Tây Bắc năm 1952 giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở các tỉnh Tây Bắc, chiến dịch Điện Biên Phủ mùa xuân năm 1954).

timdapan.com

Vui từ Đồng Tháp[1], An Khê[2]
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng[3].

Ai về ai có nhớ không ?
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.
Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch Thu – đông
Nông thôn phát động[4], giao thông mở đường
Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...

Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc : Cụ Hồ sáng soi
Ở đâu đau đớn giống nòi
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.
Mười lăm năm ấy, ai quên
Quê hương Cách mạng dựng nên Cộng hoà.
Mình về mình lại nhớ ta
Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.
[...]

10 – 1954

(*Việt Bắc*, NXB Văn học, Hà Nội, 1962)

(1) *Đồng Tháp* : Đồng Tháp Mười, khu căn cứ kháng chiến ở Nam Bộ.

(2) *An Khê* : địa danh ở Tây Nguyên, nơi đầu năm 1954 bộ đội ta đánh thắng nhiều trận.

(3) *Đèo De, núi Hồng* : những địa danh trong căn cứ Việt Bắc, nơi có các cơ quan của Trung ương Đảng và Chính phủ thời kì kháng chiến chống Pháp (đèo De thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang ; núi Hồng ở tỉnh Thái Nguyên).

(4) *Phát động* : phát động nông dân giảm nộp tô cho địa chủ.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ và phân tích sắc thái tâm trạng, lối đối đáp của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.
2. Qua hồi tưởng của chủ thể trữ tình, vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc hiện lên như thế nào ?
3. Khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến đã được Tố Hữu khắc hoạ ra sao ?
4. Nhận xét về hình thức nghệ thuật đậm đà tính dân tộc trong đoạn trích.

GHI NHỚ

Việt Bắc là khúc hùng ca và cũng là khúc tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến. Thể thơ lục bát, kiểu kết cấu đối đáp, ngôn ngữ đậm sắc thái dân gian – tất cả đã góp phần khắc sâu lời nhắn nhủ của Tố Hữu : Hãy nhớ mãi và phát huy truyền thống quý báu anh hùng bất khuất, ân nghĩa thuỷ chung của cách mạng, của con người Việt Nam.

LUYỆN TẬP

1. Nêu rõ nét tài hoa của Tố Hữu trong việc sử dụng cặp đại từ xưng hô *ta – mình* trong bài thơ.
2. Chọn trong đoạn trích hai đoạn tiêu biểu :
   – Một đoạn về vẻ đẹp của cảnh và người Việt Bắc.
   – Một đoạn về khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong kháng chiến.
   Phân tích một trong hai đoạn đó.

timdapan.com

PHÁT BIỂU THEO CHỦ ĐỀ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được yêu cầu, cách thức phát biểu theo chủ đề.
- Trình bày được ý kiến của mình trước tập thể phù hợp với chủ đề được nói tới.

Chi đoàn tổ chức hội thảo "Thanh niên, học sinh cần làm gì để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông ?". Anh (chị) hãy phát biểu ý kiến tham gia hội thảo.

I – CÁC BƯỚC CHUẨN BỊ PHÁT BIỂU

1. Xác định nội dung cần phát biểu

– Theo anh (chị), chủ đề của cuộc hội thảo trên có thể bao gồm những nội dung cụ thể nào ?

– Anh (chị) chọn nội dung nào để phát biểu ? Tại sao ?

2. Dự kiến đề cương phát biểu

Giả dụ, anh (chị) định chọn nội dung : "Khắc phục tình trạng đi ẩu, nguyên nhân chủ yếu của tai nạn giao thông". Anh (chị) hãy dự kiến đề cương cho lời phát biểu.

Gợi ý :

– Lời phát biểu gồm những nội dung nào ?

– Các nội dung đó được sắp xếp ra sao ?

II – PHÁT BIỂU Ý KIẾN

– Giới thiệu khái quát nội dung sẽ phát biểu.

– Trình bày nội dung theo đề cương dự kiến.

– Nói lời kết thúc và cảm ơn.

– Trong quá trình phát biểu, cần lưu ý điều chỉnh thái độ, cử chỉ, giọng nói cho hợp lí và thuyết phục.

timdapan.com

GHI NHỚ

Để phát biểu ý kiến theo chủ đề có hiệu quả, cần lưu ý :

– Lựa chọn nội dung phát biểu phù hợp với chủ đề chung và tình hình thảo luận.

– Dự kiến nội dung chi tiết và sắp xếp nhanh thành đề cương phát biểu.

– Có thái độ, cử chỉ đúng mực, lịch sự ; điều chỉnh giọng nói phù hợp với nội dung và cảm xúc.

LUYỆN TẬP

1. Tại cuộc thảo luận ở lớp về chủ đề "Quan niệm về hạnh phúc của tuổi trẻ trong thời đại ngày nay", đã có một số ý kiến sau :

– Muốn có hạnh phúc thì phải kiếm được nhiều tiền, vì có tiền là có tất cả.

– Hạnh phúc là được làm theo ý thích của mình, là được tự do tuyệt đối, không phụ thuộc vào ai, vào bất cứ cái gì.

– Hạnh phúc là phải biết cống hiến và hưởng thụ một cách hợp lí, phải biết hi sinh cho lí tưởng.

– Ai biết tạo ra sự hài hoà giữa hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc tập thể, người đó mới có hạnh phúc thật sự.

Nếu tham gia, anh (chị) sẽ phát biểu những ý nào và phát biểu như thế nào ?

2. Có ý kiến cho rằng : "Vào đại học là cách lập thân duy nhất của thanh niên". Hãy phát biểu quan niệm của anh (chị).

Gợi ý :

– Vào được trường đại học mà mình yêu thích là nguyện vọng hết sức chính đáng của đa số thanh niên, học sinh, vì đó là môi trường học tập lí tưởng, nơi trang bị cho thanh niên, học sinh những tri thức cơ bản, hiện đại để sau khi ra trường có khả năng thích ứng với các điều kiện công tác khác nhau.

– Tuy nhiên, vì nhiều lí do khác nhau, một số thanh niên sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông không có điều kiện theo học đại học. Để lập thân và lập nghiệp, họ có thể vào học các trường dạy nghề, các trường trung học chuyên nghiệp hoặc tự nâng cao tay nghề trong quá trình lao động,...

– Chúng ta đang cố gắng xây dựng một xã hội học tập, mỗi người sẽ phải học tập suốt đời. Trong xã hội học tập, mọi người, đặc biệt là thanh niên, sẽ có nhiều cơ hội tiếp tục học tập để nâng cao trình độ của mình.

timdapan.com

ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy thêm một cái nhìn mới mẻ về đất nước qua cách cảm nhận của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm : Đất nước là sự hội tụ, kết tinh bao công sức và khát vọng của nhân dân. Nhân dân là người làm ra đất nước.
- Nắm được một số nét đặc sắc về nghệ thuật : giọng thơ trữ tình – chính luận, sự vận dụng sáng tạo nhiều yếu tố của văn hoá và văn học dân gian làm sáng tỏ thêm tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân".

TIỂU DẪN

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943 tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế (quê gốc làng An Cựu, xã Thuỷ An, thành phố Huế) trong một gia đình trí thức có truyền thống yêu nước và cách mạng. Năm 1955, Nguyễn Khoa Điềm ra Bắc học tại trường học sinh miền Nam. Sau khi tốt nghiệp Khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 1964, ông về Nam hoạt động trong phong trào học sinh, sinh viên thành phố Huế ; xây dựng cơ sở cách mạng, viết báo, làm thơ,... cho đến năm 1975. Sau ngày thống nhất đất nước, ông tiếp tục hoạt động chính trị và văn nghệ ở Thừa Thiên – Huế. Ông tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá III, là Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam khoá V, Bộ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin, từng là Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương. Sau Đại hội X của Đảng, ông về nghỉ hưu ở Huế, tiếp tục làm thơ.

timdapan.com

Tác phẩm chính : *Đất ngoại ô* (thơ, 1972), *Mặt đường khát vọng* (trường ca, 1974), *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (thơ, 1986), *Thơ Nguyễn Khoa Điềm* (tuyển chọn, 1990), *Cõi lặng* (thơ, 2007).

Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ các nhà thơ thời kì chống Mĩ cứu nước. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam. Năm 2000, ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Trường ca *Mặt đường khát vọng* được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị – Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh hoà nhịp với cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Đoạn trích *Đất Nước* (phần đầu chương V của trường ca) là một trong những đoạn thơ hay về đề tài đất nước trong thơ Việt Nam hiện đại.

VĂN BẢN

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..."
mẹ thường hay kể.
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc
Tóc mẹ thì bới sau đầu[1]
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn[2]
Cái kèo, cái cột thành tên
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất Nước có từ ngày đó...
Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm[3]

---

(1) *Bới (búi) sau đầu* : búi tóc thành cuộn sau gáy.

(2) *Gừng cay muối mặn* : thành ngữ dân gian, thường dùng để chỉ tình nghĩa vợ chồng mặn mà, sâu đậm.

(3) *Em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm* : lấy ý từ bài ca dao *Khăn thương nhớ ai*.

timdapan.com

Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"[1]
Nước là nơi "con cá ngư ông móng[2] nước biển khơi"[3]
Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông
Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi *Chim* về
Nước là nơi *Rồng* ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ.
Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng

---

(1), (3) *Con chim... núi bạc, con cá... biển khơi* : câu hò Bình Trị Thiên, nguyên văn : "Con chim phượng hoàng bay ngang hòn núi bạc – Con cá ngư ông móng nước ngoài khơi – Gặp nhau đây xin phân tỏ đôi lời – Kẻo mai kia con cá về sông vịnh, con chim nọ đổi dời về non xanh".

(2) *Móng* (*móng nước*) : từ dùng để chỉ cá quẫy, đớp bọt nước.

timdapan.com

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...

*

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước
những núi Vọng Phu[1]
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái[2]
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương[3]
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm
Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút,
non Nghiên[4]
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành
thắng cảnh
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang,
Bà Đen, Bà Điểm[5]
Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha
Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...

---

(1) *Núi Vọng Phu* : núi có hình người vợ chờ chồng ở Đồng Đăng, Lạng Sơn và nhiều nơi khác ở nước ta.

(2) *Hòn Trống Mái* : hai tảng đá giống hình trống mái nằm trên một ngọn núi ven biển Sầm Sơn (Thanh Hoá) và nhiều nơi khác ở nước ta.

(3) *Chín mươi chín con voi... Hùng Vương* : theo truyền thuyết, những đồi núi bao quanh núi Hi Cương, nơi có đền thờ các vua Hùng, chính là đàn voi 99 con quây quần chầu phục đất Tổ.

(4) *Núi Bút, non Nghiên* : núi có hình cây bút và nghiên mực ở Quảng Ngãi.

(5) *Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm* : tên những người có công với dân, với nước đã thành son danh, địa danh ở Nam Bộ.

timdapan.com

Em ơi em
Hãy nhìn rất xa
Vào bốn nghìn năm Đất Nước
Năm tháng nào cũng người người lớp lớp
Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta
Cần cù làm lụng
Khi có giặc người con trai ra trận
Người con gái trở về nuôi cái cùng con
Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh
Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ
Nhưng em biết không
Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước
Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ chuyền lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm
Có nội thù thì vùng lên đánh bại
Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại

timdapan.com

Dạy anh biết "yêu em từ thuở trong nôi"[1]
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội[2]
Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
Đi trả thù mà không sợ dài lâu[3]
Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu
Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát
Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác
Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi.
[...]

12 – 1971

(*Mặt đường khát vọng*, NXB Văn nghệ Giải phóng, 1974)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đoạn trích thể hiện sự cảm nhận và lí giải của Nguyễn Khoa Điềm về đất nước. Hãy chia bố cục, gọi tên nội dung trữ tình từng phần và tìm hiểu trình tự triển khai mạch suy nghĩ và cảm xúc của tác giả.
2. Trong phần đầu của đoạn trích (từ đầu đến "Làm nên Đất Nước muôn đời"), tác giả đã cảm nhận về đất nước trên những phương diện nào ? Cách cảm nhận của tác giả có gì khác với các nhà thơ cùng viết về đề tài này ?
3. Phần sau của đoạn trích (từ "Những người vợ nhớ chồng" đến hết) tác giả tập trung làm nổi bật tư tưởng : "Đất Nước của Nhân dân". Tư tưởng ấy đã đưa đến những phát hiện sâu và mới của tác giả về địa lí, lịch sử, văn hoá,... của đất nước ta như thế nào ? Vì sao có thể nói tư tưởng ấy nổi bật trong đoạn trích này và nhiều bài thơ thời chống Mĩ ?

---

(1) *Biết "yêu em từ thuở trong nôi"* : lấy ý từ câu ca dao "Yêu em từ thuở trong nôi – Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru".

(2) *Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội* : lấy ý từ câu ca dao "Cầm vàng mà lội qua sông – Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng".

(3) *Biết trồng tre... dài lâu* : lấy ý từ câu ca dao "Thù này ắt hẳn còn lâu – Trồng tre thành gậy, gặp đâu đánh què".

timdapan.com

4. Hãy nêu những ví dụ cụ thể và nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của tác giả (ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, phong tục,...), từ đó tìm hiểu những đóng góp riêng của nhà thơ về nghệ thuật biểu đạt. Vì sao có thể nói chất liệu văn hoá dân gian ở đoạn trích này gợi ấn tượng vừa quen thuộc vừa mới lạ ?

GHI NHỚ

- Đoạn trích thể hiện cảm nghĩ mới mẻ của tác giả về đất nước qua những vẻ đẹp được phát hiện ở chiều sâu trên nhiều bình diện : lịch sử, địa lí, văn hoá,...
- Đóng góp riêng của đoạn trích là ở sự nhấn mạnh tư tưởng "Đất Nước của Nhân dân" bằng hình thức biểu đạt giàu suy tư, qua giọng thơ trữ tình – chính luận sâu lắng, thiết tha.
- Các chất liệu của văn hoá dân gian được sử dụng nhuần nhị, sáng tạo, đem lại sức hấp dẫn cho đoạn trích.

timdapan.com

ĐỌC THÊM

ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN ĐÌNH THI

TIỂU DẪN

Nguyễn Đình Thi làm thơ từ những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Thơ ông có bản sắc và giọng điệu riêng, vừa tự do, phóng khoáng vừa hàm súc, sâu lắng suy tư, có những tìm tòi theo xu hướng hiện đại về hình ảnh, nhạc điệu,... Đặc biệt, Nguyễn Đình Thi có những bài thơ đằm thắm, thiết tha về quê hương đất nước Việt Nam trong lam lũ, đau thương đứng lên chiến đấu và chiến thắng.

Đất nước là một thi phẩm xuất sắc, tiêu biểu nhất cho sự nghiệp thơ ca của Nguyễn Đình Thi. Bài thơ này có những đoạn lấy từ hai bài thơ *Sáng mát trong như sáng năm xưa* (1948) và *Đêm mít tinh* (1949), hoàn thành vào năm 1955 và được đưa vào tập *Người chiến sĩ* (1956).

VĂN BẢN

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may[1]
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha

(1) *Hơi may* : hơi của gió heo may, một thứ gió nhẹ, lành lạnh và khô, thường thấy vào đầu mùa thu ở miền Bắc nước ta.

timdapan.com

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Đã bật lên những tiếng căm hờn

Bát cơm chan đầy nước mắt
Bay còn giằng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây thằng chúa đất
Đứa đè cổ đứa lột da

Xiềng xích chúng bay không khoá được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà

timdapan.com

Khói nhà máy cuộn trong sương núi
Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng

Ngày nắng đốt theo đêm mưa giội
Mỗi bước đường mỗi bước hi sinh
Trán cháy rực nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng loà.

1948 – 1955

(*Tuyển tập Nguyễn Đình Thi*, tập 3
NXB Văn học, Hà Nội, 1997)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Theo anh (chị), nên chia bài thơ làm mấy phần ? Nêu ý chính của mỗi phần và giải thích mối quan hệ giữa các phần.
2. Hình ảnh mùa thu Hà Nội trong hoài niệm của nhà thơ (từ "Sáng mát trong" đến "lá rơi đầy") có những điểm gì đặc sắc ?
3. Phân tích đoạn thơ từ "Mùa thu nay khác rồi" đến "Những buổi ngày xưa vọng nói về".
4. Những suy tư và cảm nhận của Nguyễn Đình Thi về quê hương, đất nước Việt Nam trong phần cuối của bài thơ (từ "Ôi những cánh đồng quê chảy máu" đến hết bài) ?
5. Nhận xét về độ dài ngắn của các câu thơ, cách chọn lựa hình ảnh và nhịp điệu trong bài thơ. Cách viết như vậy có tác dụng gì ?

timdapan.com

LUẬT THƠ

(Tiếp theo)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Qua việc phân tích các yếu tố : tiếng, vần, nhịp, hài thanh của một số đoạn thơ, thấy rõ sự giống nhau và khác nhau của các thể thơ hiện đại và truyền thống.

LUYỆN TẬP

1. So sánh những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong luật thơ ngũ ngôn truyền thống ở bài *Mặt trăng* (khuyết danh) dẫn ở mục II.3 (trang 103 - 104) với đoạn thơ năm tiếng sau đây.

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ

Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên ?

(Xuân Quỳnh, *Sóng*)

2. Phân tích cách gieo vần, ngắt nhịp ở khổ thơ sau để thấy sự đổi mới, sáng tạo trong thể thơ bảy tiếng hiện đại so với thơ thất ngôn truyền thống.

Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng ?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong ?

(Thâm Tâm, *Tống biệt hành*)

timdapan.com

3. Dùng các kí hiệu B (bằng), T (trắc), Bv (bằng, vần), ↱(niêm), Đ (đối), / (gạch nhịp) để ghi lại mô hình âm luật trong bài thơ thất ngôn tứ tuyệt sau :

MỜI TRẦU

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương mới quệt rồi.
Có phải duyên nhau thì thắm lại,
Đừng xanh như lá, bạc như vôi.

(Hồ Xuân Hương)

4. Tìm những yếu tố vần, nhịp và hài thanh của khổ thơ sau đây để chứng minh ảnh hưởng của thể thơ thất ngôn Đường luật đối với thơ mới.

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song,
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả ;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

(Huy Cận, *Tràng giang*)

timdapan.com

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ NGỮ ÂM

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Nắm được một số phép tu từ ngữ âm thường dùng trong văn bản và có kĩ năng phân tích, sử dụng chúng.

I – TẠO NHỊP ĐIỆU VÀ ÂM HƯỞNG CHO CÂU

1. Nhận xét về nhịp điệu, sự phối hợp âm thanh (cùng với các phép lặp cú pháp, lặp từ ngữ) nhằm tạo ra âm hưởng hùng hồn, đanh thép cho một lời tuyên ngôn trong câu sau :

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

Chú ý đến :

– Sự phối hợp nhịp ngắn và nhịp dài ;

– Sự thay đổi thanh bằng, thanh trắc cuối mỗi nhịp ;

– Tính chất mở hay đóng của âm tiết kết thúc mỗi nhịp.

2. Phân tích tác dụng của âm thanh, nhịp điệu (có sự phối hợp với phép lặp từ ngữ và kết cấu cú pháp) trong việc tạo nên sắc thái hùng hồn, thiêng liêng của lời kêu gọi cứu nước (trích) sau đây (chú ý vần, sự ngắt nhịp và đối xứng) :

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

(Hồ Chí Minh, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*)

timdapan.com

3. Nhịp điệu và âm hưởng trong đoạn văn sau thích hợp với việc khẳng định, ngợi ca sức mạnh, ý chí kiên cường của cây tre, hình ảnh tượng trưng cho con người Việt Nam. Hãy phân tích để làm sáng tỏ điều đó.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động. Tre, anh hùng chiến đấu.

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

II – ĐIỆP ÂM, ĐIỆP VẦN, ĐIỆP THANH

1. Phân tích tác dụng tạo hình tượng của việc điệp âm đầu trong các câu sau :

a) *Dưới trăng quyên đã gọi hè*
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b) *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*

(Nguyễn Khuyến, *Uống rượu mùa thu*)

2. Trong đoạn thơ sau, vần nào được lặp lại nhiều nhất ? Nêu tác dụng biểu hiện sắc thái ý nghĩa của phép điệp vần đó.

Lá bàng đang đỏ ngọn cây
Sếu giang mang lạnh đang bay ngang trời
Mùa đông còn hết em ơi
Mà con én đã gọi người sang xuân !

(Tố Hữu, *Tiếng hát sang xuân*)

3. *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm*
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

timdapan.com

Đoạn thơ trên đã gợi ra được khung cảnh hiểm trở của vùng rừng núi và sự gian lao, vất vả của cuộc hành quân là nhờ có sự đóng góp của nhiều yếu tố (có cả những yếu tố không thuộc ngữ âm). Hãy phân tích :

– Nhịp điệu của các dòng thơ.

– Sự phối hợp các thanh trắc và bằng ở ba dòng thơ đầu và cách dùng toàn thanh bằng (điệp thanh) ở dòng cuối.

– Các yếu tố từ ngữ : từ láy, phép đối, phép lặp từ ngữ, phép nhân hoá.

– Phép lặp cú pháp.

timdapan.com

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 3 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Vận dụng những kiến thức cơ bản đã học trong các văn bản phần Văn học để viết bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.
- Vận dụng được các kĩ năng nghị luận để viết bài làm văn nghị luận văn học phù hợp với yêu cầu cụ thể của đề bài.

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Ôn lại kiến thức văn học sử trong bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX* và kiến thức về các văn bản : *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Việt Bắc* (Tố Hữu), đoạn trích *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm).

2. Ôn lại kiến thức và kĩ năng tiếng Việt trong bài *Luật thơ* để có thể vận dụng phân tích giá trị biểu cảm, gợi hình tượng của nhạc điệu trong các bài thơ, đoạn thơ trữ tình.

3. Ôn lại kiến thức và kĩ năng nghị luận trong bài *Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ* và vận dụng các thao tác : phân tích, so sánh, bác bỏ, bình luận,...

4. Xem lại bài làm văn số 2 để tránh những lỗi về diễn đạt, lập luận thường mắc.

II – GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ BÀI

1. a) Tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu) được biểu hiện cụ thể ở những phương diện nào ? Trình bày vắn tắt và nêu dẫn chứng minh hoạ.

b) Phân tích tâm trạng của tác giả khi nhớ về miền tây Bắc Bộ và những người đồng đội trong đoạn thơ sau :

timdapan.com

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

2. a) Vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

b) Cảm nhận của anh (chị) về hình tượng thiên nhiên và con người Việt Bắc trong đoạn thơ sau :

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hoà bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

(Tố Hữu, *Việt Bắc*)

timdapan.com

3. a) Câu thơ "Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn" (*Đất Nước*, Nguyễn Khoa Điềm) có nét tương đồng với những lời ca dao nào ? Phân tích ngắn gọn ý nghĩa câu thơ này trong sự đối chiếu, so sánh với những bài ca dao mà anh chị đã liên tưởng.

b) Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng.

4. a) Phân tích và so sánh hình tượng đất nước trong đoạn trích *Đất Nước* (trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm) và bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi.

b) Cảm nhận của anh (chị) về hình tượng người lính Tây Tiến trong đoạn thơ sau :

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

III – GỢI Ý CÁCH LÀM BÀI

Các đề bài trong bài viết này được cấu tạo thành hai phần tương ứng với hai câu nhằm mục đích giúp học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng linh hoạt, toàn diện trong quá trình làm bài (câu a : 3 điểm, câu b : 7 điểm). Vì vậy, khi làm bài, cần nắm vững yêu cầu của từng phần trong đề để sử dụng tốt kiến thức, phân bố thời gian khoa học, tránh viết lan man, rườm rà.

Tham khảo một số gợi ý sau đây :

Đề 1

a) – Giới thiệu ngắn gọn hoàn cảnh ra đời, đề tài của bài thơ.

– Phân tích những biểu hiện cụ thể của tính dân tộc trong bài thơ (về nội dung, nghệ thuật).

timdapan.com

b) – Giới thiệu khái quát đoạn thơ.

– Nỗi nhớ núi rừng, làng bản và đồng đội.

– Sự kết hợp giữa cảm xúc bi tráng và thi vị, bay bổng trong tâm trạng trữ tình.

– Đánh giá chung về đoạn trích.

Đề 3

a) – Cách sử dụng thi liệu, xây dựng hình tượng mang âm hưởng dân gian trong bài thơ *Đất Nước* của Nguyễn Khoa Điềm.

– Chỉ ra sự tiếp thu văn học dân gian một cách sáng tạo của tác giả.

b) – Vẻ đẹp bi tráng của người lính Tây Tiến.

– Vẻ đẹp tâm hồn hào hoa, lãng mạn của người lính Tây Tiến.

ĐỌC THÊM

VỀ BÀI THƠ *ĐẤT NƯỚC* (NGUYỄN ĐÌNH THI) VÀ ĐOẠN TRÍCH *ĐẤT NƯỚC* (TRÍCH TRƯỜNG CA *MẶT ĐƯỜNG KHÁT VỌNG* CỦA NGUYỄN KHOA ĐIỀM)

Ở chương *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*), khi hình dung về đất nước, Nguyễn Khoa Điềm thường dựa vào hai bình diện, hai hình ảnh chính là Đất và Nước (*Đất là nơi anh đến trường – Nước là nơi em tắm... Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc" – Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"... Đất là nơi Chim về – Nước là nơi Rồng ở*). Trong khi đó, hai bình diện chính, hai hệ thống hình ảnh chính mà Nguyễn Đình Thi lấy làm điểm tựa để hình dung về một đất nước toàn vẹn, lại là Đất và Trời (Đất nước đổi đời : *Gió thổi rừng tre phấp phới – Trời thu thay áo mới...* ; Đất nước giành lại chủ quyền : *Trời xanh đây là của chúng ta – Núi rừng đây là của chúng ta...* ; Đất nước đau thương : *Ôi những cánh đồng quê chảy máu – Dây thép gai đâm nát trời chiều...*). Ở đây cũng thế, hình ảnh đất nước Việt Nam vùng lên được nhìn nhận ở cả hai phía : Bầu trời và Mặt đất :

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ

Cả hai hợp lại thành một Tổ quốc Việt Nam tràn đầy hào khí.

timdapan.com

Nguyễn Đình Thi đã dụng công trong việc tiết chế ngòi bút, dồn khí lực vào bên trong để cuối cùng bùng lên thành sự công phá. Tương ứng với điều này là hình tượng một nước Việt Nam nung nấu đau thương, tích tụ căm hờn, âm thầm biến tất cả thành sức mạnh để cuối cùng quật khởi vùng lên. Ban đầu là cái nấu nung bên trong phát lộ ra thành nỗi bồn chồn : *Những đêm dài hành quân nung nấu – Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.* Nó bật lên thành tiếng : *Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu – Đã bật lên những tiếng căm hờn.* Rồi nó phát lộ ra thành tiếng kèn gọi quân : *Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng,* nó hiện ra trong vầng trán cháy rực : *Trán cháy rực nghĩ trời đất mới...* Đó là quá trình chuyển hoá kì diệu bên trong của sức sống dân tộc, quá trình những người áo vải hoá thành những anh hùng : *Ôm đất nước những người áo vải – Đã đứng lên thành những anh hùng.* Nhưng tất cả những điều đó chỉ nhằm vào cái đích cuối cùng là quật cường đồng khởi. Bốn câu cuối cùng này là đỉnh điểm của cảm xúc thơ, cũng là những nét vẽ cuối cùng hoàn tất hình tượng đất nước. [...]

Bức tranh hoành tráng sử thi về đất nước được vẽ bằng những nét bút lớn, đầy tính khái quát, tượng trưng : *Súng nổ rung trời giận dữ.* Lời thơ cũng đạt đến một độ hàm súc cao. Hai chữ *giận dữ* khiến cho ý thơ thật đa nghĩa. Bởi nó có tới hai chủ từ. Đó là tiếng súng giận dữ của con người hay bầu trời cũng đang nổi giận với kẻ thù ? Có lẽ là cả hai. Tội ác của chúng gieo rắc bao năm khiến cho trời không dung đất không tha. [...]

Trên cái phông nền ấy, hình tượng đất nước hiện lên như một thực thể vừa kì ảo vừa kì vĩ :

Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng loà. [...]

Bài thơ mở đầu bằng hương cốm hiền hoà trong những sáng thu muôn thuở để rồi kết thúc bằng hình ảnh quật cường, vừa dữ dội vừa oai hùng. Chỉ riêng điều đó đủ cho ta thấy sức sống kì diệu đã biến một nước Việt Nam hiền hoà thành một nước Việt Nam bất khuất. Khổ thơ kết này chính là cái thời điểm chót cùng của cuộc hoá thân màu nhiệm đó.

(Chu Văn Sơn, *Thơ, điệu hồn và cấu trúc*, NXB Giáo dục, 2007)

timdapan.com

VỀ BÀI THƠ *TÂY TIẾN* CỦA QUANG DŨNG

Tây Tiến có hai phần, phân cách bằng một đoạn thơ hai câu. Phần đầu, mười hai câu là chuyện dọc đường. Phần hai, mười sáu câu, không kể bốn câu kết là chuyện cuộc sống thường nhật của chiến sĩ Tây Tiến. Những buổi liên hoan, theo Quang Dũng kể, có cả nam đóng vai nữ rất đẹp... gái : *Kìa em xiêm áo tự bao giờ.* Cảnh trí nơi đóng quân cũng thật khó quên : *Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.* Quang Dũng tả cảnh chỉ chấm phá, xen kẽ ngoại giới với nội tâm : *hồn lau nẻo bến bờ,* nên diễn biến cảnh sắc nhanh, động. Ấn tượng thơ Quang Dũng luôn luôn mới, không bị thời gian làm cũ đi là do vậy. Người ở vùng rừng phía tây sốt rét nhiều, *đoàn binh không mọc tóc* có cả lí do vì bệnh tật, tóc rụng. *Quân xanh màu lá,* màu áo hay màu da ? Chắc cả hai ! Chỗ này tả lính rất khéo, nói được lính ốm mà không thấy lính yếu. Có tóc rụng, có da xanh, nhưng ấn tượng lưu lại là *dữ oai hùm.* So sánh hơi ghê ghê, nhưng không phải là doạ. Cái vẻ kì dị *không mọc tóc* và *mắt trừng gửi mộng* rào trước đón sau nên viết *dữ oai hùm* người đọc thấy là thật, thật ở cái bề ngoài. Còn bên trong những con người trông dữ dằn ấy ? *Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.* Hoá ra các "ông hùm" lại rất hiền, đa cảm, đa tình nữa. Câu thơ *kiều thơm* này và câu thơ *Gục lên súng mũ bỏ quên đời* một thời gian đã thành chứng cớ để phê phán Quang Dũng là tiểu tư sản. Quả là ở đây có chất thanh niên học sinh Hà Nội cũ, và tình cảm đó đúng là không đại diện cho đa số công nông. Nhưng nó không phải là đối kháng với công nông. Không nhất thiết và không bao giờ đạt được một kiểu vui buồn đồng nhất trong toàn xã hội, vậy cũng không nên ép buộc thơ ca. Quang Dũng đã diễn đạt tài năng cảm xúc của chính anh và lớp thanh niên Hà Nội những ngày đầu kháng chiến "xếp bút nghiên theo việc đao cung". Bài thơ được công chúng cách mạng yêu mến suốt mấy chục năm nay là bằng chứng về phẩm chất của nó.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Câu thơ gợi cảm bằng những từ Hán Việt, đây là lối nói của văn chương hồi đó, khi tình yêu còn được gọi là ái tình, người trai đi lính là khách chinh phu. Tuy nhiên ở bốn câu thơ đoạn này, mấy chữ đó lại phù hợp với không khí trang nghiêm, bi tráng của sự tưởng nhớ những người đã hi sinh. Trong đời sống cũng vậy thôi, nghi thức trang trọng đòi hỏi phải dùng chữ nghĩa. Ở đây thực ra chỉ là nghi thức của lòng người. Lòng người nhìn một manh chiếu

timdapan.com

khâm liệm cũng thấy đủ cái thiêng liêng nhuốm một chút không khí oai hùng, cổ xưa, bi thương, kì vĩ. Tạo được không khí ấy trong thơ là việc khó, cảm nhận được nó trong đời càng khó hơn. Bản chất lãng mạn trong hồn thơ Quang Dũng bộc lộ rõ ở đoạn thơ tài hoa này. Bài thơ nói nhiều đến mất mát nhưng không bi luỵ. Ý kết của bài thơ là một sự tiến lên, đi tiếp :

Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Ngày nay nhìn lại cuộc kháng chiến chống Pháp, chúng ta thấy nhiều thiếu thốn gian lao, nhiều thô sơ ấu trĩ trong đời sống, nhưng vẻ đẹp lí tưởng của con người thật là rực rỡ. Người ta sống bằng lí tưởng và nhìn những gian khổ mất mát bằng cái nhìn cao cả, bất cần, đôi khi ngây thơ nữa. Vẻ đẹp ấy rất gần với phẩm chất lãng mạn của thơ. Bài thơ *Tây Tiến* là một kết tinh đẹp đẽ của hiện thực đời sống đó.

(Vũ Quần Phương, *Thơ với lời bình*, NXB Giáo dục, 2003)

timdapan.com

ĐỌC THÊM

DỌN VỀ LÀNG

NÔNG QUỐC CHẤN

TIỂU DẪN

NÔNG QUỐC CHẤN

Nông Quốc Chấn (1923 – 2002), tên khai sinh là Nông Văn Quỳnh, dân tộc Tày, quê ở xã Châu Khê (nay là xã Cốc Đán), huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn. Ông tham gia cách mạng từ trước Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Nông Quốc Chấn công tác ở Tỉnh uỷ Bắc Cạn và bắt đầu hoạt động văn hoá, văn nghệ. Ông từng giữ nhiều trọng trách : Chủ tịch Hội Văn nghệ Khu Việt Bắc, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin, Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hoá Hà Nội,...

Tác phẩm chính : *Tiếng ca người Việt Bắc* (thơ, 1959), *Đèo gió* (thơ, 1968), *Suối và biển* (thơ, 1984), cùng một số tập thơ sáng tác bằng tiếng Tày như *Việt Bắc đánh giặc, Tiếng lượn cần Việt Bắc, Dám kha Pác Bó,...*

Nông Quốc Chấn là một trong những gương mặt văn hoá tiêu biểu, đại diện cho tầng lớp trí thức các dân tộc thiểu số trưởng thành trong đấu tranh cách mạng và chiến tranh vệ quốc. Đóng góp nổi trội của ông trong lĩnh vực sáng tác là thơ. Thơ Nông Quốc Chấn mang xúc cảm chân thành, chất phác, lời thơ toát lên nét riêng biệt trong suy tư và diễn đạt của người miền núi : giản dị, tự nhiên và giàu hình ảnh. Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Dọn về làng (1950) là bài thơ viết về quê hương tác giả trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp nhiều đau thương mà anh dũng. Bài thơ được trao giải Nhì tại Đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới ở Béc-lin, sau đó được dịch đăng trên tạp chí *Châu Âu*.

VĂN BẢN

Mẹ ! Cao – Lạng hoàn toàn giải phóng
Tây bị chết bị bắt sống hàng đàn
Vệ quốc quân chiếm lại các đồn
Người đông như kiến, súng đầy như củi
Sáng mai về làng, sửa nhà phát cỏ
Cày ruộng vườn trồng lúa ngô khoai

timdapan.com

Mấy tháng năm qua quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy
Chạy hết núi khe, cay đắng đủ mùi
Nhớ một hôm mịt mù mưa rơi
Cơn gió bão trên rừng cây đổ
Cơn sấm sét lán sụp xuống nát cửa
Đường đi lại vắt bám đầy chân.

Súng nổ kìa ! Giặc Tây lại đến lùng,
Từng cái lán, nó đốt đi trơ trụi,
Nó vét hết áo quần trong túi,
Mẹ địu em chạy tót lên rừng
Lần đi trước, mẹ vẫy con sau lưng
Tay dắt bà, vai đeo đầy tay nải
Bà bị loà mắt không biết lối bước đi.

Làm sao bây giờ ? Ta phải chống,
Giặc đã bắt cha con đi, nó đánh
Cha chửi Việt gian, cha đánh lại Tây
Súng liền nổ ngay cùng một loạt
Cha ngã xuống nằm trên mặt đất
Cha ơi ! Cha không biết nói rồi...
Chúng con còn thơ, ai dạy nuôi
Không ai chống gậy khi bà cụ qua đời !
Mẹ ngồi khóc con cúi đầu cũng khóc
Sợ Tây nghe, mẹ dỗ "nín", con im
Lán anh em rải rác không biết nơi tìm
Không ván, không người đưa cha đi chôn cất
Mẹ tháo khăn phủ mặt cho chồng
Con cởi áo liệm thân cho bố,
Mẹ con ẵm cha đi nằm ở chân rừng
Máu đầy tay, nước tràn đầy mặt...

timdapan.com

Mày sẽ chết ! Thằng giặc Pháp hung tàn
Băm xương thịt mày, tao mới hả !

Hôm nay Cao – Bắc – Lạng cười vang
Dọn lán, rời rừng, người xuống làng
Người nói cỏ lay trong rừng rậm
Cuốc đất dọn cỏ mẹ khuyên con
Đường cái kêu vang tiếng ô tô
Trong trường ríu rít tiếng cười con trẻ
Mờ mờ khói bếp bay trên mái nhà lá
Từ nay không ngập cỏ lối đi
Hổ không dám đến đẻ con trong vườn chuối
Quả trong vườn không lo tự chín, tự rụng
Ruộng sẽ không thành nơi máu chảy từng vũng

Mặt trời lên ! Sáng rõ rồi mẹ ạ !
Con đi bộ đội, mẹ ở lại nhà
Giặc Pháp, Mĩ còn giết người, cướp của trên đất ta
Đuổi hết nó đi, con sẽ về trông mẹ.

Mùa đông, 1950

(Tác giả dịch từ tiếng Tày,
Tuyển tập Nông Quốc Chấn, NXB Văn học, Hà Nội, 1988)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Cuộc sống gian khổ của nhân dân Cao – Bắc – Lạng và tội ác của giặc Pháp đã được diễn tả như thế nào ?
2. Nét độc đáo trong cách thể hiện niềm vui Cao – Bắc – Lạng được giải phóng qua phần đầu và phần cuối của bài thơ ?
3. Phân tích màu sắc dân tộc được biểu hiện qua cách sử dụng hình ảnh của tác giả.

timdapan.com

ĐỌC THÊM

TIẾNG HÁT CON TÀU

CHẾ LAN VIÊN

TIỂU DẪN

CHẾ LAN VIÊN

Chế Lan Viên (1920 – 1989) tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, quê gốc ở xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Từ năm 1927, gia đình ông chuyển vào An Nhơn, Bình Định. Sau khi tốt nghiệp Trung học, Chế Lan Viên đi dạy học ở trường tư, làm báo ở Sài Gòn và các tỉnh miền Trung. Ông tham gia Cách mạng tháng Tám ở Quy Nhơn. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông hoạt động văn nghệ và báo chí ở Liên khu IV và chiến trường Bình – Trị – Thiên. Sau năm 1954, ông về Hà Nội tiếp tục hoạt động văn học, nhiều năm tham gia lãnh đạo Hội Nhà văn Việt Nam. Sau năm 1975, ông vào sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục hoạt động văn học.

Chế Lan Viên là nhà thơ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam. Con đường thơ Chế Lan Viên trải qua nhiều chặng đường với những bước ngoặt đánh dấu sự chuyển biến tư tưởng và những tìm tòi đổi mới nghệ thuật của nhà thơ. Từ thế giới kinh dị, thần bí của *Điêu tàn*, sau Cách mạng, thơ Chế Lan Viên ngày càng bắt rễ sâu vào đời sống rộng lớn của nhân dân và đất nước. Trong những năm cao trào chống Mĩ cứu nước, thơ Chế Lan Viên nóng hổi tính thời sự, giàu chất sử thi, chất anh hùng ca và chất chính luận, có vẻ đẹp trí tuệ độc đáo. Từ sau năm 1975, thơ Chế Lan Viên lại trở về với đời sống thế sự và những trăn trở, chiêm nghiệm về "cái tôi" trong mối quan hệ phong phú, phức tạp của đời sống. Thơ Chế Lan Viên có phong cách độc đáo : có vẻ đẹp trí tuệ, luôn có ý thức khai thác triệt để những tương quan đối lập, giàu chất suy tưởng triết lí với thế giới hình ảnh đa dạng, phong phú, đầy sáng tạo. Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính : các tập thơ *Điêu tàn* (1937), *Ánh sáng và phù sa* (1960), *Hoa ngày thường, chim báo bão* (1967), *Những bài thơ đánh giặc* (1972), *Đối thoại mới* (1973), *Hoa trước lăng Người* (1976), *Hái theo mùa* (1977), *Hoa trên đá* (1984), *Di cảo thơ*, tập I (1992), tập II (1993), tập III (1996) ; các tập tiểu luận – phê bình *Vào nghề* (1962), *Phê bình văn học* (1962), *Suy nghĩ và bình luận* (1971), *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân* (1981).

timdapan.com

Bài thơ *Tiếng hát con tàu* rút từ tập *Ánh sáng và phù sa*, một tập thơ xuất sắc, kết tinh tư tưởng và nghệ thuật thơ Chế Lan Viên trên con đường thơ cách mạng. Bài thơ được gợi cảm hứng từ một sự kiện kinh tế – chính trị, xã hội : cuộc vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế ở miền núi Tây Bắc vào những năm 1958 – 1960.

VĂN BẢN

Tây Bắc ư ? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hoá những con tàu
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu.

Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chăng ?
Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô ? Tàu đói những vành trăng.

Đất nước mênh mông, đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chửa ra đi ?
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Trên Tây Bắc ! Ôi mười năm Tây Bắc
Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân.

Ơi kháng chiến[1] ! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường.
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương.

(1) *Kháng chiến* : chỉ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

timdapan.com

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.

Con nhớ em con, thằng em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc[1]
Mười năm tròn ! Chưa mất một phong thư.

Con nhớ mế[2]! Lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mế thức một mùa dài.
Con với mế không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương ?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng[3]

---

(1) Câu thơ này có bản in là : "Sáng bản Nam, chiều em qua bản Bắc". *Bản Na, bản Bắc* ở đây mang ý nghĩa tượng trưng, không phải là địa danh xác thực.

(2) *Mế* : từ gọi mẹ trong ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số, cũng dùng để gọi một cách thân mật và kính trọng những người phụ nữ cao tuổi.

(3) *Cánh kiến hoa vàng* : loài cây thân gỗ, là cây chủ cho loài cánh kiến kí sinh, vào mùa xuân nở hoa vàng lộng lẫy. Còn có cách hiểu khác : tổ cánh kiến do loài côn trùng này tiết ra, có màu đỏ thẫm, khi tổ cánh kiến nổi các chấm hoa vàng là lúc có thể thu hoạch được.

timdapan.com

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng,
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn toả nhớ mùi hương.

Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi ?
Tình em đang mong tình mẹ đang chờ,
Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội
Mắt ta thèm mái ngói đỏ trăm ga.

Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng
Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào
Rẽ người mà đi vịn tay mà đến
Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao.

Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đổ
Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ,
Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa[1],
Nay trở về, ta lấy lại vàng ta.

Lấy cả những cơn mơ ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng ?
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng.
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân.

(*Ánh sáng và phù sa*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

(1) *Vàng ta đau trong lửa* : lấy ý từ câu ca dao "Thật vàng chẳng phải thau đâu – Mà đem thử lửa cho đau lòng vàng". *Vàng* trong câu thơ này có nghĩa là tâm hồn thơ.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hình ảnh con tàu và Tây Bắc ngoài ý nghĩa cụ thể còn có ý nghĩa biểu tượng. Hãy đọc kĩ bài thơ để hiểu được ý nghĩa biểu tượng đó. Căn cứ vào nội dung bài thơ, hãy cắt nghĩa nhan đề và bốn câu thơ đề từ.
2. Bài thơ có thể chia làm mấy đoạn ? Nêu ý chính của từng đoạn. Bố cục đó thể hiện sự vận động tâm trạng của chủ thể trữ tình như thế nào ?
3. Niềm hạnh phúc lớn lao khi gặp lại nhân dân được nhà thơ thể hiện trong khổ thơ nào ? Phân tích đặc sắc về nghệ thuật của khổ thơ đó.
4. Hình ảnh nhân dân trong kỉ niệm của nhà thơ được gợi lên qua hình ảnh những con người cụ thể nào ? Phân tích những khổ thơ nói về những kỉ niệm đó để làm rõ sự gắn bó và lòng biết ơn sâu nặng của nhà thơ với nhân dân.
5. Hãy tìm những câu thơ thể hiện rõ nhất chất suy tưởng và triết lí của thơ Chế Lan Viên.
6. Nhận xét và đánh giá nghệ thuật sáng tạo hình ảnh của Chế Lan Viên trong bài thơ.

timdapan.com

ĐỌC THÊM

ĐÒ LÈN[1]

NGUYỄN DUY

TIỂU DẪN

NGUYỄN DUY

Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948, quê ở xã Đông Vệ, thị xã Thanh Hoá (nay là thành phố Thanh Hoá), tỉnh Thanh Hoá. Mẹ mất sớm, Nguyễn Duy ở với bà ngoại từ nhỏ. Trong tâm hồn của Nguyễn Duy, bà ngoại là hình ảnh gần gũi, thân thuộc nhất. Năm 1966, ông nhập ngũ. Từ năm 1971 đến năm 1975, vẫn đang khoác áo lính, Nguyễn Duy về học tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Cuối năm 1975, ông cùng đơn vị vào tiếp quản Vũng Tàu. Năm 1976, Nguyễn Duy vào sống và công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, là biên tập viên báo *Văn nghệ Giải phóng*, rồi làm Trưởng đại diện của báo *Văn nghệ* ở phía Nam.

Nguyễn Duy làm thơ rất sớm, khi đang còn là học sinh phổ thông. Năm 1973, ông đoạt giải Nhất cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* với chùm thơ : *Hơi ấm ổ rơm, Bầu trời vuông, Tre Việt Nam*. Thơ Nguyễn Duy có sự kết hợp hài hoà giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc, nhiều bài là tiếng nói khảng khái, bộc trực, đầy ngang tàng mà trầm tĩnh, giàu chiêm nghiệm và mang tinh thần công dân sâu sắc. Ông là một trong số không nhiều cây bút hiện nay đã góp phần làm mới thể lục bát bằng những tìm tòi theo hướng hiện đại, tạo nên nét độc đáo, hấp dẫn trong cấu trúc, hình ảnh và ngôn ngữ của thể thơ truyền thống này. Năm 2007, Nguyễn Duy được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính về thơ : *Cát trắng* (1973), *Ánh trăng* (1984), *Đãi cát tìm vàng* (1987), *Mẹ và em* (1987),... Ngoài thơ, ông còn viết tiểu thuyết, bút kí và một số thể loại khác như : *Em – Sóng* (kịch thơ, 1983), *Khoảng cách* (tiểu thuyết, 1986), *Nhìn ra bể rộng trời cao* (bút kí, 1986),...

Bài *Đò Lèn* được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu.

---

(1) *Đò Lèn* : địa danh ở Thanh Hoá, vùng quê tác giả.

timdapan.com

VĂN BẢN

Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá
níu váy bà đi chợ Bình Lâm
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần[1]

Thuở nhỏ tôi lên chơi đền Cây Thị[2]
chân đất đi đêm xem lễ đền Sòng[3]
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm
điệu hát văn[4] lảo đảo bóng cô đồng

Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan
bà đi gánh chè xanh Ba Trại
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư – thực
giữa bà tôi và tiên, Phật, thánh, thần
cái năm đói, củ dong riềng luộc sượng
cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm

Bom Mĩ giội, nhà bà tôi bay mất
đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn

---

(1), (2), (3) *Chùa Trần, đền Cây Thị, đền Sòng* : các địa danh ở Thanh Hoá, vùng quê tác giả.

(4) *Hát văn* (còn gọi là *hát chầu văn*) : hát có đàn hoà theo, để ca tụng thần thánh khi cúng bái hay lên đồng.

timdapan.com

Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại
dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi
khi tôi biết thương bà thì đã muộn
bà chỉ còn là một nấm cỏ thôi.

9 – 1983

(*Ánh trăng*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Trong bài thơ, cái tôi của tác giả thời tuổi nhỏ được tái hiện như thế nào ? Nét quen thuộc và mới mẻ trong cách nhìn của tác giả về chính mình trong quá khứ ?
2. Tình cảm sâu nặng của tác giả đối với bà mình được biểu hiện cụ thể như thế nào ?
3. Cách thể hiện tình thương bà của tác giả có gì đặc biệt ? So sánh nét riêng trong cách sử dụng hình ảnh thơ giữa hai tác giả cùng viết về một đề tài : Bằng Việt (*Bếp lửa*) và Nguyễn Duy (*Đò Lèn*).

timdapan.com

THỰC HÀNH MỘT SỐ PHÉP TU TỪ CÚ PHÁP

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Nắm được một số phép tu từ cú pháp thường dùng trong văn bản và có kĩ năng phân tích, sử dụng chúng.

I – PHÉP LẶP CÚ PHÁP

1. Trong các đoạn văn, thơ sau, có những câu không những lặp lại một số từ ngữ mà còn lặp lại kết cấu cú pháp.

– Hãy xác định những câu có lặp kết cấu cú pháp và phân tích kết cấu cú pháp đó.

– Cho biết phép lặp đó có tác dụng như thế nào.

a) *Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

b) *Trời xanh đây là của chúng ta*
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

(Nguyễn Đình Thi, *Đất nước*)

timdapan.com

c) *Nhớ sao lớp học i tờ*
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

(Tố Hữu, *Việt Bắc*)

2. So sánh hiện tượng lặp kết cấu cú pháp trong những câu văn xuôi, những câu thơ ở bài tập 1 với kết cấu của những câu thuộc các thể loại khác sau đây để thấy điểm giống nhau và khác nhau (về số tiếng trong câu, sự đối xứng, nhịp điệu và tác dụng,...) của chúng :

a) *Tục ngữ* :

– Bán anh em xa, mua láng giềng gần.

– Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.

b) *Câu đối* :

Cụ già ăn củ ấu non.
Chú bé trèo cây đại lớn.

c) *Thơ Đường luật* :

Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.

(Nguyễn Bỉnh Khiêm, *Nhàn*)

d) *Văn biền ngẫu* :

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh ; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ.

(Nguyễn Đình Chiểu, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*)

3. Hãy tìm trong các văn bản ở *Ngữ văn* 12 (tập một) ba câu văn (hoặc thơ) có dùng phép lặp cú pháp và phân tích tác dụng của phép lặp đó.

timdapan.com

II – PHÉP LIỆT KÊ

Phân tích hiệu quả của phép lặp cú pháp phối hợp với phép liệt kê trong hai đoạn trích sau :

a) *Các ngươi ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm ; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng ; đi thuỷ thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa ; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.*

(Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ*)

b) *Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.*

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

III – PHÉP CHÊM XEN

1. Phân tích bộ phận in đậm trong các câu sau về các mặt :

– Vị trí và vai trò ngữ pháp trong câu

– Dấu câu tách biệt bộ phận đó

– Tác dụng của bộ phận đó đối với việc bổ sung thông tin, biểu hiện tình cảm, cảm xúc,...

a) *Thị Nở xích lại. Đặt bàn tay lên ngực hắn (**thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong**), thị hỏi hắn :*

– Vừa thổ hả ?

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

timdapan.com

b) *Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc,* ***cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau****.*

(Nam Cao, *Chí Phèo*)

c) *Cô bé nhà bên (****có ai ngờ****)*
Cũng vào du kích.
Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích
*Mắt đen tròn (****thương thương quá đi thôi****).*

(Giang Nam, *Quê hương*)

d) *Bởi thế cho nên, chúng tôi,* ***Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam,*** *tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xoá bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xoá bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.*

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

2. Hãy viết đoạn văn (từ 3 đến 5 câu) về Tố Hữu và bài thơ *Việt Bắc*, trong đó có sử dụng phép chêm xen. Phân tích tác dụng của phép chêm xen trong trường hợp đó.

timdapan.com

SÓNG

XUÂN QUỲNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn và niềm khát khao hạnh phúc của người phụ nữ trong tình yêu.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, về xây dựng hình ảnh, nhịp điệu và ngôn từ của bài thơ.

TIỂU DẪN

Xuân Quỳnh (1942 – 1988) tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, quê ở La Khê, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Xuất thân từ một gia đình công chức, mồ côi mẹ từ nhỏ, Xuân Quỳnh ở với bà nội. Xuân Quỳnh từng là diễn viên múa Đoàn Văn công nhân dân Trung ương, là biên tập viên báo *Văn nghệ*, biên tập viên Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Uỷ viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khoá III.

XUÂN QUỲNH

Tác phẩm chính : thơ *Tơ tằm – Chồi biếc* (in chung, 1963), *Hoa dọc chiến hào* (1968), *Gió Lào cát trắng* (1974), *Lời ru trên mặt đất* (1978), *Tự hát* (1984), *Hoa cỏ may* (1989), *Bầu trời trong quả trứng* (thơ viết cho thiếu nhi, 1982) ; truyện thơ *Truyện Lưu Nguyễn* (1985).

Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường. Năm 2017, Xuân Quỳnh được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

timdapan.com

Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ in trong tập *Hoa dọc chiến hào*.

VĂN BẢN

Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ

Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên ?

Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu ?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

timdapan.com

Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh – một phương

Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.

Biển Diêm Điền, 29 – 12 – 1967

(*Hoa dọc chiến hào*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1968)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) có nhận xét gì về âm điệu, nhịp điệu của bài thơ ? Âm điệu, nhịp điệu đó được tạo nên bởi những yếu tố nào ?
2. Hình tượng bao trùm, xuyên suốt bài thơ là hình tượng *sóng*. Mạch liên kết các khổ thơ là những khám phá liên tục về sóng. Hãy phân tích hình tượng này.
3. Giữa *sóng* và *em* trong bài thơ có mối quan hệ như thế nào ? Anh (chị) có nhận xét gì về nghệ thuật kết cấu của bài thơ ? Người phụ nữ đang yêu tìm

timdapan.com

thấy sự tương đồng giữa các trạng thái của tâm hồn mình với những con sóng. Hãy chỉ ra sự tương đồng đó.

4. Bài thơ là lời tự bạch của một tâm hồn phụ nữ đang yêu. Theo cảm nhận của anh (chị), tâm hồn người phụ nữ đó có đặc điểm gì ?

GHI NHỚ

Qua hình tượng *sóng*, trên cơ sở khám phá sự tương đồng, hoà hợp giữa *sóng* và *em,* bài thơ diễn tả tình yêu của người phụ nữ thiết tha, nồng nàn, chung thuỷ, muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người. Từ đó thấy được tình yêu là một tình cảm cao đẹp, một hạnh phúc lớn lao của con người.

LUYỆN TẬP

Có nhiều câu thơ, bài thơ so sánh tình yêu với sóng và biển. Hãy sưu tầm những câu thơ, bài thơ đó.

timdapan.com

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy được sự cần thiết phải vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh trong bài văn nghị luận.
- Bước đầu nắm được cách vận dụng kết hợp các phương thức đó trong một đoạn, một bài văn nghị luận.

I – LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. Vận dụng các kiến thức đã học từ lớp 8, anh (chị) hãy trả lời các câu hỏi sau :

a) Vì sao trong một bài hoặc một đoạn văn nghị luận, cần vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả và biểu cảm ?

b) Để việc vận dụng các phương thức biểu đạt đó thực sự có tác dụng nâng cao hiệu quả nghị luận, chúng ta cần chú ý những điều gì ? Nêu ví dụ.

2. Biết vận dụng các phương thức tự sự, miêu tả và biểu cảm là cần nhưng chưa đủ. Trong rất nhiều trường hợp, để bài (đoạn) văn nghị luận có sức thuyết phục mạnh mẽ thì người viết (người nói) còn phải có khả năng vận dụng kết hợp phương thức biểu đạt thuyết minh. Nói như vậy có đúng không ? Vì sao ?

Gợi ý :

Để tìm lời giải đáp cho câu hỏi, có thể phân tích sự vận dụng phương thức thuyết minh trong đoạn trích sau :

Bấy lâu, ở Việt Nam, các bản báo cáo kinh tế định kì công bố rộng rãi thường chỉ nhắc đến GDP ("gross domestic product" – tổng sản phẩm quốc nội), là giá trị tính bằng tiền của tổng hàng hoá và dịch vụ sản xuất ra trên lãnh thổ

timdapan.com

nước ta trong một năm. Theo định nghĩa, những thứ do người nước ngoài tạo ra trên lãnh thổ Việt Nam đều được gộp vào GDP của Việt Nam. Chỉ số GDP lạnh lùng không cho biết bao nhiêu phần trăm trong số đó được dành cho người Việt.

Trong khi đó, GNP ("gross national product" – tổng sản phẩm quốc dân) của Việt Nam là tổng giá trị hàng hoá và dịch vụ do những người mang quốc tịch Việt Nam sản xuất ra trong một năm, ở cả trong và ngoài lãnh thổ nước mình. Chỉ tiêu này sẽ cho biết rõ thu nhập bình quân trong một năm mà mỗi người Việt Nam được hưởng. Song đã từ lâu lắm, chỉ tiêu này không được nhắc đến trong các báo cáo định kì cũng như trong các bản tin của giới truyền thông.

Ở các nước phát triển, GDP và GNP thường cách nhau không xa. Vì phần của nước ngoài sản xuất tại nước đó cũng xấp xỉ với phần do dân nước đó sản xuất ở nước ngoài, và người ta chuyển sang dùng GDP cho tiện lợi. Nhưng với những nước đang phát triển như nước ta, đầu tư ra nước ngoài còn ít mà nhận đầu tư của nước ngoài lại nhiều thì GNP bao giờ cũng thấp hơn GDP. Đầu tư của nước ngoài càng lớn thì khoảng cách GDP – GNP lại càng xa. Mà đối với nhân dân, tăng trưởng GNP bao nhiêu phần trăm chắc chắn quan trọng hơn là tăng trưởng GDP bao nhiêu phần trăm.

Vì thế, việc dùng chỉ tiêu GNP bên cạnh GDP vẫn còn hết sức cần thiết.

(*Theo* Hải Vân, *Không để chỉ số tăng trưởng GDP làm lạc hướng chúng ta !*, báo điện tử *Thanhnienonline*, ngày 23 – 11 – 2007)

3. Viết một bài văn nghị luận ngắn để phát biểu ý kiến trong buổi trao đổi về chủ đề "Nhà văn mà tôi hâm mộ" do Câu lạc bộ Văn học của nhà trường tổ chức.

Gợi ý :

a) Xác định chủ đề của bài phát biểu. Anh (chị) sẽ phát biểu về nhà văn nào và sẽ phát biểu những điều gì về người mà mình hâm mộ ấy ?

b) Tìm những luận điểm cần thiết để làm sáng tỏ chủ đề của bài phát biểu. Sắp xếp những luận điểm đó thành một dàn ý rành mạch, hợp lí.

c) Xét xem, cần vận dụng kết hợp thêm những phương thức biểu đạt nào, ở những chỗ nào và vận dụng như thế nào để bài phát biểu của mình có sức thuyết phục, hấp dẫn.

timdapan.com

d) Diễn đạt một trong các luận điểm thành một đoạn văn nghị luận có vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt.

Có thể tham khảo đoạn trích sau đây :

Thạch Lam sinh năm 1910, mất năm 1942, sự nghiệp văn học gồm truyện ngắn, truyện dài, truyện thiếu niên và những bài bình luận văn học. Tác phẩm đầu tay là một tập truyện ngắn in năm 1937, tập ***Gió đầu mùa****.* [...]

Nói đến nghệ thuật của Thạch Lam, tức là nói cụ thể đến nghệ thuật viết truyện ngắn của Thạch Lam. Một số truyện ngắn của Thạch Lam có thể coi như là mẫu mực được. [...]

Truyện ***Hai đứa trẻ*** *có một hương vị thật là man mác. Nó gợi một nỗi niềm thuộc về quá vãng, đồng thời cũng gióng lên một cái gì còn ở trong tương lai. Đây là một mẩu sinh hoạt hằng ngày và kéo dài của hai chị em đứa trẻ thay mẹ trông nom một gian hàng vặt ở một cái phố huyện, gần một cái ga xép. Đêm đêm có những bóng người bình thường lù mù đi qua trước gian hàng. Những bóng người ấy cũng lù mù như nhiều chấm lửa ở những nguồn ánh sáng quanh quất nơi phố huyện. Trong cái bốn bề chìm chìm nhạt nhạt, bỗng có những tiếng động mạnh và những luồng sáng mạnh của một chuyến xe lửa kéo qua hằng ngày. Hai chị em đứa trẻ ngày nào cũng chờ một chuyến tàu đêm kéo qua rồi mới chịu đóng cửa hàng. Nơi cái thế giới quan của đôi trẻ ở một phố quê, hình ảnh đoàn tàu và cái tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và của ước vọng. Đọc* ***Hai đứa trẻ****, thấy bận bịu vô hạn về một tấm lòng quê hương êm mát và sâu kín.* [...]

Dưới bóng hoàng lan*, nhân vật có bà và cháu, cháu đi làm trên tỉnh. Một cô thôn nữ Nga vẫn chờ đợi xây dựng với cái anh Thanh đi làm việc trên tỉnh kia. Cái bóng cây có hoa thơm ở đây, dưới ngòi bút Thạch Lam, cũng đóng một vai nhân vật. Nhân-vật-cây-có-hoa ấy đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm thơm lành, và mát dịu, và giúp thêm cho tác giả định nghĩa về danh từ quê hương, nó là "một nơi mát mẻ và sung sướng để thường về nghỉ sau việc làm". Bóng hoàng lan đây, là một cái bóng mát ở một chốn quê cũ của tuổi thơ trẻ, nó giúp cho người bộ hành nghỉ chân trên đường đời, trước khi tiến lên nhiều chặng nhiều quãng mới. Những cái bóng mát này, rất cần, mặc dù trong thực tế cuộc sống nhõn tiền, có nhiều chặng nghỉ, có nhiều cách nghỉ không hoàn toàn giống hầu như trong truyện, "có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải".* [...]

timdapan.com

Về Thạch Lam và đọc truyện ngắn Thạch Lam, tôi cứ nghĩ như đó là một người tính tình nhẹ nhàng tinh tế, từng trải sự sống ở một số mặt sống, vừa sống vừa lắng nghe chung quanh cùng là lắng nghe mình phản ứng trước mọi diễn biến cả bên ngoài bên trong mình. Rồi trang trọng đề nghị với mọi người cùng bàn về điều hơn lẽ thiệt, mặc dù cái điều hơn thiệt đưa ra bàn bạc có khi chỉ nhỏ như một sợi tóc...

(*Theo* Nguyễn Tuân, *Thạch Lam*, trong *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1988)

GHI NHỚ

- Trong văn nghị luận, phương thức biểu đạt nghị luận luôn giữ vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, người làm văn nghị luận vẫn có thể và nên vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh,... Việc vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn nghị luận phải xuất phát từ yêu cầu và mục đích nghị luận.
- Nếu được sử dụng hợp lí và khéo léo, các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh có thể làm cho bài (đoạn) văn nghị luận trở nên đặc sắc, có sức thuyết phục, hấp dẫn ; từ đó, hiệu quả nghị luận được nâng cao.

II – LUYỆN TẬP Ở NHÀ

1. Những nhận xét sau đây đúng hay sai ? Vì sao ?

a) Tác phẩm nghị luận có vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh nhất định phải hay hơn tác phẩm nghị luận không vận dụng các phương thức đó.

b) Tác phẩm nghị luận chỉ vận dụng kết hợp một trong các phương thức biểu đạt tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh thì không hay bằng tác phẩm vận dụng đồng thời hai, ba hoặc cả bốn phương thức nói trên.

2. Viết một bài (hoặc một đoạn) văn nghị luận có đề tài liên quan đến một vấn đề thời sự đang đặt ra một cách bức thiết trong đời sống (ví dụ : ô nhiễm môi trường ; tai nạn giao thông ; an toàn, vệ sinh thực phẩm ; gia đình trong thời hiện đại,...), trong đó nhất thiết phải vận dụng kết hợp ít nhất một trong bốn phương thức biểu đạt : tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh.

timdapan.com

Hãy nhìn dòng người đang cuộn chảy trên đường phố trong cái ngột ngạt của trưa hè nóng bức, ai cũng nghẹt thở vì chất thải của động cơ xe máy, ô tô, cho dù khẩu trang che kín mũi miệng. Hậu quả sẽ ra sao với sức khoẻ của con người ? Khó mà lường được. Nhưng trước mắt thì vẫn cứ phải tồn tại bằng cách thở hít vào phổi cái khói bụi độc hại đó để mà bươn chải với cuộc mưu sinh.

Ai đó mong có dịp về nông thôn để được hít thở không khí trong lành, sẽ khó tránh khỏi cảm giác thất vọng. Sự "trong lành" mà họ trông đợi đang bị huỷ hoại nghiêm trọng bởi chất thải công nghiệp, chất thải vô tội vạ của làng nghề, chất thải từ "mạnh ai nấy được" trong nuôi trồng thuỷ sản,... Sông Cầu tiếp nhận thêm ít nhất 180 000 tấn phân hoá học, 1 500 tấn thuốc trừ sâu ! Lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy bị nước thải đô thị xối thẳng trực tiếp làm nước sông đen ngòm và đang bốc mùi. Sông Thị Vải trong lưu vực sông Đồng Nai đã có đoạn bị chết kéo dài sau khu vực hợp lưu Suối Cả, Đồng Nai đến khu công nghiệp Mĩ Xuân...

Trở lại với chuyện thường ngày ở cái vạch dừng xe trên đường phố. Trong cái nóng thiêu đốt, tiếng gầm gào của các loại động cơ ô tô, xe máy làm cho bầu không khí càng thêm ngột ngạt. Rồi đây, "dân giàu" lên thêm, ô tô càng nhiều thêm, nơi cái vạch dừng xe của cái đường phố không thể mở rộng hơn để tương thích với sự phát triển đó sẽ càng thêm ngột ngạt và nghẹt thở.

Ở một số nước nghèo, bức xúc là chuyện tăng trưởng kinh tế để giảm nghèo cái đã, việc môi trường, tính sau. Người ta quên mất rằng, cái giá phải trả cho sự huỷ hoại môi trường sẽ cao hơn nhiều cho những sản phẩm có được của sự tăng trưởng kia. Không thể chỉ đơn thuần quan tâm thúc đẩy sự tăng trưởng mà còn phải thường trực đặt ra câu hỏi tăng trưởng như thế nào. Chẳng thế mà người ta khuyến cáo sử dụng chỉ số mới mang tên Tổng sản phẩm quốc gia "thuần" và "xanh", chứ không chỉ sử dụng GDP. "Thuần" là đòi hỏi phải điều chỉnh tổng sản phẩm sau khi đã khấu trừ các tài sản của đất nước bị hao hụt trong quá trình sản xuất. "Xanh", nghĩa là phải chú ý đến mức tiêu hao nguồn tài nguyên thiên nhiên đã bị khai thác gắn với sự huỷ hoại môi trường sống của con người khi tính GDP.

(*Theo* Tương Lai, *Môi trường và phát triển*,
báo điện tử *Nguoidaibieu.com.vn*)

timdapan.com

ĐÀN GHI TA[1] CỦA LOR-CA[2]

THANH THẢO

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Thấy được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Gar-xi-a Lor-ca.
- Hiểu và cảm nhận được mạch cảm xúc và suy tư đa chiều vừa sâu sắc vừa mãnh liệt của tác giả cùng nét độc đáo trong hình thức biểu đạt thơ mang phong cách tượng trưng.

TIỂU DẪN

Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1946, quê ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Thanh Thảo vào công tác ở chiến trường miền Nam. Từ mấy thập niên trước, Thanh Thảo đã được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến : *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trảng cỏ* (1978), *Những ngọn sóng mặt trời* (1981), *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988),...

---

(1) *Đàn ghi ta* : đàn có sáu dây kim loại hoặc nhựa tổng hợp bọc kim loại, mặt cộng hưởng hình thắt cổ bồng, trên có lỗ thoát âm. Ghi ta được coi là nhạc cụ truyền thống của đất nước Tây Ban Nha, vì thế, ngoài tên gọi chính, ghi ta còn được nhiều người gọi bằng một cái tên khác là Tây Ban cầm.

(2) *Lor-ca* : tên đầy đủ là Phê-đê-ri-cô Gar-xi-a Lor-ca (1898 – 1936), một trong những tài năng sáng chói của văn học hiện đại Tây Ban Nha. Từ nhỏ, Lor-ca đã được coi là thần đồng với năng khiếu thiên bẩm trên nhiều lĩnh vực của nghệ thuật : thơ ca, hội hoạ, âm nhạc, sân khấu,... Sau khi tốt nghiệp đại học Luật ở Gra-na-đa, năm 1919, Lor-ca lên Ma-đrít (thủ đô Tây Ban Nha) tham gia vào đời sống nghệ thuật. Trước một Tây Ban Nha, dưới sự cai trị của chế độ độc tài Pri-nô đê Ri-vê-ra, đã trở nên hết sức phản động về chính trị và đang trên đường già cỗi về nghệ thuật, Lor-ca vừa nồng nhiệt cổ vũ nhân dân đấu tranh với mọi thế lực áp chế, đòi quyền sống chính đáng vừa khởi xướng và thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân trong các lĩnh vực nghệ thuật. Sự có mặt của Lor-ca cùng nhiều tài năng khác lúc bấy giờ đã khiến cho đời sống tinh thần của Tây Ban Nha và cả một vùng rộng lớn thuộc khu vực Tây Âu trở nên sôi động. Hoảng sợ trước ảnh hưởng xã hội to lớn của Lor-ca, năm 1936, chế độ phản động cực quyền thân phát xít đã bắt giam và bắn chết ông. Cái chết của Lor-ca đã làm dâng lên một làn sóng phẫn nộ hết sức mạnh mẽ trên thế giới đối với bè lũ Phrăng-cô (một cách gọi thể chế thân phát xít lúc bấy giờ). Tên tuổi của Lor-ca từ đó trở thành một biểu tượng, là ngọn cờ tập hợp các nhà văn hoá Tây Ban Nha và thế giới chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ văn hoá dân tộc và văn minh nhân loại.

timdapan.com

THANH THẢO

Những năm gần đây, Thanh Thảo vẫn tiếp tục làm thơ đồng thời viết báo, tiểu luận phê bình và nhiều thể loại khác, nhưng đóng góp quan trọng và đặc sắc nhất của ông vẫn là thơ ca.

Thơ Thanh Thảo là tiếng nói của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muốn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi. Ông được coi là một trong số không nhiều cây bút luôn nỗ lực cách tân thơ Việt với xu hướng đào sâu vào cái tôi nội cảm, tìm kiếm những cách biểu đạt mới qua hình thức câu thơ tự do, xoá bỏ mọi ràng buộc, khuôn sáo bằng nhịp điệu bất thường để mở đường cho một cơ chế liên tưởng phóng khoáng nhằm đem đến cho thơ một mĩ cảm hiện đại với hệ thống thi ảnh và ngôn từ mới mẻ. Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* rút trong tập *Khối vuông ru-bích* là một trong những sáng tác tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ của Thanh Thảo : giàu suy tư, mãnh liệt, phóng túng trong xúc cảm và đương nhiên không dễ hiểu vì ít nhiều nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực mà ông học tập ở chính nhà thơ hiện đại Tây Ban Nha : Phê-đê-ri-cô Gar-xi-a Lor-ca.

VĂN BẢN

"khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn"

Ph.G. Lor-ca

những tiếng đàn bọt nước
Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt[1]
li-la li-la li-la
đi lang thang về miền đơn độc
với vầng trăng chếnh choáng
trên yên ngựa mỏi mòn

Tây Ban Nha
hát nghêu ngao

(1) *Áo choàng đỏ gắt* : áo choàng khoác ngoài màu đỏ của các võ sĩ đấu bò tót ở Tây Ban Nha. Khi vào sân đối diện với bò, các võ sĩ thường dùng áo này làm vật thu hút, dụ bò lao vào mình trong cuộc đấu.

timdapan.com

bỗng kinh hoàng
áo choàng bê bết đỏ
Lor-ca bị điệu về bãi bắn
chàng đi như người mộng du

tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy[1]
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy

không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
long lanh trong đáy giếng

đường chỉ tay[2] đã đứt
dòng sông rộng vô cùng
Lor-ca bơi sang ngang
trên chiếc ghi ta màu bạc

chàng ném lá bùa[3] cô gái Di-gan[4]
vào xoáy nước
chàng ném trái tim mình
vào lặng yên bất chợt

li-la li-la li-la...

(*Khối vuông ru-bích*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1985)

(1) *Cô gái ấy* : ở đây có thể chỉ An-na Ma-ri-a, người yêu của Lor-ca. Sau cái chết của Lor-ca, An-na Ma-ri-a ở vậy, không một lần lên xe hoa.

(2) *Đường chỉ tay* : những đường rãnh trên bàn tay. Theo tướng số học, những đường rãnh trên bàn tay mỗi người thể hiện những bí mật về tính cách, số phận và sinh mệnh của họ. Đường chỉ tay đứt, ấn định cái chết được báo trước qua điềm triệu thể hiện trên đường rãnh của bàn tay.

(3) *Bùa* : vật thường bằng giấy hoặc vải, có những dấu hiệu đặc biệt, được tin là có phép thiêng trừ ma quỷ, tránh được tai nạn, mê hoặc được người khác,...

(4) *Di-gan* : còn có tên gọi khác là người Bô-hê-miêng, một tộc người thích sống lang thang, tự do, mưu sinh bằng múa, hát, xem tướng và bùa chú.

timdapan.com

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ viết theo thể tự do, thiết lập cấu tứ trên dòng cảm xúc mãnh liệt về cái chết bi thảm của Lor-ca. Để nắm bắt mạch cảm xúc chính, hãy đọc kĩ và tìm khả năng gợi liên tưởng của các hình ảnh từ : *tiếng đàn bọt nước, áo choàng đỏ gắt, vầng trăng chếnh choáng, yên ngựa mỏi mòn* ; qua các hình ảnh : *áo choàng bê bết đỏ, tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta lá xanh, tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan, tiếng ghi ta ròng ròng máu chảy,...* ; đến : *Lor-ca bơi sang ngang, trên chiếc ghi ta màu bạc, chàng ném lá bùa cô gái Di-gan vào xoáy nước, ném trái tim mình vào lặng yên...*

2. Nêu cảm nhận của anh (chị) khi đọc đoạn thơ :

không ai chôn cất tiếng đàn
tiếng đàn như cỏ mọc hoang
giọt nước mắt vầng trăng
long lanh trong đáy giếng.

3. Hình tượng tiếng đàn trong bài thơ mang ý nghĩa ẩn dụ gì ?

GHI NHỚ

- Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* thể hiện nỗi đau xót sâu sắc trước cái chết bi thảm của Phê-đê-ri-cô Gar-xi-a Lor-ca, nhà thơ thiên tài Tây Ban Nha.
- Thái độ ngưỡng mộ người nghệ sĩ đại diện cho tinh thần tự do và khát vọng cách tân nghệ thuật của thế kỉ XX bị giết hại một cách phũ phàng được biểu đạt bằng một hình thức độc đáo : kết hợp hài hoà hai yếu tố thơ và nhạc về cấu tứ ; sức gợi mở đa dạng, phong phú về hình ảnh và sự mới mẻ về ngôn từ.

LUYỆN TẬP

Cảm nhận của anh (chị) về hình ảnh Ph.G. Lor-ca được thể hiện qua bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* ?

timdapan.com

ĐỌC THÊM

BÁC ƠI !

TỐ HỮU

TIỂU DẪN

Trong các nhà thơ Việt Nam hiện đại, Tố Hữu là người sáng tác nhiều nhất, có nhiều tác phẩm hay, sâu sắc và cảm động về Bác Hồ : *Hồ Chí Minh*, *Sáng tháng Năm*, *Cánh chim không mỏi*, *Theo chân Bác*,... Những tác phẩm ấy không chỉ là cảm nghĩ của cá nhân nhà thơ mà còn là tấm lòng của mọi người Việt Nam hướng về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Ngày 2 – 9 – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đang trong thời kì gay go, ác liệt. Cả dân tộc ta và nhân dân thế giới đã biểu lộ niềm đau xót, tiếc thương vô hạn trước sự qua đời của Bác – người anh hùng giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Bài thơ *Bác ơi !* của Tố Hữu được sáng tác trong không khí những ngày tang lễ ấy, như một tiếng khóc tiễn biệt, một "điếu văn bi hùng" bằng thơ.

VĂN BẢN

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa [1]...
Chiều nay con chạy về thăm Bác
Ướt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa !

Con lại lần theo lối sỏi quen
Đến bên thang gác, đứng nhìn lên
Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa ?[2]
Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn !

Bác đã đi rồi sao, Bác ơi !
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội
Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười !

---

(1) *Trời tuôn mưa* : trong những ngày diễn ra quốc tang Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở Hà Nội và nhiều địa phương miền Bắc có mưa lớn và kéo dài.

(2) Trên cánh cửa cuối thang gác lên nhà sàn của Bác Hồ có treo một cái chuông nhỏ để báo hiệu khi có khách.

timdapan.com

Trái bưởi kia vàng ngọt với ai
Thơm cho ai nữa, hỡi hoa nhài[1] !
Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm
Quanh mặt hồ in mây trắng bay...[2]

*

Ôi, phải chi lòng được thảnh thơi
Năm canh bớt nặng nỗi thương đời
Bác ơi, tim Bác mênh mông thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người.

Bác chẳng buồn đâu, Bác chỉ đau
Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu
Chỉ lo muôn mối như lòng mẹ
Cho hôm nay và cho mai sau...

Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa, mỗi cành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già.

Bác nhớ miền Nam, nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác, nỗi mong cha
Bác nghe từng bước trên tiền tuyến
Lắng mỗi tin mừng, tiếng súng xa.

Bác vui như ánh buổi bình minh
Vui mỗi mầm non, trái chín cành
Vui tiếng ca chung hoà bốn biển
Nâng niu tất cả, chỉ quên mình.

---

(1) Trong khu vườn cạnh nhà Bác ở Phủ Chủ tịch có trồng nhiều loại hoa và cây quen thuộc của làng quê Việt Nam như hoa nhài, hoa mộc, cam, bưởi, vú sữa,...

(2) Trước nhà Bác ở có một hồ nước nhỏ.

timdapan.com

Bác để tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch, chẳng vàng son
Mong manh áo vải, hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.

*

Ôi Bác Hồ ơi, những xế chiều
Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu !
Ra đi, Bác dặn : "Còn non nước..."[1]
Nghĩa nặng, lòng không dám khóc nhiều.

Bác đã lên đường, theo tổ tiên
Mác – Lê-nin, thế giới Người Hiền
Ánh hào quang đỏ thêm sông núi
Dắt chúng con cùng nhau tiến lên !

Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn
Yêu Bác, lòng ta trong sáng hơn
Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi
Vững như muôn ngọn dải Trường Sơn.

6 – 9 – 1969

(*Ra trận*, NXB Văn học, Hà Nội, 1972)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nỗi đau xót lớn lao trước sự kiện Bác Hồ qua đời đã được diễn tả như thế nào trong bốn khổ thơ đầu ?
2. Sáu khổ giữa bài thơ tập trung thể hiện hình tượng Bác Hồ như thế nào (về lí tưởng và lẽ sống ; niềm vui và tình thương, ân nghĩa ; đức tính khiêm tốn, giản dị và sự hi sinh quên mình) ?
3. Nêu rõ cảm nghĩ của mọi người Việt Nam trước sự ra đi của Bác (ba khổ thơ cuối).

(1) "*Còn non nước...*" : lấy ý câu thơ trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Còn non, còn nước, còn người – Thắng giặc Mĩ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay !".

timdapan.com

ĐỌC THÊM

TỰ DO

P. Ê-LUY-A

(Trích)

TIỂU DẪN

PÔN Ê-LUY-A

Pôn Ê-luy-a (1895 – 1952), nhà thơ Pháp, tên thật là Pôn Ơ-gien Granh-đen, sinh ở Xanh Đơ-ni, một thị trấn nhỏ ở phía bắc Pa-ri. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, ông bị động viên vào lính và bị thương. Năm 1919, ông tham gia trào lưu siêu thực[1] nhưng dần dần, ông nhận thức được rằng nghệ thuật không thể tách rời mà phải tham gia bảo vệ cuộc sống. Các sáng tác thơ của ông trong thời kì này mang nội dung chống chiến tranh đế quốc và giàu tính nhân đạo. Ông thoát li hẳn trào lưu siêu thực, tham gia mặt trận chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ nền cộng hoà Tây Ban Nha non trẻ. Năm 1942, ông vào Đảng Cộng sản Pháp. Ông viết : "Mùa xuân 1942, tôi vào Đảng Cộng sản và bởi vì đó là Đảng của nước Pháp, tôi phụng sự bằng mọi sức lực và cả cuộc đời tôi. Tôi muốn cùng mọi người trong nước tôi tiến lên phía trước, đến tự do, đến hoà bình, cuộc sống chân chính".

Với hơn sáu mươi thi phẩm, ông đã tạo ra một hình thức mới mẻ, giàu chất trí tuệ, tràn đầy khát vọng nhân văn. Thơ ông không chú trọng xây dựng các hình ảnh như thơ truyền thống mà hàm chứa suy luận trữ tình triết lí. Dấu ấn của chủ nghĩa siêu thực thể hiện khá đậm nét ở cách quan niệm bí ẩn, siêu hình về mối tương quan hữu cơ giữa các mặt đối lập trong thực tế như

(1) *Trào lưu siêu thực* (còn gọi là *chủ nghĩa siêu thực*) : khuynh hướng nghệ thuật xuất hiện ở Pháp năm 1922 và là một hình thức chống lại trật tự tư sản, hướng tới một hiện thực cao hơn, trừu tượng, bí ẩn hơn (siêu thực) mà chỉ có trực giác của con người mới nắm bắt được. Chủ nghĩa siêu thực khai thác mối quan hệ giữa thực và mộng, giữa vô thức và ý thức, để "giấc mơ và hiện thực sẽ chuyển hoá thành một thực tế tuyệt đối, một cái siêu thực". Chủ nghĩa siêu thực đề cao lối viết "tự động tâm linh", lối viết tự động tuôn trào theo cảm xúc, tạo ra kiểu chồng chất, xáo trộn các hình ảnh và kiểu câu thơ vắt dòng,... Các hình ảnh được kết hợp không tuân theo trật tự lôgíc thông thường hay được kiểm soát bằng lí tính mà chỉ là sự sắp xếp liền mạch ngẫu hứng để tạo ra hiệu quả ngạc nhiên, bất ngờ, phá vỡ những thói quen và khuôn mẫu sáng tác cũ.

timdapan.com

sống – chết, thực – ảo, cái có thực – cái tưởng tượng, cái cao cả – cái thấp hèn, cái quá khứ – cái tương lai,... và đó là đặc điểm riêng của thơ ông.

Bài thơ *Tự do* được viết vào mùa hè năm 1941, trong thời kì nước Pháp bị quân đội phát xít Đức xâm lược, in trong tập *Thơ ca và chân lí, 1942* (1942) và được coi là thánh ca của thơ ca kháng chiến Pháp. Ban đầu, Ê-luy-a định kết thúc bài thơ bằng tên của người phụ nữ mà ông yêu quý. Nhưng qua nhiều hoạt động giành tự do cho nước Pháp, với nhận thức mới, ông đã thay thế câu kết bằng hai chữ *Tự do*. Bài thơ gồm 21 khổ thơ, không kể dòng cuối cùng chỉ là chữ *Tự do* (được viết hoa). Mỗi khổ bốn câu, ba câu đầu viết theo thể thơ bảy âm tiết, câu thứ tư (cũng là điệp khúc của toàn bài) chỉ có bốn âm tiết. Nguyên bản bài thơ không có vần, không có các dấu chấm câu, trừ dấu chấm hết cuối bài. Bản dịch này có lược bớt một số khổ thơ rải rác ở giữa bài.

VĂN BẢN

Trên[1] những trang vở học sinh
Trên bàn học trên cây xanh
Trên đất cát và trên tuyết
Tôi[2] viết tên em

Trên những trang sách đã đọc
Trên những trang trắng chưa dùng
Đá máu giấy hoặc tro tàn
Tôi viết tên em

Trên hình ảnh rực vàng son
Trên gươm đao người lính chiến
Trên mũ áo các vua quan
Tôi viết tên em

Trên sa mạc trên rừng hoang
Trên tổ chim trên hoa trái

(1) Nguyên văn *sur* : một giới từ với nhiều nghĩa khác nhau như *trên, đối với, đến, về, vào,...* và được dịch tuỳ theo văn cảnh. Trong bài thơ, P. Ê-luy-a đã dùng 60 lần từ này.

(2) Nguyên văn *je* : đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất : *tôi, tao, tớ, mình,...* Trong bài, tác giả dùng 22 lần từ này.

timdapan.com

Trên thời thơ ấu âm vang
Tôi viết tên em

Trên điều huyền diệu đêm đêm
Trên khoanh bánh trắng hằng ngày
Trên các mùa cùng gắn bó
Tôi viết tên em

Trên những mảnh trời trong xanh
Trên ao mặt trời ẩm mốc
Trên hồ vầng trăng lung linh
Tôi viết tên em

Trên mỗi khoảnh khắc hừng đông
Trên đại dương trên tàu thuyền
Trên vùng núi non điên dại
Tôi viết tên em

Trên áng mây trôi bềnh bồng
Trên nhễ nhại cơn bão dông
Trên hạt mưa rào nhạt thếch
Tôi viết tên em

Trên cây đèn vừa thắp sáng
Trên cây đèn đang lụi dần
Trên cả họ hàng quây quần
Tôi viết tên em

Trên nơi trú ẩn tan hoang
Trên ngọn hải đăng đổ nát
Trên mấy bức tường ngao ngán
Tôi viết tên em

timdapan.com

Trên sức khoẻ được phục hồi
Trên hiểm nguy đã tan biến
Trên hi vọng chẳng vấn vương
Tôi viết tên em

Và bằng phép màu một tiếng
Tôi bắt đầu lại cuộc đời
Tôi sinh ra để biết em
Để gọi tên em
TỰ DO.

(Phùng Văn Tửu dịch)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc kĩ bài *Tự do* để hiểu được chủ đề tác phẩm. Tìm hiểu cách liệt kê các hình ảnh trong bài thơ (chú ý tính chất hình ảnh thị giác).
2. Tìm hiểu câu kết "Tôi viết tên em" của mỗi khổ thơ, cách lặp từ theo kiểu "xoáy tròn" (*Trên... trên...*) và nhạc điệu bài thơ. Phân tích cách sử dụng đại từ *em*.
3. So sánh ý nghĩa của từ *trên* được sử dụng nhiều lần trong bài để chỉ không gian và thời gian.
4. Trong câu thơ "Tôi viết tên em" được lặp đi lặp lại, *tôi* có thể là tác giả và cũng có thể là những độc giả của bài thơ ; *viết* có thể hiểu là "ghi, chép", có thể hiểu là "hành động". Từ đó hãy suy luận để chỉ ra tính chất thánh ca của bài thơ này trong cuộc kháng chiến chống phát xít Đức.

timdapan.com

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Củng cố những kiến thức và kĩ năng cơ bản về các thao tác lập luận đã học.
- Biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận để viết được một văn bản nghị luận ngắn về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống hoặc trong văn học.

I – LUYỆN TẬP TRÊN LỚP

1. Hãy nhắc lại các thao tác lập luận mà anh (chị) đã học cùng những đặc trưng cơ bản của từng thao tác.

2. Trong đoạn trích dưới đây, tác giả đã vận dụng kết hợp những thao tác lập luận nào ?

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

timdapan.com

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tuỷ, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

(Hồ Chí Minh, *Tuyên ngôn Độc lập*)

3. Viết một bài văn nghị luận (vận dụng kết hợp ít nhất ba thao tác lập luận khác nhau) bày tỏ ý kiến về một vấn đề đang đặt ra trong đời sống văn hoá – tinh thần của con người.

Gợi ý :

a) *Bước thứ nhất* :

– Xác định chủ đề của bài văn : Anh (chị) phát biểu về vấn đề cụ thể nào ? (ăn mặc ; giao tiếp, nói năng ; thưởng thức âm nhạc, điện ảnh ; đọc sách ;...)

– Xác định các ý kiến sẽ đưa ra trong bài phát biểu và sắp xếp chúng theo một dàn ý rõ ràng, mạch lạc, hợp lí.

b) *Bước thứ hai* : Suy nghĩ cách trình bày một luận điểm trong phần thân bài của dàn ý vừa xây dựng :

– Chọn luận điểm nào để trình bày ?

– Cần vận dụng kết hợp những thao tác lập luận nào để luận điểm được sáng tỏ và có sức thuyết phục, hấp dẫn người đọc (người nghe) ?

– Trong các thao tác lập luận đó, thao tác nào đóng vai trò chủ yếu ? Vì sao ?

– Cần kết hợp thao tác lập luận chủ yếu với các thao tác lập luận khác như thế nào để đoạn văn trở thành một khối chặt chẽ và thống nhất ?

c) *Bước thứ ba* :

– Diễn đạt các ý đã chuẩn bị thành một chuỗi câu văn đúng ngữ pháp, liên kết với nhau và thể hiện rõ phong cách ngôn ngữ chính luận.

– Đọc phần văn bản đã viết trước nhóm học tập (hay trước lớp) ; nghe góp ý của thầy (cô) giáo và các bạn để sửa chữa lại, nhằm nâng cao chất lượng của đoạn (bài) văn.

timdapan.com

Có thể tham khảo đoạn trích sau đây :

Đọc sách là sinh hoạt và nhu cầu trí tuệ thường trực của con người có cuộc sống trí tuệ. [...] *Không đọc sách tức là không còn nhu cầu về cuộc sống trí tuệ nữa. Và khi không còn có nhu cầu đó nữa, thì đời sống tinh thần của con người nghèo đi, mòn mỏi đi, và cuộc sống đạo đức cũng mất luôn nền tảng. Đây là một câu chuyện nghiêm túc, lâu dài và cần được trao đổi, thảo luận một cách cũng rất nghiêm túc, lâu dài. Tôi chỉ muốn thử nêu lên ở đây một đề nghị : Tôi đề nghị các tổ chức thanh niên của chúng ta, bên cạnh những sinh hoạt thường thấy hiện nay, nên có một cuộc vận động đọc sách trong thanh niên cả nước ; và vận động từng nhà gây dựng tủ sách gia đình. Gần đây có một nước đã phát động phong trào trong toàn quốc mỗi người mỗi ngày đọc lấy 20 dòng sách. Chúng ta cũng có thể làm như thế, hoặc vận động mỗi người trong một năm đọc lấy một cuốn sách. Cứ bắt đầu bằng việc rất nhỏ, không quá khó. Việc nhỏ đấy nhưng rất có thể là việc nhỏ khởi đầu một công cuộc lớn.*

(*Theo* Nguyên Ngọc, *Một đề nghị*,
tạp chí điện tử *Tiasang.com.vn*, ngày 19 – 7 – 2007)

II – LUYỆN TẬP Ở NHÀ

1. Sưu tầm những bài (đoạn) văn hay, trong đó tác giả đã sử dụng kết hợp thành công nhiều thao tác lập luận khác nhau.

2. Viết một văn bản nghị luận ngắn, trong đó vận dụng kết hợp ít nhất ba thao tác lập luận khác nhau để trình bày quan điểm, ý kiến của anh (chị) về :

– Nét đặc sắc mà anh (chị) đã phát hiện từ một bài thơ (một thiên truyện, một kịch bản văn học) ;

– Một tác phẩm văn học mới ra đời và đang được nhiều người quan tâm bàn luận ;

– Một nội dung kiến thức ngữ văn cần được tìm hiểu sâu hơn, kĩ hơn.

timdapan.com

ĐỌC THÊM

Trong tiểu thuyết thời cổ, thường người ta chỉ kể lại các việc làm, lời nói của nhân vật. Tiểu thuyết ngày nay thì lấy cách miêu tả nhân vật từ bên trong làm chính. Nhà văn như nhập vào trong nhân vật mà nhìn, nghe, xúc cảm, suy nghĩ, nói bằng lời nói của nhân vật. Ví dụ khi miêu tả Kiều ở lầu Ngưng Bích, Nguyễn Du[1] *không phải chỉ kể lại "lúc đó nàng buồn lắm và ngơ ngẩn nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ người yêu". Nguyễn Du đã nhập vào trong hồn Kiều mà nói lên những điều Kiều đang trông thấy, cảm thấy và suy nghĩ, thành đoạn thơ bất hủ : "Buồn trông cửa bể chiều hôm...". Khi miêu tả một quang cảnh của đời sống, nếu nhà văn chỉ đứng ngoài mà ghi lại như một người chụp ảnh, thì dù ngòi bút miêu tả thật giỏi, cảnh ấy vẫn mới là một bức ảnh chết. Trong cảnh phải có tình thì cảnh mới sống lên, vì vậy nhà văn phải miêu tả những quang cảnh qua tâm trạng của nhân vật trong truyện, hoặc nếu không có nhân vật thì qua tâm trạng của chính người viết. Khi Nguyễn Du viết "Một vùng cỏ áy bóng tà – Gió hiu hiu thổi một và bông lau" thì không phải chỉ có cảnh chiều, mà trong cảnh đó man mác những ý và tình* [...].

Hoạt động của tâm hồn con người có lẽ là cái gì phức tạp nhất trên thế giới. Theo tôi, các nhà tiểu thuyết lớn đều chú trọng miêu tả sự vận động rất biện chứng của tâm hồn con người ta. [...] *Trong* ***Truyện Kiều****, đoạn Thuý Kiều đau khổ quằn quại vì nỗi ngang trái của đời mình, từ lúc "Một mình nàng ngọn đèn khuya" cho tới lúc Kiều nói với Thuý Vân "Cậy em, em có chịu lời –, Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa", mới đầu còn là lời dặn dò nghẹn ngào với em, rồi sau Kiều nói chuyện một mình với số phận của mình cho đến lúc nỗi đau đớn càng tăng mãi, bật lên thành một tiếng kêu tuyệt vọng với người yêu ở phương xa, tất cả đoạn văn ấy miêu tả sự diễn biến của những ý nghĩ tình cảm, thật đã đến chỗ tuyệt diệu.*

(Nguyễn Đình Thi, *Mấy nhận xét nhỏ về nghệ thuật viết tiểu thuyết*, trong *Nguyễn Đình Thi, Tiểu luận – Bút kí*, Sđd)

(1) Theo tác giả, Nguyễn Du đã viết *Truyện Kiều* "với tất cả những phương pháp của nghệ thuật tiểu thuyết hiện đại, từ miêu tả ngoại cảnh đến miêu tả nội tâm, từ cấu trúc đến xây dựng nhân vật điển hình" ; và đấy là điều khiến ông thấy "ngạc nhiên".

timdapan.com

QUÁ TRÌNH VĂN HỌC VÀ PHONG CÁCH VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được khái niệm quá trình văn học, bước đầu có ý niệm về các trào lưu văn học tiêu biểu.
- Hiểu được khái niệm phong cách văn học, biết nhận diện những biểu hiện của phong cách văn học.

I – QUÁ TRÌNH VĂN HỌC

1. Khái niệm quá trình văn học

Văn học là một loại hình nghệ thuật, một hình thái ý thức xã hội đặc thù luôn vận động, biến chuyển. Diễn tiến của văn học như một hệ thống chỉnh thể với sự hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển qua các thời kì lịch sử được gọi là quá trình văn học. Các thời kì gồm có : cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại, đương đại ; trong từng thời kì lại có các giai đoạn cụ thể nối tiếp nhau. Từng thời kì và các giai đoạn gắn với văn học nhân loại nói chung và văn học mỗi dân tộc nói riêng. Ví dụ, văn học trung đại Việt Nam có các giai đoạn : từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV, từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII, từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, nửa cuối thế kỉ XIX ; văn học Việt Nam thế kỉ XX gồm các giai đoạn : từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

Quá trình văn học là sự vận động của văn học trong tổng thể. Nó bao gồm tất cả các tác phẩm văn học với chất lượng khác nhau, tất cả các hình thức tồn tại của văn học từ truyền miệng đến chép tay, in ấn. Nó cũng bao gồm các thành tố của đời sống văn học như tác giả và người đọc, các hình thức tổ chức hội đoàn, các hoạt động nghiên cứu, phê bình, dịch thuật, xuất bản, ảnh hưởng qua lại giữa văn học với các loại hình nghệ thuật khác, các hình thái ý thức xã hội khác,...

Quá trình văn học luôn tuân theo những quy luật chung. Trước hết, văn học gắn bó với đời sống, thời đại nào văn học ấy, những biến động lịch sử của xã hội thường tạo nên những chuyển biến trong lịch sử phát triển của văn học. Thứ hai, văn học phát triển trong sự kế thừa và cách tân : văn học dân gian là

timdapan.com

cội nguồn của văn học viết, người sau thâu nhận giá trị văn học của người trước và tạo nên những giá trị mới. Thứ ba, văn học một dân tộc tồn tại, vận động trong sự bảo lưu và tiếp biến : giữ gìn, phát huy những tinh hoa của truyền thống ; tiếp thu có chọn lọc và cải biến cho phù hợp những tinh hoa của văn học thế giới.

2. Trào lưu văn học

Hoạt động nổi bật trong quá trình văn học là trào lưu văn học, một hiện tượng có tính chất lịch sử, ra đời và mất đi trong một khoảng thời gian nhất định. Đó là một phong trào sáng tác tập hợp những tác giả, tác phẩm gần gũi nhau về cảm hứng, tư tưởng, nguyên tắc miêu tả hiện thực, tạo thành một dòng rộng lớn, có bề thế trong đời sống văn học của một dân tộc hoặc của một thời đại. Một trào lưu văn học có thể có nhiều khuynh hướng hoặc trường phái văn học ; cũng có khi nền văn học của một dân tộc không có trào lưu văn học, nhưng lại có các khuynh hướng, các trường phái văn học khác nhau.

Trong lịch sử văn học thế giới có một số trào lưu văn học lớn. *Văn học thời Phục hưng* ở châu Âu thế kỉ XV, XVI đề cao con người, giải phóng cá tính, chống lại tư tưởng khắc nghiệt thời Trung cổ (*Đôn Ki-hô-tê* của Xéc-van-tét, *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia,...). *Chủ nghĩa cổ điển* ở Pháp thế kỉ XVII coi văn học cổ đại là hình mẫu lí tưởng, luôn đề cao lí trí, sáng tác theo các quy phạm chặt chẽ (*Lơ Xít* của Coóc-nây[1], *Lão hà tiện* của Mô-li-e,...). *Chủ nghĩa lãng mạn* hình thành ở các nước Tây Âu sau Cách mạng tư sản Pháp năm 1789, đề cao những nguyên tắc chủ quan, thường lấy đề tài trong thế giới tưởng tượng của nhà văn, cố gắng xây dựng hình tượng nghệ thuật sao cho phù hợp với lí tưởng và ước mơ của nhà văn (*Những người khốn khổ* của V. Huy-gô, *Những tên cướp* của Si-le[2],...). *Chủ nghĩa hiện thực phê phán* thế kỉ XIX thiên về những nguyên tắc khách quan, chú ý chọn đề tài trong cuộc sống hiện thực, chủ trương "nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại", quan sát thực tế để sáng tạo các điển hình (sáng tác của Ban-dắc[3], Lép Tôn-xtôi,...). *Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa* thế kỉ XX miêu tả cuộc sống trong quá trình phát triển cách mạng, đề cao vai trò lịch sử của nhân dân (sáng tác của Mác-xim Go-rơ-ki, Gioóc-giơ A-ma-đô[4],...). Thế kỉ XX còn chứng kiến sự xuất hiện của

---

(1) *Coóc-nây* (1606 – 1684) : nhà bi kịch cổ điển Pháp.

(2) *Si-le* (1759 – 1805) : nhà văn Đức, chuyên viết bi kịch.

(3) *Ban-dắc* (1799 – 1850) : nhà văn hiện thực lớn của Pháp.

(4) *Gioóc-giơ A-ma-đô* (1912 – 2001) : nhà văn, nhà hoạt động chính trị – xã hội Bra-xin.

timdapan.com

các trào lưu hiện đại chủ nghĩa : *chủ nghĩa siêu thực* ra đời năm 1922 ở Pháp với quan niệm thế giới trên hiện thực mới là mảnh đất sáng tạo của nghệ sĩ (*Na-đi-a* của An-đrê Brơ-tông[1]) ; *chủ nghĩa hiện thực huyền ảo* trong văn học Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai với quan niệm thực tại còn bao gồm cả đời sống tâm linh, niềm tin tôn giáo, các huyền thoại, truyền thuyết (*Trăm năm cô đơn* của Gác-xi-a Mác-két) ; *chủ nghĩa hiện sinh* ra đời ở châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai tập trung miêu tả cuộc sống con người như một sự tồn tại huyền bí, xa lạ và phi lí (*Người xa lạ* của An-be Ca-muy[2]) v.v...

Ở Việt Nam, các trào lưu văn học lần đầu tiên xuất hiện vào khoảng những năm 30 của thế kỉ XX. Trong giai đoạn 1930 – 1945, hai trào lưu công khai nổi bật nhất là *trào lưu lãng mạn* và *trào lưu hiện thực phê phán*. Văn học lãng mạn phát triển rực rỡ trong phong trào Thơ mới với các tác giả tiêu biểu như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính,... và trong sáng tác của nhóm Tự lực văn đoàn với Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam,... Văn học hiện thực phê phán thành công trước hết trong lĩnh vực tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự với các tác phẩm của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyên Hồng,... Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, bộ phận văn học cách mạng (vốn tồn tại một cách không công khai trước đó) có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Cùng với quá trình xây dựng một nhà nước của dân, do dân, vì dân và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, ở Việt Nam đã hình thành *trào lưu văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa*. Tiêu biểu cho trào lưu này là các tác phẩm của Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Nguyên Ngọc, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng,... Từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX, văn học Việt Nam có sự đổi mới, chuyển biến mạnh mẽ, mở ra nhiều hướng phát triển, hiện đang được nghiên cứu để tổng kết, khái quát về các khuynh hướng.

II – PHONG CÁCH VĂN HỌC

1. Khái niệm phong cách văn học

"Thế giới được tạo lập không phải một lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ *độc đáo* xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập" (Mác-xen Prút[3]). Chính cái

---

(1) *An-đrê Brơ-tông* (1896 – 1966) : nhà lí luận, nhà thơ Pháp.

(2) *An-be Ca-muy* (1913 – 1960) : nhà văn, nhà lí luận của chủ nghĩa hiện sinh ở Pháp.

(3) *Mác-xen Prút* (1871 – 1922) : nhà văn Pháp.

timdapan.com

độc đáo ấy đã tạo nên phong cách văn học, dấu hiệu trưởng thành về bản lĩnh nghệ thuật của một cá nhân nhà văn, đồng thời sự xuất hiện của nhiều phong cách khác nhau còn chứng tỏ trình độ phát triển của một trào lưu văn học nào đó.

Phong cách văn học (hay phong cách nghệ thuật) nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống, bởi vì cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện những nhân tố mới mẻ, những cái không lặp lại bao giờ ; và nó cũng nảy sinh từ nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học, vì đó là một yếu tố quan trọng tạo nên tính hấp dẫn, sức sống của tác phẩm. Phong cách là những nét riêng biệt, độc đáo của một tác giả trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, những nét độc đáo ấy thể hiện trong tất cả các yếu tố nội dung và hình thức của từng tác phẩm cụ thể. Nói cách khác, phong cách là sự thể hiện tài nghệ của người nghệ sĩ trong việc đưa đến cho độc giả một cái nhìn mới mẻ về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân của người sáng tạo, vì thế Buy-phông viết : "Phong cách chính là người". Trong tác phẩm của Sếch-xpia "mỗi một ưu điểm nhỏ nhất cũng in dấu riêng, dấu ấn đó có thể lập tức nói với toàn thế giới rằng : *Tôi là Sếch-xpia*" (Lét-xinh)[1].

Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ. Quá trình văn học mang tính lịch sử cho nên phong cách cũng in đậm dấu ấn dân tộc và thời đại. Văn hào Vôn-te[2] nói : "Cũng giống như từ gương mặt, ngôn ngữ, hành động cụ thể có thể nhận ra quốc tịch của con người, thì cũng có thể từ phong cách sáng tác nhận ra một số là người Ý, người Pháp, người Anh hay người Tây Ban Nha một cách dễ dàng". Trong mỗi thời đại nhất định, do cùng có những điều kiện và trình độ phát triển chung của lịch sử, trong sáng tác của nhiều khuynh hướng văn học khác nhau có thể có những nét chung nào đó về tư duy nghệ thuật và kĩ thuật biểu hiện. Dù mỗi người có một "gương mặt" riêng, nhưng các nhà văn của Tự lực văn đoàn và các nhà thơ của phong trào Thơ mới đều góp phần tạo nên diện mạo chung của văn học lãng mạn Việt Nam 1932 – 1945. Nhà văn Tô Hoài nói về cái diện mạo chung ấy trong sáng tác của từng tác giả : "Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời".

---

(1) *Lét-xinh* (1729 – 1781) : nhà văn Đức.

(2) *Vôn-te* (1694 – 1778) : bút danh của Phrăng-xoa Ma-ri A-ru-ê, nhà văn Pháp.

timdapan.com

2. Những biểu hiện của phong cách văn học

Phong cách văn học biểu hiện trước hết ở cách nhìn, cách cảm thụ có tính chất khám phá, ở giọng điệu riêng biệt của tác giả. Viết về Đèo Ngang, Phạm Tiến Duật có một cách nhìn mới : "Bao nhiêu người làm thơ Đèo Ngang – Mà không biết con đèo chạy dọc" (*Đèo Ngang*). Cách cảm thụ hài hước của Nguyễn Công Hoan khơi ra mọi điều nghịch lí, nghịch cảnh : "Sự thành công của anh cu Bản đã làm cho vợ anh goá chồng" (*Ngậm cười*). Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, khi giới thiệu các tác giả, Phan Huy Chú thường có nhận xét ngắn gọn về giọng điệu của từng người : Trần Quang Khải thì "lời thơ thanh thoát, nhàn nhã", Trần Nguyên Đán thì "cảm khái thế sự, thân tuy ở ẩn, nhưng lòng không quên việc nước", Phùng Khắc Khoan thì "lời thơ trong trẻo, dồi dào, khí phách hùng hồn",...

Sự sáng tạo các yếu tố thuộc nội dung tác phẩm cũng in đậm dấu ấn riêng của tác giả, từ việc lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, thể hiện hình ảnh, nhân vật cho đến xác lập tứ thơ, triển khai cốt truyện,... Thạch Lam hướng ngòi bút tới cuộc sống và tâm hồn những con người "nhỏ bé", Vũ Trọng Phụng chú ý tới những góc khuất, những nơi tăm tối của xã hội trước Cách mạng. Ở sự vận động của tứ thơ về tình yêu, *Sóng* của Xuân Quỳnh thật cồn cào, da diết, còn *Hương thầm* của Phan Thị Thanh Nhàn lại dịu dàng, nhẹ thoảng mà đằm sâu, lan toả mênh mang.

Hệ thống phương thức biểu hiện, các thủ pháp kĩ thuật lưu lại đậm đặc cá tính sáng tạo của tác giả, từ việc sử dụng ngôn ngữ, tổ chức kết cấu, định vị thể loại cho đến cách kể chuyện, miêu tả ngoại hình, bộc lộ nội tâm,... Câu văn Nguyễn Tuân rất linh hoạt, không theo một khuôn mẫu, chuẩn mực nhất định, đó thường là những câu văn dài, xuôi theo dòng chảy dào dạt của cảm xúc, suy tư. Kim Lân có lối khắc hoạ nhân vật giàu chất tạo hình. Nguyễn Khải rất sắc sảo khi để nhân vật độc thoại nội tâm hay đối thoại nội tâm v.v...

Phong cách văn học là cái thống nhất trong sự đa dạng của sáng tác. Cái độc đáo, vẻ riêng phải xuất hiện thường xuyên, lặp đi lặp lại, có tính chất bền vững, nhất quán. Thống nhất từ cốt lõi, nhưng triển khai phải đa dạng, đổi mới. Nguyễn Trãi trong *Đại cáo bình Ngô*, *Quân trung từ mệnh tập* rất hào hùng, đanh thép, sắc bén, nhưng trong *Quốc âm thi tập* lại u hoài, trầm lắng, suy tư. Hồ Chí Minh trong truyện và kí thì hiện đại, nhưng thơ chữ Hán lại giàu sắc thái phương Đông cổ kính, thơ tiếng Việt đậm cốt cách dân gian.

timdapan.com

Độc đáo một cách đa dạng, bền vững mà luôn đổi mới, nhưng phong cách còn phải có phẩm chất thẩm mĩ, nghĩa là nó phải đem lại cho người đọc một sự hưởng thụ mĩ cảm dồi dào qua những tác phẩm giàu tính nghệ thuật, hay, sinh động, hấp dẫn. Chỉ khi đó dấu ấn của phong cách trong quá trình văn học mới được ghi nhớ mãi mãi, không thể phai mờ, nói một cách hình ảnh như nhà thơ Lê Đạt :

Mỗi công dân đều có một dạng vân tay
Mỗi nhà thơ thứ thiệt có một dạng vân chữ
Không trộn lẫn

(*Vân chữ*)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Quá trình văn học là gì ? Nêu các quy luật chung của quá trình văn học.

2. Xác định đặc trưng cơ bản của văn học Phục hưng, chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực phê phán, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nói vắn tắt về các trào lưu văn học hiện đại trên thế giới và các trào lưu văn học ở Việt Nam.

3. Thế nào là phong cách văn học ?

4. Phân tích những biểu hiện của phong cách văn học.

GHI NHỚ

Quá trình văn học là diễn tiến hình thành, tồn tại, thay đổi, phát triển của văn học qua các thời kì lịch sử. Hoạt động nổi bật của quá trình văn học là các trào lưu văn học. Thành tựu chính của quá trình văn học kết tinh ở các phong cách văn học độc đáo.

LUYỆN TẬP

1. Nhận xét vắn tắt sự khác biệt về đặc trưng của văn học lãng mạn và văn học hiện thực phê phán qua truyện *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân) và đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ* – Vũ Trọng Phụng).

2. Nêu những nét chính của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân và Tố Hữu.

timdapan.com

TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 3

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nhận ra những ưu điểm, nhược điểm về kiến thức và kĩ năng viết bài nghị luận văn học.
- Rút kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm và hạn chế nhược điểm để chuẩn bị cho bài làm văn tiếp theo.

1. Tham khảo tiết *Trả bài làm văn số 1*.

2. Ngoài ra, với tiết trả bài này cần lưu ý một số điểm sau :

– Mỗi bài viết có hai câu hỏi với những yêu cầu và điểm số đánh giá khác nhau. Cần rút kinh nghiệm về phân phối thời gian và dung lượng bài viết cho thích hợp.

– Chuẩn bị cho bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I :

Ôn tập lại các bài học của cả ba phần : Văn học, Tiếng Việt và Làm văn.

timdapan.com

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

NGUYỄN TUÂN[1]

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được vẻ đẹp đa dạng của con sông Đà vừa "hung bạo" vừa "trữ tình" cùng hình ảnh giản dị mà kì vĩ của người lái đò trên dòng sông ấy. Từ đó, thấy được tình yêu, sự đắm say của Nguyễn Tuân trước thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc.
- Hiểu và yêu mến tài năng nghệ thuật độc đáo của nhà văn được thể hiện trên những trang tuỳ bút.

TIỂU DẪN

Người lái đò Sông Đà là bài tuỳ bút được in trong tập *Sông Đà* (1960) của Nguyễn Tuân.

Sông Đà là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi, không chỉ để thoả mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ cho thoả niềm khát khao "xê dịch", mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên cùng "thứ vàng mười đã qua thử lửa" ở tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng đó. Vì thế, *Sông Đà* nói chung và bài tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà* nói riêng cho ta nhận ra diện mạo của một nhà văn Nguyễn Tuân mới mẻ, khát khao được hoà nhịp với đất nước và cuộc đời này, không giống với Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám, con người chỉ muốn xê dịch cho khuây cảm giác "thiếu quê hương".

Sông Đà nói chung và *Người lái đò Sông Đà* nói riêng còn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân : uyên bác, tài hoa, không quản nhọc nhằn để cố gắng khai thác kho cảm giác và liên tưởng phong phú, bộn bề, nhằm tìm cho ra những chữ nghĩa xác đáng nhất, có khả năng làm lay động người đọc nhiều nhất.

---

(1) Về tác giả Nguyễn Tuân, xem phần *Tiểu dẫn* bài *Chữ người tử tù*, SGK *Ngữ văn 11*, tập một.

timdapan.com

VĂN BẢN

"Đẹp vậy thay, tiếng hát trên dòng sông"

Wladyslaw Broniewski[1]

"Chúng thuỷ giai đông tẩu – Đà giang độc bắc lưu"[2]

(**Lược đoạn đầu :** *Tác giả trình bày mục đích chuyến đi thực tế Tây Bắc và sông Đà của mình chủ yếu là để tìm hiểu những con người ở đây mà ông gọi "thứ vàng mười đã qua thử lửa" của cách mạng và kháng chiến, hiện nay đang góp phần vào việc kiến thiết Tây Bắc. Tiếp đó, tác giả giới thiệu tài trí tuyệt vời của những người lái đò sông Đà trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh và liệt kê một loạt con thác sông Đà từ Vạn Yên về xuôi, trong đó có những con thác vô cùng "độc dữ, nham hiểm". Đáng sợ nhất là những cái hút nước "xoáy tít đáy" giữa lòng sông từng dìm xuống và xé tan tác những bè gỗ, những con thuyền vô ý bị nó lôi tuột xuống...*)

Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ[3] mới có mặt trời. Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt[4] bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất[5] tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạ đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để

---

(1) *Wladyslaw Broniewski* (Vla-đi-xláp Brô-ni-ép-xki, 1897 – 1962) : nhà thơ cách mạng Ba Lan.

(2) *Chúng thuỷ giai đông tẩu – Đà giang độc bắc lưu* : Mọi dòng sông đều chảy về hướng đông – Chỉ có sông Đà chảy theo hướng bắc (thơ Nguyễn Quang Bích).

(3) *Đúng ngọ* : giữa trưa.

(4) *Đòi nợ xuýt* : đòi người không mắc nợ mình một cách vô lí.

(5) *Khinh suất* : không thận trọng.

timdapan.com

lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông[1] dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dũng cảm dám ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà – từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée[2] lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thuỷ tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoáy tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vứt vào một cái cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hằng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. Nhìn cái thiên nhiên ấy, có những lúc thấy nó không "thơ đời Đường" nhàn hạ, mà thấy nó chính là một cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Tôi xin ghi ở đoạn này cái hình ảnh chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường Sông Đà, trên một quãng thuỷ chiến ở mặt trận Sông Đà.

... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gần mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông[3] rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da

---

(1) *Khuỷnh sông* : chỗ sông gấp khúc, uốn quanh lại.

(2) *Contre-plongée* (tiếng Pháp đọc là *công-tơ-rơ plông-giê*) : thuật ngữ điện ảnh, có nghĩa là quay ngược ống kính lên mà ghi hình.

(3) *Phá tuông* : phá để thoát ra.

timdapan.com

cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xoá cả một chân trời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung rít lên như tuyếc-bin thuỷ điện[1] nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xoá càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tuỳ theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận[2] trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sóng luồng mới đánh khuýp quật vu hồi[3] lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong-ke[4] chìm và pháo đài đá nổi ở tuyến ba phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thuỷ thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện[5] cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo võ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra

---

(1) *Tuyếc-bin* (phiên âm từ tiếng Pháp *turbine*) *thuỷ điện* : máy quay phát điện, quay nhờ sức nước đẩy.

(2) *Thạch trận* : trận địa xếp bằng đá. Tác giả tưởng tượng đá sông Đà bày thành trận để đón đánh người lái đò.

(3) *Vu hồi* : quay lại, đánh quật trở lại.

(4) *Boong-ke* (phiên âm từ tiếng Pháp *bunker*) : một kiểu lô cốt kiên cố của quân Pháp, thường xây chìm.

(5) *Thanh viện* : khích lệ, cổ vũ bằng âm thanh.

timdapan.com

giữa trận nước vang trời thanh la não bạt[1]. Sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí[2] ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò [...]. Mặt sông trong tích tắc loà sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ùa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng[3], đánh đòn tỉa, đánh đòn âm[4] vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi[5] thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước[6] hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn[7] sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh[8] trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thuỷ quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vẳng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba

---

(1) *Thanh la não bạt* : hai nhạc cụ bộ gõ, bằng đồng (còn gọi là phèng la, chũm choẹ) tạo âm thanh náo nhiệt, tưng bừng.

(2) *Vô sở bất chí* : không nơi nào không đến được, không biết thế nào là cùng.

(3) *Hồi lùng* : dồn dập.

(4) *Đòn âm* : đòn ngầm.

(5) *Trùng vi* : vòng vây có nhiều lớp.

(6) *Ải nước* : chỗ dòng nước thắt lại, chảy xiết. (Tác giả hình dung đấy như một cửa ải.)

(7) *Tả ngạn* (*tả* : bên trái ; *ngạn* : bờ) : bờ bên trái dòng sông, theo hướng từ nguồn ra biển.

(8) *Tế mạnh* : phi nhanh, lao mạnh.

timdapan.com

này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vặn mình vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam[1] và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh[2], về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá túa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi. Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với Sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo.

Trên Sông Đà, thỉnh thoảng có tàu bay lượn vòng ở quãng này ở quãng khác, có lẽ để chỉnh lí về bản đồ đất nước Tổ quốc. Tôi nghĩ nếu sau này làm phim truyện hoặc phim kí sự (tôi không muốn dùng mấy chữ *phim tài liệu*) màu về Sông Đà, nếu muốn phản ánh lên cái dữ tợn và cái lớn của Sông Đà của thác Sông Đà, cũng phải đưa ống quay phim lên tàu bay. Cho bay là là trên thác mà gí máy xuống mà lượn ống máy theo những luồng sinh của thác, trên thác hiên ngang một người lái đò Sông Đà có tự do, vì người lái đò ấy đã nắm được cái quy luật tất yếu của dòng nước Sông Đà.

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hằng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dỗi vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thuỷ Tinh "Núi cao sông hãy còn dài – Năm năm báo oán đời đời đánh ghen". Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra

---

(1) *Cơm lam* : cơm nấu bằng cách cho gạo vào ống tre hoặc nứa tươi rồi nướng cho chín.

(2) *Cá anh vũ, cá dầm xanh* : hai loại cá quý hiếm, thịt rất ngon, thường sống ở những quãng sông chảy qua vùng núi đá hoặc trung du.

timdapan.com

trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là *đen*[1] như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi "Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu"[2]. Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bẳn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê[3] của một chuyến xe lửa đầu tiên đường

---

(1) *Sông Đà là đen* : người Pháp gọi sông Đà là sông Đen (Rivière Noire).

(2) *Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu* : Xuôi (thuyền) về Dương Châu giữa tháng ba, mùa hoa khói (câu thơ của Lí Bạch trong bài *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*).

(3) *Còi xúp-lê* (tiếng Pháp *siffler* : cái còi) : tiếng còi báo hiệu của tàu bè hoặc của nhà máy.

timdapan.com

sắt Phú Thọ – Yên Bái – Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành : "Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương ?". Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên "Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình" của "một người tình nhân chưa quen biết" (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên.

(**Lược đoạn cuối :** *Tác giả cung cấp những thông tin về lịch sử, địa lí của sông Đà và lịch sử đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Tây Bắc, từ cuộc chiến đấu dưới lá cờ Cần vương của Chánh sứ sơn phòng Nguyễn Quang Bích "Lòng trung không nỡ bỏ Tây Châu – Giữ lấy Thao, Đà dải thượng lưu", từ cuộc nổi dậy của năm trăm phu vận tải người Thái chở thóc kho cho thực dân Pháp đã dùng mái chèo đánh lính áp tải, cướp thóc kho và đi theo Việt Minh, đến phong trào đấu tranh trong lòng địch của đồng bào các dân tộc Tây Bắc thời kháng chiến chín năm... Cuối cùng, tác giả trở về hiện tại, báo tin vui về kế hoạch cải tạo sông Đà sắp được khởi công, bắt con sông hung dữ phải phục vụ cho cuộc sống của nhân dân Tây Bắc.*)

1960

(*Nguyễn Tuân toàn tập*, tập IV,
NXB Văn học, Hà Nội, 2000)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Chứng minh rằng Nguyễn Tuân đã quan sát công phu và tìm hiểu kĩ càng khi viết về sông Đà và người lái đò sông Đà.
2. Trong thiên tuỳ bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc hoạ được một cách ấn tượng hình ảnh của một con sông Đà hung bạo ?
3. Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình ?
4. Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông hung dữ. Từ đó, hãy cắt nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên

timdapan.com

nhiên Tây Bắc quý như vàng, nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là vàng mười của đất nước ta.

5. Chọn phân tích một số câu văn thể hiện rõ nhất nét tài hoa về bút pháp trong cách sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Tuân.

GHI NHỚ

- *Người lái đò Sông Đà* là một áng văn đẹp được làm nên từ tình yêu đất nước say đắm, thiết tha của một con người muốn dùng văn chương để ca ngợi vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên, và nhất là của con người lao động bình dị ở miền Tây Bắc.
- Tác phẩm còn cho thấy công phu lao động nghệ thuật khó nhọc, cùng sự tài hoa, uyên bác của người nghệ sĩ Nguyễn Tuân trong việc dùng chữ nghĩa để tái tạo những kì công của tạo hoá và những kì tích lao động của con người.

LUYỆN TẬP

1. Tìm đọc trọn vẹn tuỳ bút *Người lái đò Sông Đà*.
2. Phân tích và phát biểu cảm nghĩ về một đoạn văn khiến anh (chị) thấy yêu thích, say mê nhất trong thiên tuỳ bút.

timdapan.com

CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Phát hiện, phân tích và sửa chữa được các lỗi về lập luận.

I – LỖI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NÊU LUẬN ĐIỂM

1. Tìm hiểu những đoạn văn sau và cho biết việc nêu luận điểm mắc lỗi gì.

a) *Cảnh vật trong bài thơ* ***Thu điếu*** *của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ. Ngõ trúc quanh co, sóng nước gợn tí, lá vàng đưa vèo, chiếc thuyền bé tẻo teo... Cảnh vật dường như ngưng đọng, im lìm. Bởi vậy, nét bút của Nguyễn Khuyến đã tạo dựng thành công cảnh sắc im ắng ấy.*

b) *"Nam nhi vị liễu công danh trái,*
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu."

Người làm trai thời xưa luôn mang theo bên mình món nợ công danh, mang khao khát "vinh quy bái tổ", "chức cao vọng trọng" để làm rạng danh tổ tiên, để mở mày mở mặt với thiên hạ... Phạm Ngũ Lão cũng mang theo bên mình món nợ công danh, nhưng qua hai câu thơ của ông có thể thấy cách nhìn, hoài bão và khao khát của ông cao hơn, xa hơn hẳn kẻ tầm thường. Theo ông, người làm trai phải trả món nợ công danh để không hổ thẹn với những người đi trước mình, những người xung quanh mình và quan trọng hơn là không hổ thẹn với chính bản thân mình.

c) *Văn học dân gian ra đời từ thời xa xưa nhưng đến nay vẫn tiếp tục phát triển. Nhắc đến nó, người ta hình dung ngay ra một cuốn sách bách khoa về cuộc sống. Tiếp nhận văn học dân gian là tiếp nhận tri thức hữu ích từ cuộc sống. Không cần lí lẽ, hình ảnh quá trừu tượng mà chính là kinh nghiệm từ đời sống phong phú sinh động đã khiến văn học dân gian có sức hấp dẫn. Ví như câu tục ngữ : "Cơn đằng đông vừa trông vừa chạy – Cơn đằng nam vừa làm vừa chơi". Câu tục ngữ đã đúc kết được kinh nghiệm từ thực tế : Cơn mưa từ đông kéo tới thì mưa rất nhanh. Trái lại, cơn mưa đằng nam kéo đến thì rất lâu mới có mưa. Câu tục ngữ này đã giúp ích rất nhiều cho bà con nông dân.*

2. Hãy chữa lại những đoạn văn trên để nêu rõ luận điểm cần trình bày.

timdapan.com

II – LỖI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NÊU LUẬN CỨ

1. Chỉ rõ các lỗi nêu luận cứ trong các đoạn văn sau :

a) *"Nắng xuống, trời lên xanh bát ngát*
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."

Thường khi nắng chiều đã xuống thì bầu trời trở nên xanh mênh mông bát ngát, cảnh đẹp của quê hương cũng không lấp được nỗi mênh mông trống trải cô đơn trong lòng người.

b) *Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta thấy dân tộc ta anh hùng hào kiệt thời nào cũng có. Hai Bà Trưng phất ngọn cờ hồng khởi nghĩa đánh tan Thái thú Tô Định, buộc hắn phải trốn vào đám loạn quân chạy về nước. Đất nước sau hơn hai thế kỉ bị phong kiến nước ngoài đô hộ đã giành được thắng lợi hoàn toàn.*

c) *Lịch sử dân tộc ta đã ghi lại biết bao nhiêu trang sử hào hùng với những tên tuổi sáng chói muôn đời. Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán. Nguyễn Huệ đánh tan quân xâm lược nhà Thanh. Lê Lợi đại phá quân Minh. Ải Chi Lăng mãi là mồ chôn quân xâm lược. Đời Trần Hưng Đạo lãnh đạo nhân dân đánh đuổi quân Nguyên, giành lại nền độc lập cho đất nước. Cửa biển Bạch Đằng lập chiến công lừng lẫy non sông. Những tên tuổi đó mãi mãi sống cùng non sông đất nước.*

2. Hãy sửa lỗi trong các đoạn văn trên.

III – LỖI VỀ CÁCH THỨC LẬP LUẬN

1. Xác định, phân tích các lỗi về cách thức lập luận trong các đoạn văn sau :

a) *Từ xưa, vẻ đẹp và số phận người phụ nữ luôn là một đề tài chủ đạo trong thơ văn. Trong nền văn học trung đại Việt Nam, nhiều tác giả đã viết về đề tài này như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Dữ, Đặng Trần Côn,... Nhưng người đã phản ánh một cách sâu sắc nhất bi kịch của người phụ nữ chính là Nguyễn Du.*

b) *Nam Cao viết nhiều về nông thôn. Lão Hạc ăn bả chó tự tử để tránh đói. Anh cu Phúc chết lặng trong xó nhà ẩm ướt, trước những đôi mắt "dại đi vì đói" của hai đứa con. Bà cái đĩ chết vì một bữa no, tức là một kiểu chết vì quá đói. Lại có cảnh đám cưới, nhưng cưới để chạy đói.*

timdapan.com

c) *Mùa thu là một đề tài gợi nhiều cảm hứng cho thi nhân. Chính vì thế, mùa thu đã là một thi đề quen thuộc trong thơ ca trung đại Việt Nam. Tinh tế và sâu lắng nhất phải kể đến cảnh thu với nỗi sầu muộn vô biên của Đỗ Phủ (**Thu hứng**). Còn trong thơ ca Việt Nam trung đại, Nguyễn Khuyến chính là nhà thơ của mùa thu làng quê với chùm thơ **Thu vịnh**, **Thu điếu**, **Thu ẩm**.*

2. Hãy sửa lỗi trong các đoạn văn trên.

GHI NHỚ

Khi viết văn nghị luận, nên chú ý tránh một số lỗi :

– Nêu luận điểm trùng lặp hoặc không rõ ràng, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết.

– Nêu luận cứ thiếu chính xác, thiếu chân thực, không đầy đủ, không liên quan mật thiết đến luận điểm cần trình bày, trùng lặp hoặc quá rườm rà.

– Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm.

timdapan.com

AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG ?

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được tình yêu, niềm tự hào tha thiết, sâu lắng mà Hoàng Phủ Ngọc Tường dành cho dòng sông quê hương, cho xứ Huế thân yêu và cũng là cho đất nước.
- Nhận biết được đặc trưng của thể loại bút kí và nghệ thuật viết bút kí trong bài.

TIỂU DẪN

Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 tại thành phố Huế, quê gốc ở làng Bích Khê, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông học tại Huế hết bậc Trung học; tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm Sài Gòn năm 1960 và Trường Đại học Huế năm 1964. Năm 1966, Hoàng Phủ Ngọc Tường thoát li lên chiến khu, tham gia cuộc kháng chiến chống Mĩ bằng hoạt động văn nghệ. Ông từng là Tổng thư kí Hội Văn học nghệ thuật Trị Thiên – Huế, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên, Tổng biên tập tạp chí *Cửa Việt*.

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

Hoàng Phủ Ngọc Tường là một trong những nhà văn chuyên về bút kí. Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và tính trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hoá, lịch sử, địa lí,... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa. Năm 2007, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Các tác phẩm bút kí chính : *Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu* (1971), *Rất nhiều ánh lửa* (1979), *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (1986), *Hoa trái quanh tôi* (1995), *Ngọn núi ảo ảnh* (1999),...

Ai đã đặt tên cho dòng sông ? là bài bút kí xuất sắc, viết tại Huế, ngày 4 – 1 – 1981, in trong tập sách cùng tên. Bài bút kí có ba phần, văn bản dưới đây trích phần thứ nhất.

timdapan.com

VĂN BẢN

[...] Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất. Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng. Nhưng chính rừng già nơi đây, với cấu trúc đặc biệt có thể lí giải được về mặt khoa học, đã chế ngự sức mạnh bản năng ở người con gái của mình để khi ra khỏi rừng, sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở. Nếu chỉ mải mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương với cuộc hành trình gian truân mà nó đã vượt qua, không hiểu thấu phần tâm hồn sâu thẳm của nó mà dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khoá trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng.

Phải nhiều thế kỉ qua đi, người tình mong đợi mới đến đánh thức người gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại. Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén ; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thềm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế. Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lựu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc

timdapan.com

trên nền trời tây nam thành phố, "sớm xanh, trưa vàng, chiều tím" như người Huế thường miêu tả. Giữa đám quần sơn lô xô ấy, là giấc ngủ nghìn năm của những vua chúa được phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u của những lăng tẩm đồ sộ toả lan khắp cả một vùng thượng lưu "Bốn bề núi phủ mây phong – Mảnh trăng thiên cổ bóng tùng Vạn Niên". Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lí, như cổ thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà...

Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biền bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam – đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến ; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu. Và như vậy, giống như sông Xen của Pa-ri, sông Đa-nuýp của Bu-đa-pét ; sông Hương nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quý của mình ; Huế trong tổng thể vẫn giữ nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương toả đi khắp phố thị, với những cây đa, cây cừa[1] cổ thụ toả vầng lá u sầm xuống những xóm thuyền xúm xít ; từ những nơi ấy, vẫn lập loè trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê[2] xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được. Những chi lưu ấy, cùng với hai hòn đảo nhỏ trên sông đã làm giảm hẳn lưu tốc của dòng nước, khiến cho sông Hương khi qua thành phố đã trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Tôi đã đến Lê-nin-grát, có lúc đứng nhìn sông Nê-va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân ; mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng ; và đoàn tàu tốc hành lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt qua trước cung điện Pê-téc-bua cũ để ra bể Ban-tích. Tôi vừa

(1) *Cây cừa* : một loại cây thân gỗ, mọc ven sông, giống cây si nhưng lá to và dày hơn.

(2) *Linh hồn mô tê* : linh hồn mộc mạc, dân dã nào đó.

timdapan.com

từ trong khói lửa miền Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Lê-nin-grát đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi dại ; ôi, tôi muốn hoá làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thuỷ tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vỗ tay, nhưng sông Nê-va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo. Hai nghìn năm trước, có một người Hi Lạp tên là Hê-ra-clít, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh[1], thế vậy ! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi, chợt thấy quý điệu chảy lặng lờ của nó khi ngang qua thành phố... Đấy là điệu *slow* tình cảm dành riêng cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng.

Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày, hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm[2] của những mái chèo khuya. Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này, với một *phiến trăng sầu*. Và từ đó, những bản đàn đã đi suốt đời Kiều. Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc *Kiều* : "Trong như tiếng hạc bay qua – Đục như tiếng suối mới sa nửa vời"... Đến câu ấy, người nghệ nhân chợt nhổm dậy vỗ đùi, chỉ vào trang sách Nguyễn Du mà thốt lên : "Đó chính là *Tứ đại cảnh* !"[3].

Rời khỏi kinh thành, sông Hương chếch về hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ. Và rồi, như sực nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị

---

(1) Câu nói của Hê-ra-clít, nhà triết học Hi Lạp cổ đại : "Không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông", hàm ý "vạn vật biến chuyển", không lặp lại.

(2) *Tiếng nước rơi bán âm* : chỉ tiếng nước rơi trầm đục theo cách cảm nhận âm nhạc.

(3) *Tứ đại cảnh* : tên một bản nhạc cổ Huế, tương truyền do vua Tự Đức sáng tác.

timdapan.com

trấn Bao Vinh xưa cổ. Đối với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay dõi xa ngoài mười dặm trường đình. Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa êm ái của nó, khúc quanh này thực bất ngờ biết bao. Có một cái gì rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây ; và để nhân cách hoá nó lên, tôi gọi đấy là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, ở ngã rẽ này, sông Hương đã chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả : "Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ...". Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian ; ấy là tấm lòng người dân nơi Châu Hoá xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở.

*

* *

[...] Hiển nhiên là sông Hương đã sống những thế kỉ quang vinh với nhiệm vụ lịch sử của nó, từ thuở nó còn là một dòng sông biên thuỳ xa xôi của đất nước các vua Hùng. Trong sách địa dư của Nguyễn Trãi, nó mang tên là Linh Giang, dòng sông viễn châu đã chiến đấu oanh liệt bảo vệ biên giới phía nam của Tổ quốc Đại Việt qua những thế kỉ trung đại. Thế kỉ mười tám, nó vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ ; nó sống hết lịch sử bi tráng của thế kỉ mười chín với máu của những cuộc khởi nghĩa, và từ đấy sông Hương đã đi vào thời đại Cách mạng tháng Tám bằng những chiến công rung chuyển. Cùng với niềm cổ vũ nồng nhiệt dành cho nó trong mùa xuân Mậu Thân, Huế đã nhận được những lời chia buồn sâu sắc nhất của thế giới về sự tàn phá mà đế quốc Mĩ đã chụp lên những di sản văn hoá của nó. "Các trung tâm lớn của chúng ta về lịch sử, văn hoá, học thuật và về chính quyền rất nhiều. Phải hiểu rằng Huế là một thành phố kết hợp tất cả những cái đó, giống như các thành phố Luân Đôn, Pa-ri và Béc-lin,... Một số trong các di sản đó đã bị phá huỷ lúc Thành Nội Huế bị ném bom. Không thể so sánh sự mất mát này với sự mất mát của một viện bảo tàng hay một thư viện ở Mĩ. Sự phá huỷ những di sản này cũng có tính chất giống như sự mất mát xảy ra đối với nền văn minh châu Âu khi một số công trình của nền văn minh Hi Lạp và La Mã cổ đại bị đổ nát vì các nhà thờ bị phá hoại". Đó là sự đánh giá đầy phẫn nộ của chính người Mĩ, Ra-pha-en Li-tao-ơ, Noóc-man U-phốp và nhóm giáo sư Đại học Coóc-nen, trong một tác phẩm khoa học đầy mùi thuốc nổ và hoá chất độc mang tên *Cuộc chiến tranh không quân ở Đông Dương*.

timdapan.com

Tháng trước, tôi được dịp có mặt trong cuộc tiếp đón ở Thành uỷ Huế chào mừng đoàn đại biểu của Hội nghị tổng kết chiến tranh, tại thành phố. Thay mặt Quân uỷ Trung ương, đồng chí Đại tướng phát biểu : "Lịch sử Đảng đã ghi bằng nét son tên của thành phố Huế, thành phố tuy nhỏ nhưng đã cống hiến rất xứng đáng cho Tổ quốc"... Đồng chí nói, đầu cúi xuống ngực, hai bàn tay chắp lại trong cử chỉ kính cẩn của người già mắt ngấn lệ ; và người nghe, tất cả đều lặng đi trong cảm xúc đột ngột của một lời thề.

Sông Hương là vậy, là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước. Thỉnh thoảng, tôi vẫn còn gặp trong những ngày nắng đem ra phơi, một sắc áo cưới của Huế ngày xưa, rất xưa : màu áo điều lục với loại vải vân thưa màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong, tạo thành một màu tím ẩn hiện, thấp thoáng theo bóng người, thuở ấy các cô dâu trẻ vẫn mặc sau tiết sương giáng. Đấy cũng chính là màu của sương khói trên sông Hương, giống như tấm voan huyền ảo của tự nhiên, sau đó ẩn giấu khuôn mặt thực của dòng sông...

Có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ. Mỗi nhà thơ đều có một khám phá riêng về nó : từ xanh biếc thường ngày, nó bỗng thay màu thực bất ngờ, "Dòng sông trắng – lá cây xanh" trong cái nhìn tinh tế của Tản Đà, từ tha thướt mơ màng nó chợt nhiên hùng tráng lên "như kiếm dựng trời xanh" trong khí phách của Cao Bá Quát ; từ nỗi quan hoài vạn cổ với bóng chiều bảng lảng trong hồn thơ Bà Huyện Thanh Quan, nó đột khởi thành sức mạnh phục sinh của tâm hồn, trong thơ Tố Hữu. Và ở đây, một lần nữa, sông Hương quả thực là *Kiều*, rất *Kiều*, trong cái nhìn thấm thiết tình người của tác giả *Từ ấy*.

Có một nhà thơ từ Hà Nội đã đến đây, tóc bạc trắng, lặng ngắm dòng sông, ném mẩu thuốc lá xuống chân cầu, hỏi với trời, với đất, một câu thật bâng khuâng :

– Ai đã đặt tên cho dòng sông ?

(Tóm tắt phần thứ hai : *Những thành tựu khảo cổ học cho biết, nằm dưới lòng đất làng Thành Trung ngày nay, nơi ngã ba Sình, phía tả ngạn sông Hương, những di tích của thành cổ Hoá Châu được xây dựng từ thời viễn cổ. Đây là một địa điểm có vị trí chiến lược quan trọng nơi biên giới phía Nam của nước Việt cổ, từng chứng kiến nhiều chiến công chống xâm lược rất oanh*

timdapan.com

liệt của nhân dân ta qua nhiều triều đại phong kiến. Hoá ra sông Hương và thành phố Huế có cả một bề dày lịch sử hết sức oai hùng.

Tóm tắt phần thứ ba : *Người làng Thành Trung có nghề trồng rau thơm. Ở đây có một huyền thoại kể rằng, vì yêu quý con sông xinh đẹp, nhân dân hai bờ sông Hương đã nấu nước của trăm loài hoa đổ xuống dòng sông cho làn nước thơm tho mãi mãi.*

Ai đã đặt tên cho dòng sông ? Có lẽ huyền thoại trên đã giải đáp câu hỏi ấy chăng ?)

(*Ai đã đặt tên cho dòng sông ?*,
NXB Thuận Hoá, Huế, 2002)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Sông Hương vùng thượng lưu được tác giả miêu tả như thế nào ? Những hình ảnh, chi tiết, những liên tưởng và thủ pháp nghệ thuật nào cho thấy nét riêng trong lối viết kí của tác giả ?
2. Đoạn tả sông Hương chảy xuôi về đồng bằng và ngoại vi thành phố bộc lộ những phẩm chất nào trong ngòi bút của tác giả ? Hiệu quả thẩm mĩ của lối viết đó ?
3. Sông Hương khi chảy vào thành phố Huế có nét đặc trưng gì ? Phát hiện của tác giả về nét riêng biệt của dòng sông cho thấy những điều gì trong tình cảm của tác giả với xứ Huế và dòng sông ?
4. Tác giả đã tô đậm những phẩm chất gì của sông Hương trong lịch sử và thơ ca ? Phân tích cách nhìn độc đáo mang tính phát hiện của tác giả.
5. Qua đoạn trích, anh (chị) có nhận xét gì về nét riêng trong văn phong của tác giả ?

GHI NHỚ

Đoạn trích bài bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* là đoạn văn xuôi súc tích và đầy chất thơ về sông Hương. Nét đặc sắc làm nên sức hấp dẫn của đoạn văn là những xúc cảm sâu lắng được tổng hợp từ một vốn hiểu biết phong phú về văn hoá, lịch sử, địa lí và văn chương cùng một văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế và tài hoa.

LUYỆN TẬP

Anh (chị) tâm đắc nhất với đoạn văn nào trong bài bút kí ? Qua đoạn văn đó, hãy phân tích những nét đặc sắc về ý tưởng, hình ảnh và ngôn ngữ của tác giả.

timdapan.com

ĐỌC THÊM

NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI

VÕ NGUYÊN GIÁP

(Trích *Những năm tháng không thể nào quên*)

TIỂU DẪN

VÕ NGUYÊN GIÁP

Võ Nguyên Giáp (1911 – 2013), quê ở xã Lộc Thuỷ, huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình. Ông bắt đầu hoạt động cách mạng từ năm 1925 và là một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 12 – 1944, ông được Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Tháng 8 – 1945, ông là Uỷ viên Uỷ ban Quân sự Bắc Kì, là thành viên Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc. Cách mạng tháng Tám thành công, ông là Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Năm 1948, ông được phong hàm Đại tướng, là Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam, rồi Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông từng trực tiếp chỉ huy chiến dịch Biên giới năm 1950, chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Võ Nguyên Giáp là Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam (1951 – 1982), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1946 – 1980), Phó Thủ tướng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1978 – 1992).

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam. Cuộc đời ông luôn song hành cùng những chặng đường lịch sử của dân tộc trong thế kỉ XX. Với tầm tư tưởng và tầm văn hoá lớn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tái hiện những chặng đường ấy trong nhiều tác phẩm hồi kí (do người khác ghi lại) : *Những năm tháng không thể nào quên* (1970), *Chiến đấu trong vòng vây* (1978), *Điện Biên Phủ – điểm hẹn lịch sử* (1994),...

Phần trích sau đây là chương XII của tập hồi kí *Những năm tháng không thể nào quên* (do nhà văn Hữu Mai thể hiện). Tên bài do người biên soạn đặt.

VĂN BẢN

Tôi viết những dòng này vào những ngày tháng Năm năm 1970.

Đã rất xa, cái ngày mà người nước ngoài không sao tìm ra nước Việt Nam trên những tấm bản đồ. Tổ quốc có mấy ngàn năm lịch sử của chúng ta cùng với hai nước láng giềng Cam-pu-chia,

timdapan.com

Lào khi đó chỉ là một dải đất ở ven Thái Bình Dương, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, mang một cái tên mơ hồ do bọn thực dân đặt ra : Ấn-độ-chi-na thuộc Pháp.

Cũng đã xa rồi, cái ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà còn là một hòn đảo của Tự do, hiện lên giữa những lớp sóng cồn, trên biển cả mênh mông của chủ nghĩa tư bản ở miền Đông Nam châu Á. Anh em bè bạn còn chưa mấy ai nhận ra ta. Cũng chưa mấy ai thấy hết ý nghĩa quan trọng của sự kiện lịch sử này.

Thời kì làm mưa làm gió của chủ nghĩa đế quốc đã qua.

Ngày nay, mỗi hành động kẻ cướp của chúng trên bán đảo Đông Dương này, đều trở thành những bước đi phiêu lưu và không tránh khỏi bị trừng phạt. Mỗi tội ác của chúng gây ra tại đây đều động tới lương tri, tới tình cảm của hàng trăm triệu con người, ở các miền khác nhau trên trái đất. Mọi cách tô son trát phấn cực kì tốn kém của chủ nghĩa thực dân đối với bọn nguỵ quyền tay sai đều hoài công, vô ích. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời giữa lửa đạn ác liệt, lập tức được sự hân hoan chào đón của cả loài người tiến bộ từ lâu đã trông chờ. Chính phủ vương quốc đoàn kết dân tộc Cam-pu-chia vừa công bố thành lập, đã được hàng chục nước gần xa công nhận.

Ngày nay, khi mấy trăm vạn quân Quốc dân đảng Trung Hoa chỉ còn là những bóng ma trong dĩ vãng, Tưởng Giới Thạch đang sống nốt những ngày tàn trên đảo Đài Loan, ta thật khó hình dung lại những giờ phút hiểm nghèo khi gần hai chục vạn quân Tưởng từ mấy ngả ập vào miền Bắc[1].

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới sinh, nằm giữa bốn bề hùm sói, phải tự dốc sức mình đấu tranh dũng cảm, mưu trí, phải tìm mọi cách để sống còn. Trước hoàn cảnh gay go và cấp bách ấy, như Bác đã nói sau này, theo cách nói riêng của Người : "Đảng phải dùng những phương pháp – dù là những phương pháp đau đớn – để cứu vãn tình thế". Ở Người, mọi vấn đề, mọi chuyện của Đảng, của nước, của dân đều trở thành những rung động sâu xa trong tình cảm.

Đảng của giai cấp công nhân mới mười lăm tuổi đã giành được chính quyền. Trên dải đất của ông cha để lại, mùa xuân của dân tộc từ hôm nay, đã bắt đầu. Tin vui lớn lao đó, chưa thể báo với bè bạn xa gần một cách trọn vẹn.

Tháng Tám năm 1945, Bác nhân danh nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc viết thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa. Đầu tháng Chín, Bác ra mắt nhân dân với danh hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một bí danh Bác đã dùng mấy năm

---

(1) Gần hai chục vạn lính Tưởng Giới Thạch do tướng Lư Hán chỉ huy theo lệnh của Đồng minh vào miền Bắc giải giáp quân đội Nhật, thực chất là nhằm kìm hãm phong trào cách mạng của dân tộc ta.

timdapan.com

trước để che mắt bọn Quốc dân đảng Trung Hoa. Những người cách mạng đã qua thời kì ẩn náu, lẩn tránh, về sống giữa đồng bào. Nhưng mọi hoạt động của Đảng vẫn tiến hành theo phương thức bí mật. Những cán bộ của Đảng chưa ra làm việc công khai. Hầu hết các đảng viên đều công tác dưới danh nghĩa những cán bộ Việt Minh. Đảng ta chủ trương hết sức tránh kích thích kẻ thù của dân tộc và của giai cấp. Nhưng, kẻ thù vẫn nhận ra ta.

Chính quyền cách mạng thành lập nhiều ngày, vẫn chưa được nước nào công nhận. Bọn tướng lĩnh Tưởng buộc phải giao dịch với ta để có lương thực, có nhà cửa. Khi tới gặp Bác, trong lúc xưng hô, chúng phải dùng danh hiệu và chức vụ của Bác là Hồ Chủ tịch. Nhưng, trong mọi giấy tờ gửi Bác, chúng chỉ đề là : "Hồ Chí Minh tiên sinh" (Thưa ngài Hồ Chí Minh). Chúng coi chính quyền ta là một chính quyền chỉ tồn tại trên thực tế, không phải là một chính quyền tồn tại về pháp lí.

Tình hình kinh tế hết sức khó khăn. Phần lớn ruộng đất ở Bắc Bộ bỏ hoang. Hết nạn lụt, đến nạn hạn hán kéo dài. Một số nhà máy Nhật trao trả chưa thể cho chạy được. Việc buôn bán với nước ngoài đình trệ. Nạn khan hiếm hàng hoá nghiêm trọng.

Về tài chính, ta chưa phát hành được tiền Việt Nam. Kho bạc giành được từ tay chính quyền cũ, chỉ có một triệu bạc rách. Một triệu bạc tiền giấy đang xuống giá để xây dựng chính quyền và cuộc sống mới ! Chưa kể đến ngân hàng Đông Dương của bọn Pháp luôn luôn gây rối loạn về mặt tiền tệ. Lại thêm quân Tưởng tung rất nhiều tiền Quan kim trên thị trường, làm cho tài chính và việc buôn bán của ta càng nguy ngập.

Đời sống của nhân dân rất thấp. Số người không có công ăn việc làm tăng nhanh. Nhiều nơi, đồng bào phải ăn cháo. Lác đác, lại có người chết đói. Dịch tả đã phát sinh. Quân Tưởng vào, đem thêm dịch chấy rận.

Cuộc xâm lăng của giặc Pháp nổ ra rất sớm tại Nam Bộ, làm cho tất cả những khó khăn trên càng thêm trầm trọng.

Trong hoàn cảnh như vậy, ta phải làm những gì để xây dựng xã hội mới, một công việc còn khó khăn hơn là phá bỏ nền móng của xã hội cũ. Công việc đó, giai cấp công nhân lại chỉ mới bắt tay làm lần đầu.

Dù sao, tình hình cũng đã khác trước. Cách mạng đã giành được chính quyền. Chính quyền đã cung cấp cho cách mạng những phương tiện, những khả năng mới để giữ gìn nó.

timdapan.com

Vấn đề đặt ra cấp bách lúc này là phải củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng.

Từ thượng tuần tháng Chín, nhiều sắc lệnh, nghị định của Chính phủ lâm thời được ban hành.

Hệ thống quan lại cũ bị giải tán. Bộ máy chính quyền của thực dân, phong kiến bị hoàn toàn đập tan. Chính phủ quyết định sẽ mở tổng tuyển cử trong cả nước để bầu ra Quốc dân đại hội. Tiếp theo đó, là sắc lệnh tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp theo lối phổ thông đầu phiếu. Hội đồng nhân dân sẽ do chính nhân dân lựa chọn, trực tiếp bầu ra. Đó là cơ quan thay mặt cho dân. Uỷ ban hành chính do Hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan hành chính vừa thay mặt cho dân, vừa thay mặt cho Chính phủ. Qua những cuộc bầu cử này, chính quyền nhân dân được củng cố vững chắc ở cơ sở, vừa mở rộng khối đoàn kết của toàn dân, vừa bảo đảm sự thực hiện công nông chuyên chính.

Bản dự án Hiến pháp được công bố, để mỗi công dân đều có thể đóng góp ý kiến của mình vào Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Chính phủ quyết định địa chủ phải giảm tô[1] 25%. Tất cả những món nợ lâu đời ở nông thôn đều xoá bỏ.

Chế độ lao động ngày làm tám giờ được ban hành. Chủ xí nghiệp, chủ hãng buôn phải báo trước khi thải công nhân ; tiền phụ cấp cho công nhân bị thải hồi được ấn định. Công nhân có quyền theo học các lớp huấn luyện quân sự và được hưởng lương trong thời gian học tập.

Việc học chữ quốc ngữ trở thành bắt buộc và không mất tiền. Một sắc lệnh đặt ra Bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam, lập cho thợ thuyền và nông dân những lớp học bình dân buổi tối, bỏ tiền thi và tiền học ở tất cả các bậc.

Ngay từ đầu tháng Chín, thuế thân, thứ thuế thực dân Pháp đánh hằng năm vào đầu mỗi người từ mười tám tuổi trở lên, cùng với nhiều thứ thuế vô lí khác đều bị bãi bỏ.

Trong tình hình kinh tế, tài chính khó khăn, Chính phủ làm thế nào có tiền để giải quyết các khoản chi phí cần thiết, nhất là những chi phí to lớn về quốc phòng ?

---

(1) *Tô* : nói tắt từ *địa tô*, tức là tiền hoặc hiện vật (thóc, ngô, khoai,...) mà người nông dân phải nộp hằng năm khi sống trên đất hoặc trồng cấy trên ruộng vườn của địa chủ.

timdapan.com

Trước mắt, chỉ còn trông vào sự đóng góp tự nguyện của đồng bào.

Ngày 4 tháng Chín, Chính phủ lập Quỹ Độc lập.

Một tuần lễ sau, Bác kêu gọi đồng bào cả nước tích cực hưởng ứng Tuần lễ vàng. Nhiều người sốt sắng đem tới góp cả những vật kỉ niệm thân thiết nhất của mình. Đó là đôi khuyên của một bà cụ đã sắm từ ngày còn con gái. Đó là hai chiếc nhẫn cưới của một cặp vợ chồng. Một cụ già tám mươi tuổi mang tới một gói lụa điều, bên trong là nén vàng gia bảo[1] nặng mười bảy lạng. Có gia đình quyên góp toàn bộ tư trang[2] của những người trong nhà.

Chỉ trong một thời gian ngắn, các tầng lớp nhân dân đã quyên góp vào Quỹ Độc lập và Tuần lễ vàng được hai mươi triệu đồng và ba trăm bảy mươi ki-lô-gam vàng.

Hồ Chủ tịch đặc biệt quan tâm đến việc xác định mối quan hệ giữa những người làm việc trong bộ máy chính quyền mới với nhân dân. Tháng Mười, trong bức thư gửi cho các Uỷ ban nhân dân ở các tỉnh, huyện và làng, Người viết : "Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng là đầy tớ của dân".

Ngày xưa, Trần Hưng Đạo khuyên vua chước[3] giữ nước hay hơn cả là "lúc bình thời, khoan sức cho dân[4] để làm kế sâu rễ, bền gốc". Nguyễn Trãi chê Hồ Quý Ly để mất nước vì chỉ biết đóng cọc ngăn sông cản giặc, mà không biết lấy sức dân làm trọng. Các đấng anh hùng dân tộc lập nên công lớn, đều rất coi trọng sức dân để giữ nước, chống giặc.

Ngày nay, Hồ Chủ tịch kêu gọi : "Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm". Người nói : Phải "dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân". Khác với người xưa, Hồ Chủ tịch chỉ rõ : Làm những việc đó là "để mưu hạnh phúc cho dân".

Trong thư gửi cho các Uỷ ban nhân dân, Người viết : "Nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc thì độc lập cũng không có nghĩa lí gì".

"Hạnh phúc cho dân", đó là điều Người đã nêu lên trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* : "dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".

---

(1) *Gia bảo* : của quý trong nhà, thường do ông cha để lại.

(2) *Tư trang* : đồ trang sức của mỗi người trong nhà, thường là của con gái.

(3) *Chước* : mưu kế.

(4) *Khoan sức cho dân* : giảm đóng góp, phu phen tạp dịch của dân cho nhà nước nhằm tăng cường sức dân.

timdapan.com

Hạnh phúc mà Người muốn đem lại *cho dân* là một niềm hạnh phúc trọn vẹn. Hạnh phúc đó không chỉ ở những thành quả mà hôm nay cách mạng vừa đem lại cho toàn dân. Hạnh phúc đó còn đang tiếp tục đến với nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh để tiêu diệt tận cùng nguồn gốc mọi nỗi khổ đau của con người, xây dựng nên một xã hội mà mọi hiện tượng người bóc lột người đều hoàn toàn bị xoá bỏ. Trong cuộc đấu tranh vĩ đại ấy, Đảng và Hồ Chủ tịch đã chọn cho nhân dân ta một con đường ngắn nhất.

"Hạnh phúc cho dân", đó là mục đích của việc giành lấy chính quyền và giữ vững, bảo vệ chính quyền ấy. Đó là lí tưởng của Người. Đó cũng là tấm lòng của Người.

Trong bức thư gửi cho các Uỷ ban nhân dân, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra một số khuyết điểm của những người làm việc tại các cơ quan chính quyền như là : trái phép, cậy thế, tư túng[1], kiêu ngạo,... Người kết thúc lá thư : "Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà mà tôi phải nói : chúng ta phải ghi sâu những chữ công bình, chính trực vào lòng...".

Tháng Chạp, Bác viết một bài *Tự phê bình* cho đăng lên các báo.

"Vì yêu mến tôi và tin cậy tôi mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như một người cầm lái phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân...

Tuy ta tranh được quyền độc lập đã năm tháng, song các nước chưa công nhận ta.

Tuy các chiến sĩ ta đánh rất oanh liệt, song kháng chiến chưa thắng lợi.

Tuy những người trong ban hành chính làm việc tốt và thanh liêm, song cái tệ tham ô nhũng lạm chưa quét sạch.

Tuy Chính phủ ra sức chỉnh đốn, song nhiều nơi chính trị vẫn chưa vào nền nếp.

Có thể cho rằng những khuyết điểm đó vì thời gian còn ngắn ngủi, vì nước ta còn mới, hoặc vì lẽ này lẽ khác.

Nhưng không, tôi phải nói thật : Những sự thành công là nhờ đồng bào cố gắng. Những khuyết điểm kể trên là lỗi tại chúng tôi...".

---

(1) *Tư túng* : toan tính cho lợi ích cá nhân.

timdapan.com

Người dân lao động bình thường đã nhận thấy rõ Nhà nước hôm nay đúng là Nhà nước của mình. Đây là một điều hết sức mới lạ. Trong lịch sử đất nước, những triều đình phong kiến, những bộ máy đô hộ bao giờ cũng là công cụ của một số ít, những kẻ cầm quyền thuộc giai cấp bóc lột, để thực hiện sự thống trị với số đông là dân, là những người lao động. Nó bao giờ cũng chỉ mang lại lợi ích cho số ít, và đem lại khổ nhục cho số đông. Ngày nay, Nhà nước đã trở thành của số đông, của nhân dân lao động. Nó đang hằng ngày, hằng giờ bảo vệ quyền lợi và mang lại hạnh phúc cho dân. Những gì hiện nay nó chưa làm được, thì nhất định nó sẽ làm được trong tương lai.

Đồng bào ta đã nhận thấy ở Bác Hồ, hình ảnh tượng trưng cao đẹp nhất của dân, của nước, của cách mạng, của chính quyền mới, chế độ mới.

(*Những năm tháng không thể nào quên*,
NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Tìm hiểu bố cục của phần trích (các đoạn, ý chính trong từng đoạn).

2. Để hồi tưởng về những ngày đầu của nước Việt Nam mới, tác giả đã xuất phát từ điểm nhìn hiện tại nào ? Những cảm nghĩ cụ thể của tác giả ?

3. Phần trích đã nêu rõ những khó khăn, nguy nan của nước Việt Nam mới ra sao ?

4. Đảng và Chính phủ được sự ủng hộ của toàn dân đã có những quyết sách đúng đắn, sáng suốt như thế nào để đưa đất nước vượt qua gian khó ?

5. Trong cả phần trích, đâu là hình tượng tiêu biểu, gây ấn tượng sâu sắc nhất ? Vì sao ?

6. Nghệ thuật thể hiện hồi kí trong phần trích này có gì đặc biệt ?

timdapan.com

THỰC HÀNH CHỮA LỖI LẬP LUẬN TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Phát hiện và sửa chữa được các lỗi lập luận trong bài văn nghị luận.
- Rèn kĩ năng tạo các đoạn văn có lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

1. Phát hiện và phân tích các lỗi lập luận trong những đoạn văn sau :

a) *Giá trị quan trọng nhất của văn học dân gian là giá trị nhận thức. Văn học dân gian chứa đựng một lượng kiến thức khổng lồ, phong phú về tự nhiên và đời sống xã hội. Những câu tục ngữ, ca dao vừa cung cấp cho chúng ta những hiểu biết, những kinh nghiệm sống, vừa tác động mạnh mẽ đến tâm hồn con người. Ví dụ như câu : "Chuồn chuồn bay thấp thì mưa – Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm" là một cách dự báo thời tiết của nhân dân ta.*

b) *Người thanh niên trong truyện ngắn* ***Lặng lẽ Sa Pa*** *của Nguyễn Thành Long không chỉ say mê công việc, lạc quan, yêu đời mà còn rất thèm người. Anh thèm người tới mức đã tự tay lăn một cây to chặn ngang giữa đường để được gặp mặt và trò chuyện với đoàn khách lên Sa Pa dù chỉ là một vài phút. Chính cái sự thèm người ấy đã làm cho ta phần nào hiểu thêm về tính cách của anh. Anh sống lặng lẽ một mình, làm một công việc thầm lặng nhưng không có nghĩa là anh chán ghét cuộc đời. Anh vẫn yêu đời, vẫn yêu người. Đó là biểu hiện rõ nét nhất của tinh thần lạc quan.*

c) *Truyện ngắn* ***Vợ nhặt*** *của Kim Lân đã cho thấy sức mạnh của tình người trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc sống. Nhờ có mấy bát bánh đúc mà người đàn bà trở thành vợ của Tràng. Cũng chính vì đói mà họ nương tựa vào nhau, chia sẻ với nhau giữa lúc hoạn nạn. Đó chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm.*

d) *Nếu ai đã từng ra biển thì hẳn phải cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu và sức mạnh của những con sóng miên man vỗ bờ. Những con sóng luôn biến đổi khôn lường, lúc thì êm ả, dịu dàng, lúc lại sôi sục, dữ dội. Và những con sóng ấy dường như không biết mệt. Sóng từ đâu đến và sóng đi đâu, về đâu ? Chính vì thế, Xuân Quỳnh đã ví tình yêu của mình như những con sóng "Dữ dội và*

timdapan.com

dịu êm – Ồn ào và lặng lẽ". Chính Xuân Quỳnh đã hoá thân vào những con sóng để nói lên tình yêu của mình.

e) *Lòng thương người của Nguyễn Du bao trùm lên toàn bộ tác phẩm* ***Truyện Kiều****. Đoạn trích nào trong sách giáo khoa ông cũng nâng cao phẩm giá con người. Kiều thương cha bị đòn mà phải bán mình. Điều này khiến chúng ta thấy rõ hơn cuộc sống hồng nhan của Kiều. Ông thương xót Kiều vì Kiều chịu bao nhiêu tai hoạ. Ta càng hiểu thế nào là hồng nhan mà bạc mệnh.*

g) *Cây xà nu là một loài cây họ thông mọc rất nhiều trong những khu rừng ở Tây Nguyên. Xà nu là một loài cây gỗ quý và đặc biệt có sức sống rất mãnh liệt. Nói đến cây xà nu là ta hình dung ra con người Tây Nguyên với phẩm chất anh dũng, quật cường. Rừng xà nu là biểu tượng cho người dân Xô Man. Hình ảnh những thế hệ cây xà nu cũng gợi lên sự tiếp nối của thế hệ những người dân Xô Man : "Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi... Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ".*

h) *Chính vì ra đời từ rất sớm nên văn học dân gian có giá trị trong việc bảo tồn và nuôi dưỡng tâm hồn nhân dân. Các tác phẩm văn học dân gian đều hướng con người tới cái "chân, thiện, mĩ". Không một ai là không biết đến truyện cổ tích* ***Tấm Cám****. Cuộc đấu tranh của cô Tấm với mẹ con Cám cũng chính là cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác. Và tất nhiên, chiến thắng sẽ thuộc về cái thiện. Văn học dân gian còn là kho tàng về nghệ thuật :*

"Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu."

Với phép so sánh đặc sắc, câu ca dao là lời hát về thân phận éo le, khổ cực của người phụ nữ trong xã hội xưa. Với những giá trị ấy, văn học dân gian là bộ phận của văn học Việt Nam và là nền tảng của văn học viết.

2. Chữa lại các đoạn văn trên để lập luận chặt chẽ, lôgíc và có sức thuyết phục.

timdapan.com

ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được một cách hệ thống và biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 12, học kì I.
- Có năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ : sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học,...

I – NỘI DUNG ÔN TẬP

Sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập một gồm một số tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX. Nội dung của phần này có mấy điểm cần lưu ý :

1. Về bài *Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX*

Điều quan trọng nhất là phải hiểu được hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của đất nước ta từ năm 1945 đến năm 1975 (hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt) để có thể giải thích được các đặc điểm cơ bản của văn học, nắm được tiêu chí đánh giá thành tựu và những hạn chế khó tránh khỏi của giai đoạn văn học này theo quan điểm lịch sử.

Về giai đoạn văn học từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX, cần nắm được hoàn cảnh lịch sử, xã hội và những chuyển biến bước đầu của giai đoạn văn học này về các mặt : quan điểm sáng tác của nhà văn, những đổi mới về thể loại sáng tác và lí luận, phê bình văn học.

2. Về hai bài có tính chất khái quát về tác giả văn học : Hồ Chí Minh và Tố Hữu.

Hai bài này đều gắn với những bài học về tác phẩm cụ thể của các tác giả nói trên. (Hồ Chí Minh gắn với bài học về *Tuyên ngôn Độc lập*, Tố Hữu gắn với bài học về *Việt Bắc*.)

Đối với nền văn học Việt Nam hiện đại, Hồ Chí Minh là một tác giả xuất hiện khá sớm với những truyện ngắn, kí và văn chính luận viết bằng tiếng

timdapan.com

Pháp từ đầu những năm hai mươi của thế kỉ XX. *Tuyên ngôn Độc lập* của Người là áng văn mở nước, đồng thời cũng mở đầu thời kì văn học từ sau Cách mạng tháng Tám. Sáng tác văn học của Người, từ truyện, kí, văn chính luận đến thơ ca, có vị trí quan trọng đối với nền văn học hiện đại Việt Nam. Hồ Chí Minh là nhà văn, nhà thơ cách mạng tiêu biểu nhất, đồng thời là nhà văn hoá lớn của dân tộc. Khi ôn tập về tác giả Hồ Chí Minh, cần lưu ý : quan điểm sáng tác nhất quán ; sự nghiệp văn học đa dạng, phong phú ; phong cách nghệ thuật độc đáo.

Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng. Ông là nhà thơ trữ tình – chính trị lớn của nền thơ ca hiện đại Việt Nam mà mỗi chặng đường thơ đều gắn bó mật thiết với chặng đường cách mạng. Khi ôn tập về tác giả Tố Hữu, cần nắm vững : ông là nhà thơ trữ tình – chính trị lớn của thời đại mới, chủ đề xuyên suốt đời thơ của ông là ca ngợi lí tưởng cộng sản, nét nổi bật của phong cách nghệ thuật là đậm đà bản sắc dân tộc truyền thống.

3. Các tác phẩm được chọn học chính thức hay đọc thêm thuộc nhiều thể loại khác nhau : thơ, văn chính luận, hồi kí, tuỳ bút, văn nhật dụng.

Ngoài những tác phẩm văn học Việt Nam, sách giáo khoa còn chọn để đọc thêm bài *Đô-xtôi-ép-xki* (X. Xvai-gơ), *Tự do* (P. Ê-luy-a).

Khi ôn tập các tác phẩm này, cần nắm vững đặc trưng của từng thể loại văn học để vận dụng vào việc đọc tác phẩm. Đồng thời, cũng nên so sánh những tác phẩm cùng thể loại để nhận rõ hơn những nét riêng về phong cách của mỗi tác phẩm. Ví dụ : So sánh đoạn trích *Đất Nước* trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm với bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi (thơ) ; so sánh *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường với *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân (tuỳ bút),...

II – PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP

Học sinh có thể vận dụng những hình thức ôn tập sau :

– Làm bài tập tại lớp.

– Thuyết trình.

– Thảo luận ở lớp (có thể theo từng nhóm).

– Viết báo.

Có thể lập đề cương ôn tập theo hệ thống các vấn đề và câu hỏi sau :

1. Quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX (những giai đoạn và thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn) ?

timdapan.com

2. Những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 ?

3. Quan điểm sáng tác văn học nghệ thuật của Hồ Chí Minh ? Chứng minh mối quan hệ nhất quán giữa quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Người.

4. Mục đích và đối tượng của bản *Tuyên ngôn Độc lập* (căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn) ? Phân tích nội dung và hình thức của tác phẩm để làm rõ *Tuyên ngôn Độc lập* vừa là một áng văn chính luận mẫu mực vừa là một áng văn chan chứa những tình cảm lớn.

5. Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình – chính trị ? Phân tích khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn trong thơ Tố Hữu.

6. Phân tích những biểu hiện của tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

7. Vấn đề đặt ra và hệ thống luận điểm, cách triển khai lí lẽ và dẫn chứng trong các bài viết *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* (Phạm Văn Đồng), *Mấy ý nghĩ về thơ* (Nguyễn Đình Thi), *Đô-xtôi-ép-xki* (X. Xvai-gơ).

8. Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng (so sánh với hình tượng người lính trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu).

9. Những khám phá riêng của mỗi nhà thơ về đất nước quê hương qua bài thơ *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi) và đoạn trích *Đất Nước* trong trường ca *Mặt đường khát vọng* (Nguyễn Khoa Điềm) ?

10. Phân tích hình tượng *sóng* trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh. Anh (chị) cảm nhận được gì về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ này ?

11. Những điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của các bài thơ *Dọn về làng* (Nông Quốc Chấn), *Tiếng hát con tàu* (Chế Lan Viên), *Đò Lèn* (Nguyễn Duy) và *Bác ơi !* (Tố Hữu).

12. So sánh *Chữ người tử tù* (*Ngữ văn 11*, tập một) với *Người lái đò Sông Đà*, nhận xét những điểm thống nhất và khác biệt của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

13. Cảm hứng thẩm mĩ và văn phong của Hoàng Phủ Ngọc Tường qua đoạn trích bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?*

* *Lưu ý* : Về những tác phẩm khác, học sinh dựa vào *Hướng dẫn học bài* và *Hướng dẫn đọc thêm* để ôn tập.

timdapan.com

KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI HỌC KÌ I

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được một cách hệ thống các tri thức và kĩ năng của cả ba phần : Văn học, Tiếng Việt và Làm văn.
- Vận dụng những tri thức và kĩ năng đã học để hoàn thành tốt bài kiểm tra tổng hợp cuối học kì I.

I – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Những nội dung cần chú ý

a) *Về Văn học*

– Những đặc trưng cơ bản và các tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX.

– Giá trị nội dung và nghệ thuật của một số tác phẩm, đoạn trích được học trong học kì I : *Tuyên ngôn Độc lập* (Hồ Chí Minh), *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* (Phạm Văn Đồng), *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Việt Bắc* (Tố Hữu), *Đất Nước* (Nguyễn Khoa Điềm), *Sóng* (Xuân Quỳnh), *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo), *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân), *Ai đã đặt tên cho dòng sông ?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường),...

– Quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học, bản chất và những biểu hiện của phong cách văn học.

b) *Về Tiếng Việt*

– Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, các loại văn bản khoa học và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học, luật thơ.

– Thực hành một số phép tu từ về ngữ âm và cú pháp.

c) *Về Làm văn*

– Thực hành vận dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận.

timdapan.com

– Luyện tập diễn đạt và chữa lỗi lập luận trong văn nghị luận.

– Cách làm các kiểu bài nghị luận về : một tư tưởng, đạo lí ; một hiện tượng đời sống ; một ý kiến bàn về văn học ; một bài thơ, đoạn thơ.

2. Cách ôn tập và làm bài kiểm tra

a) *Cách ôn tập*

– Đọc lại các văn bản văn học, vở ghi và hệ thống hoá các kiến thức đã học ; học thuộc lòng các đoạn văn và khổ thơ hay.

– Nắm chắc lí thuyết về phong cách ngôn ngữ khoa học, về yêu cầu giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và luật thơ.

– Chú trọng thực hành, luyện tập (xem lại các bài tập trong cả ba phần : Văn học, Tiếng Việt và Làm văn).

– Chú ý nắm được cách làm bài kiểm tra tổng hợp, ôn lại cách làm bài kiểm tra tổng hợp cuối lớp 11.

b) *Cách làm bài*

– Bài kiểm tra gồm hai phần : trắc nghiệm khách quan và tự luận. Tỉ lệ điểm đánh giá giữa hai phần này là 3/7. Bởi vậy, cần bố trí thời gian hợp lí cho từng phần. Cố gắng làm nhanh phần trắc nghiệm khách quan (khoảng 15 đến 20 phút).

– Khi làm bài trắc nghiệm khách quan, nên cân nhắc nhanh nhưng thận trọng để tìm một phương án đúng trong bốn phương án đưa ra.

– Cách làm phần tự luận giống như cách viết các bài làm văn định kì. Cần chú ý nắm chắc yêu cầu của đề bài, lập dàn ý đại cương trước khi viết và kiểm tra, sửa chữa bài viết cẩn thận trước khi nộp bài.

II – GỢI Ý ĐỀ BÀI

(Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian giao đề)

Phần trắc nghiệm *(3 điểm)*

1. Đặc điểm nào sau đây *không* phải là đặc điểm của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 ?

A – Nền văn học chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước

timdapan.com

B – Nền văn học luôn hướng về đại chúng

C – Nền văn học có nhịp độ phát triển hết sức mau lẹ

D – Nền văn học chủ yếu mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn

2. Nhận định nào dưới đây khái quát đúng và đầy đủ giá trị bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ?

A – *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá, một áng văn chính luận mẫu mực.

B – *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá, một bản án chế độ thực dân Pháp.

C – *Tuyên ngôn Độc lập* là một mẫu mực về nghệ thuật lập luận, một bản án chế độ thực dân Pháp.

D – *Tuyên ngôn Độc lập* là một áng văn chính luận xuất sắc, một mẫu mực về nghệ thuật lập luận.

3. Chủ đề bài *Tây Tiến* của Quang Dũng là gì ?

A – Cảm hứng lãng mạn và bi tráng về người lính Tây Tiến

B – Cảnh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội mà mĩ lệ

C – Cuộc chiến đấu đầy cam go, gian khổ và vô cùng anh dũng của các chiến sĩ Tây Tiến

D – Tình yêu thiên nhiên, quan hệ gắn bó giữa người lính Tây Tiến với nhân dân

4. Chủ đề bài *Việt Bắc* của Tố Hữu là gì ?

A – Thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp của núi rừng Việt Bắc

B – Khúc tình ca về cách mạng và con người kháng chiến

C – Khúc hùng ca và tình ca về cách mạng, về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến

D – Tình cảm gắn bó keo sơn giữa các chiến sĩ cách mạng với đồng bào Việt Bắc, giữa quần chúng với lãnh tụ

5. "Hồ Chí Minh coi văn chương trước hết là vũ khí chiến đấu, là một hành vi chính trị, xã hội, có đối tượng và mục đích rõ ràng. Khi viết, nhà văn phải tự

timdapan.com

hỏi viết về ai, viết để làm gì, sau đó mới quyết định viết cái gì và viết như thế nào."

Đoạn văn trên đây nói về [...] của Hồ Chí Minh.

Chọn cụm từ phù hợp nhất dưới đây điền vào chỗ trống trong câu in nghiêng trên.

A – Mục đích sáng tác

B – Quan điểm sáng tác

C – Phương pháp sáng tác

D – Nội dung sáng tác

6. Nhận định dưới đây nói về nhà thơ nào ?

"Các chặng đường thơ của ông luôn gắn bó và phản ánh chân thật những chặng đường cách mạng của dân tộc. Những tư tưởng, tình cảm lớn của con người, những vấn đề lớn lao của đời sống đã được ông thể hiện qua giọng thơ mang tính chất tâm tình rất tự nhiên, đằm thắm, chân thành".

A – Hồ Chí Minh

B – Tố Hữu

C – Nguyễn Đình Thi

D – Chế Lan Viên

7. Đọc đoạn văn sau và cho biết trường hợp nào chỉ bao gồm các thuật ngữ khoa học ?

"Nói một cách tổng quát, ngữ nghĩa học hiện đại nghiên cứu không chỉ những ý nghĩa hiển ngôn mà cả những ý nghĩa hàm ẩn, nghiên cứu ý nghĩa không chỉ của các đơn vị có đoạn tính, mà cả của các yếu tố không có đoạn tính, nghiên cứu ý nghĩa không chỉ của các đơn vị lập thành hệ thống mà cả của các hành vi sử dụng chúng, của những quan hệ giữa các đơn vị hệ thống với hoàn cảnh giao tiếp". (Đỗ Hữu Châu, *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*)

A – Tổng quát, ngữ nghĩa học, hiện đại, hiển ngôn, hàm ẩn, đơn vị đoạn tính, ý nghĩa, hoàn cảnh giao tiếp

B – Ngữ nghĩa học, hiển ngôn, hàm ẩn, đơn vị có đoạn tính, yếu tố không có đoạn tính, đơn vị hệ thống, hoàn cảnh giao tiếp

C – Ngữ nghĩa học, nghiên cứu, ý nghĩa, hệ thống, đơn vị, quan hệ, sử dụng, hoàn cảnh giao tiếp

D – Tổng quát, hiện đại, nghiên cứu, hệ thống, hiển ngôn, hàm ngôn, hoàn cảnh giao tiếp

timdapan.com

8. Đặc điểm nào sau đây *không* phải là đặc trưng của phong cách ngôn ngữ khoa học ?

A – Tính khái quát, trừu tượng

B – Tính truyền cảm, thuyết phục

C – Tính lí trí, lôgíc

D – Tính khách quan, phi cá thể

9. Khổ thơ sau đây *không* sử dụng phép tu từ ngữ âm nào ?

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi.

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

A – Thay đổi nhịp điệu các dòng thơ

B – Phối ứng thanh điệu

C – Điệp khúc

D – Điệp phụ âm đầu và vần

10. Đề tài nào sau đây *không* thuộc đối tượng nghị luận ở Trung học phổ thông ?

A – Một hiện tượng đời sống

B – Một phát minh, một công trình khoa học

C – Một tư tưởng, đạo lí

D – Một ý kiến bàn về văn học

11. Nêu những thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn văn sau.

"Tiếng suối trong như tiếng hát xa...". Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so sánh tiếng hát trong với nước ngọc tuyền. Những người này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi cho tiếng suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần nhất với hình ảnh trong câu thơ này. Có thể chẳng phải ngẫu nhiên. Nguyễn Trãi sành âm nhạc. Bác Hồ cũng thích âm nhạc. Tiếng hát của một danh ca Pháp từng thích nghe thời trẻ, đến tuổi bảy mươi Bác còn nhờ chị Ma-đơ-len Líp-phô tìm lại hộ. Tiếng suối ngàn của đất nước hay đó là tiếng hát của trái tim người nghệ sĩ yêu đời ?

(*Theo* Lê Trí Viễn, trong *Làm văn 12*, NXB Giáo dục, 2000)

timdapan.com

A – Bác bỏ và bình luận

B – Phân tích và bác bỏ

C – So sánh kết hợp với phân tích và bác bỏ

D – So sánh kết hợp với bình luận

12. Lập luận dưới đây mắc lỗi nào ?

Sách [...] *thật là vừa hay lại vừa lành : hay vì nó không đến nỗi vô vị vô duyên, lành vì nó không có ảnh hưởng xấu đến tinh thần người đọc.*

A – Không đủ lí do

B – Mâu thuẫn

C – Không nhất quán

D – Không có luận cứ

Phần tự luận (*7 điểm* – chọn một trong hai đề)

Đề 1

1. Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *(2 điểm)*

2. Phân tích nghệ thuật lập luận trong tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. *(5 điểm)*

Đề 2

1. Giới thiệu bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng. *(2 điểm)*

2. Đồng cảm và sẻ chia trong xã hội ta ngày nay. *(5 điểm)*

timdapan.com

MỤC LỤC

Tuần	Nội dung	*Trang*
1	• Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX	3
	• Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí	20
2	• *Tuyên ngôn Độc lập*	23
	• Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	30
	• Viết bài làm văn số 1 : Nghị luận xã hội	35
3	• *Tuyên ngôn Độc lập* (tiếp theo)	38
	• Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt (tiếp theo)	43
4	• *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc*	47
	• Đọc thêm : *Mấy ý nghĩ về thơ* (trích)	55
	• Đọc thêm : *Đô-xtôi-ép-xki* (trích)	61
	• Nghị luận về một hiện tượng đời sống	66
5	• Phong cách ngôn ngữ khoa học	71
	• Trả bài làm văn số 1	77
	• Viết bài làm văn số 2 : Nghị luận xã hội (bài làm ở nhà)	78
6	• *Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1 – 12 – 2003*	80
	• Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ	84
7	• *Tây Tiến*	87
	• Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học	91
8	• *Việt Bắc* (trích)	94
	• Luật thơ	101
	• Trả bài làm văn số 2	108
9	• *Việt Bắc* (trích – tiếp theo)	109
	• Phát biểu theo chủ đề	115
10	• *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)	117
	• Đọc thêm : *Đất nước*	124
	• Luật thơ (tiếp theo)	127

timdapan.com